

Số: 45 /2024/TB-TGD

Sóc Trăng, ngày 04 tháng 01 năm 2024

## THÔNG BÁO

### CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022 (ĐỢT 3)

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/07/2022)

#### I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành: NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
- Tên viết tắt: VIETBANK
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 362 1454 Số fax: (0299) 362 1858 Website: <https://www.vietbank.com.vn/>
- Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)
- Mã cổ phiếu: VBB
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao Dịch Ngân Hàng Nhà Nước  
Số hiệu tài khoản: 120146 (Citad Code 79356001)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023.
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác - Mã ngành: 6419
  - Sản phẩm/dịch vụ chính: Phụ lục 1 (đính kèm).
- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

#### II. Mục đích chào bán

Để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

#### III. Phương án chào bán

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 3).
- Loại trái phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ chức Phát Hành, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.
- Mã trái phiếu dự kiến: VBB124001.  
Mã trái phiếu sẽ được Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định hiện hành sau khi VietBank hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC.
- Mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu





5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: **300.000** (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu, dự kiến phát hành 03 (ba) đợt:
- Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).
  - Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).
  - Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Trong đó: Đã chào bán thành công trái phiếu Đợt 1 và Đợt 2, cụ thể như sau:

Đã chào bán thành công trái phiếu đợt 1 là 100.000.000.000 VNĐ (Một trăm tỷ đồng) và 900.000.000.000 VNĐ (Chín trăm tỷ đồng) còn lại chưa phân phối hết được chuyển qua Đợt 2.

Đã chào bán thành công trái phiếu đợt 2 là 190.000 (Một trăm chín mươi nghìn) Trái phiếu tương đương 1.900.000.000.000 VND (Một nghìn chín trăm tỷ đồng).

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán Đợt 3 theo mệnh giá: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng);
7. Kỳ hạn trái phiếu: Trái Phiếu Đợt 3 có kỳ hạn: 07 (Bảy) năm.
8. Lãi suất:

Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái Phiếu (Lãi Suất Tham Chiếu, Biên độ) áp dụng phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái Phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ.

Lãi suất áp dụng cho Trái phiếu Đợt 3 là lãi suất thả nổi được quy định như sau:

- Năm năm đầu: Lãi Suất Tham Chiếu + 2,50%.
- Hai năm cuối: Lãi Suất Tham Chiếu + 3,50%.

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

Ngày xác định lãi suất:

- + Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Công Bố Thông Tin.
- + Đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Kỳ Thanh Toán Lãi.

Lãi suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đầu tiên của Trái Phiếu Đợt 3 là: 7,45 % (Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm).

9. Kỳ trả lãi: Định kỳ 01 (một) năm một lần.
10. Giá chào bán: 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu.
11. Phương thức phân phối: Phân phối trực tiếp cho Nhà Đầu Tư thông qua các kênh phân phối tại Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
12. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 05 (Năm) Trái Phiếu, tương đương 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Để tránh nhầm lẫn, Nhà Đầu Tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị.
13. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 10/01/2024 đến ngày 26/03/2024.
14. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu: Tại Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
15. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: Từ ngày 10/01/2024 đến ngày 26/03/2024.
16. Ngày phát hành dự kiến: 27/03/2024.
17. Các điều khoản về chuyển đổi trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi, nêu thời hạn, tỷ lệ chuyển đổi*): Không có
18. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền, nêu thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền, giá cổ phiếu thực hiện chứng quyền*): Không có
19. Các thông tin liên quan đến trái phiếu có bảo đảm (*trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm, nêu hình thức,*



giá trị, phương thức bảo đảm): Không có

20. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu

Số tài khoản: 1021511768.

Tên chủ tài khoản: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn Chợ Lớn ( được đổi tên từ chi nhánh Bình Tây)

21. Địa điểm công bố Bản cáo bạch: Bản cáo bạch được đăng tải trên:

- Trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín: <https://www.vietbank.com.vn/>

- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: <https://hnx.vn/>

#### IV. Các tổ chức liên quan

**TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH:** Không có

**TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:** Không có

**ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI:** Không có

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2021,2022:**

**Công ty TNHH KPMG Việt Nam**

Trụ sở chính : Lầu 10, Tòa nhà Sunwah, Số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3821 9266

Fax: (028) 3821 9267

Website : <https://www.kpmg.com/>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)**

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

**ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)**

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

Sóc Trăng, ngày 04 tháng 01 năm 2024.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



TRẦN TUẤN ANH



**PHỤ LỤC 1**

**CÁC SẢN PHẨM/DỊCH VỤ CHÍNH CỦA VIETBANK**

STT	TÊN SẢN PHẨM/DỊCH VỤ
1.	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2.	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước.
3.	Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng
4.	Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5.	Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
6.	Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
7.	Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8.	Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9.	Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10.	Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp
11.	Dịch vụ môi giới tiền tệ.
12.	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
13.	Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14.	Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
15.	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16.	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
17.	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
18.	Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
19.	Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.





**PHỤ LỤC 2**  
**THÔNG BÁO**

V/v: Lãi suất Trái phiếu Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2022 (Đợt 3) - Áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ 01 (27/03/2024 – 26/03/2025)

Căn cứ điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu được quy định trong Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ngày 01/06/2022.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín xin thông báo mức lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ 01 của Trái Phiếu công chúng Đợt 3- năm 2022 như sau:

- Tên Tổ Chức Phát Hành: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
- Ngày phát hành: 27/03/2024
- Ngày đáo hạn: 27/03/2031
- Kỳ tính lãi: từ ngày 27/03/2024 cho đến ngày 26/03/2025
- Lãi suất Trái phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01 được xác định bằng công thức:

*Lãi suất Trái phiếu = Lãi suất tham chiếu + biên độ 2,50% (hai phẩy năm phần trăm)/năm*

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

- Ngày xác định lãi suất:
  - + Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Công Bố Thông Tin.
  - + Đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Kỳ Thanh Toán Lãi.
- Ngày Công Bố Thông Tin: 05/01/2024.
- Lãi Suất Trái phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01 được xác định theo bảng dưới đây:

1.	Ngày Xác Định Lãi Suất		26/12/2023
2.	Lãi Suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	4,80%/năm
		Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5,00%/năm
		Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5,00%/năm
		Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	5,00%/năm
3.	Lãi Suất Tham Chiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01		4,95%/năm
4.	Lãi Suất Trái Phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01		7,45%/năm

(bằng chữ: bảy phẩy bốn mươi lăm phần trăm một năm)



Số: 43 /2024/CV-VB

Sóc Trăng, ngày 04 tháng 01 năm 2024

V/v: Công bố thông tin chào bán trái phiếu ra  
công chúng năm 2022 đợt 3

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà Nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### 1. Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

- Mã cổ phiếu: VBB
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 362 1454 Số fax: (0299) 362 1858
- Website: <https://www.vietbank.com.vn/>.

### 2. Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) nhận được Văn bản số 9455/UBCK-QLCB của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 3 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (tiếp tục triển khai theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK ngày 12/07/2022). Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) công bố thông tin chào bán trái phiếu Vietbank ra công chúng năm 2022 đợt 3 như sau:

1. Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 đợt 3;
2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK ngày 12/07/2022;
3. Công văn của UBCKNN về tài liệu báo cáo triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 3;
4. Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
5. Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch;
6. Các văn bản liên quan:
  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;





- Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2021 và Phương án niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021.
- Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2022 đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021.
- Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua việc tiếp tục triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng.
- Nghị quyết số 85/2022/NQ-HĐQT ngày 29/11/2022 của Hội đồng Quản Trị VietBank thông qua Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu công chúng năm 2022 đợt 2.
- Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐQT ngày 06/03/2023 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi thời gian phát hành tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 85/2022/NQ-HĐQT ngày 29/11/2021.
- Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua việc tiếp tục triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng.
- Nghị quyết số 134/2023/NQ-HĐQT ngày 20/09/2023 của Hội đồng Quản Trị VietBank thông qua việc phát hành trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2022 theo phương thức phát hành ra công chúng- Đợt 3.
- Điều lệ Vietbank;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, năm 2022; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý III năm 2023.



- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.
- Báo cáo kết quả phát hành đợt 1.
- Báo cáo Báo cáo kiểm toán sử dụng vốn thu được từ Đợt 1 đã được kiểm toán.
- Báo cáo kết quả phát hành đợt 2.
- Báo cáo Báo cáo kiểm toán sử dụng vốn thu được từ Đợt 2 đã được kiểm toán.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Vietbank vào ngày 05/01/2024 tại đường dẫn: <https://www.vietbank.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nội dung các thông tin đã công bố.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TRẦN TUẤN ANH



Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TT MKT



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH



**VIETBANK**  
NGÂN HÀNG VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

*(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 09/05/2022)*

### CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 202/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 7 năm 2022)*

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 01 tháng 06 năm 2022 tại:

**Tổ Chức Phát Hành: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank)**

Trụ sở chính: 47 Trần Hưng Đạo, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại : (0299) 362 1454

Fax: (0299) 362 1858

Website: <https://www.vietbank.com.vn/>

**Phụ trách công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành:**

Họ tên: Ông **Nguyễn Hữu Trung**

Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc

Điện thoại : (0299) 3621 454

Fax: (0299) 3621 858



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

*(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 09/5/2022)*

**CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

- Tên trái phiếu** : Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 theo 3 đợt, có các tên gọi như sau (được gọi chung là "Trái Phiếu"):
- Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1)
  - Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 2)
  - Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 3)
- Loại trái phiếu** : Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietBank theo quy định hiện hành.
- Mệnh giá** : 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/ Trái Phiếu.
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán** : Tối đa 300.000 (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu.
- Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá** : Tối đa 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).
- Kỳ hạn trái phiếu** : Từ 06 (sáu) đến 10 (mười) năm.
- Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT VietBank cân đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
- Lãi suất** : Lãi suất cố định; Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi. Lãi suất thả nổi được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND ("Lãi suất tham chiếu") được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam công bình độ.
- Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái phiếu phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ.
- Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank cân đối và quyết định lãi suất phát hành Trái phiếu theo từng đợt.

**TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:** Không có



**ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI:** Không có

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

*Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2019, 2020:*

**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

Trụ sở chính : Lầu 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3824 5252

Fax: (028) 3824 5250

Website : <https://www.ey.com/>

*Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2021:*

**Công ty TNHH KPMG Việt Nam**

Trụ sở chính : Lầu 10, Tòa nhà Sunwah Tower, Số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3821 9266

Fax: (028) 3821 9267

Website : <https://www.kpmg.com/>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán HD**

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

**ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán HD**

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>



## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>3</b>
<b>MỤC LỤC BẢNG</b> .....	<b>6</b>
<b>MỤC LỤC HÌNH</b> .....	<b>7</b>
<b>NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b> .....	<b>8</b>
<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b> .....	<b>8</b>
1. Tổ Chức Phát Hành.....	8
2. Tổ Chức Tư Vấn.....	8
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b> .....	<b>8</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
2. Rủi ro về luật pháp.....	10
3. Rủi ro đặc thù.....	10
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	16
5. Rủi ro quản trị công ty.....	16
6. Rủi ro khác.....	17
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM</b> .....	<b>17</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</b> .....	<b>18</b>
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành.....	18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành.....	20
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành.....	23
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành.....	23
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	40
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.....	42
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	46
8. Hoạt động kinh doanh.....	48
9. Thông tin về cổ đông lớn.....	91
10. Thông tin về thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng.....	91
11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức.....	110
12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.....	110
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....	110
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	114



15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích .....	114
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH....</b>	<b>114</b>
1. Kết quả hoạt động kinh doanh .....	114
2. Tình hình tài chính .....	117
3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành .....	126
4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm .....	127
5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận .....	127
6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo.....	128
<b>VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>129</b>
1. Tên Trái Phiếu .....	131
2. Loại Trái Phiếu .....	131
3. Mệnh giá .....	131
4. Đối tượng mua trái phiếu.....	131
5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán .....	131
6. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá .....	132
7. Kỳ hạn trái phiếu.....	132
8. Lãi suất: .....	132
9. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc.....	134
10. Giá chào bán .....	135
11. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động.....	135
12. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu .....	135
13. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.....	138
14. Việc Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn.....	140
15. Phương Thức Phân Phối .....	141
16. Đăng Ký Mua Trái Phiếu .....	142
17. Lịch Trình Dự Kiến Phân Phối Trái Phiếu .....	143
18. Tài Khoản Phong Tóa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu .....	144
19. Ý Kiến Của Cơ Quan Có Thẩm Quyền Về Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng Của Tổ Chức Phát Hành .....	144
20. Các Loại Thuế Có Liên Quan .....	144
21. Thông Tin Về Các Cam Kết .....	145
<b>VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....</b>	<b>145</b>
<b>VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>145</b>



<b>IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>146</b>
22. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán.....	146
23. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán <i>(nếu có)</i> <i>(nếu kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực liên quan)</i> .....	147
<b>X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ <i>(nếu có)</i> .....</b>	<b>147</b>
<b>XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN .....</b>	<b>148</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>149</b>



## MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1. Chặng đường phát triển của VietBank .....	20
Bảng 2. Các danh hiệu & phần thưởng cao quý VietBank được trao trong thời gian qua .....	22
Bảng 3. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của VietBank .....	42
Bảng 4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2022 .....	46
Bảng 5. Trái phiếu tại ngày 31/03/2022.....	46
Bảng 6. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Hợp nhất).....	48
Bảng 7. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Riêng lẻ) .....	49
Bảng 8. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất) .....	50
Bảng 9. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng thu nhập hoạt động (Riêng lẻ).....	50
Bảng 10. Nguồn vốn huy động (Hợp nhất).....	53
Bảng 11. Nguồn vốn huy động (Riêng lẻ) .....	53
Bảng 12. Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất).....	54
Bảng 13. Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Riêng lẻ).....	55
Bảng 14. Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Hợp nhất) .....	57
Bảng 15. Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Riêng lẻ) .....	57
Bảng 16. Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất) .....	57
Bảng 17. Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ) .....	58
Bảng 18. Phân loại nợ cho vay theo chất lượng (Hợp nhất).....	59
Bảng 19. Phân loại nợ cho vay theo chất lượng (Riêng lẻ) .....	60
Bảng 20. Dự quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất) .....	61
Bảng 21. Dự quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Riêng lẻ).....	61
Bảng 22. Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất).....	61
Bảng 23. Tỷ lệ an toàn vốn (Riêng lẻ) .....	61
Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất).....	61
Bảng 25. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ) .....	62
Bảng 26. Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất).....	63
Bảng 27. Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Riêng lẻ) .....	64
Bảng 28. Chi tiết tài sản cố định (Hợp nhất) .....	65
Bảng 29. Chi tiết tài sản cố định (Riêng lẻ).....	66
Bảng 30. Số lượng Chi nhánh/Phòng giao dịch VietBank.....	75
Bảng 31. Một số dự án tiêu biểu của VietBank .....	88
Bảng 32. Danh sách thành viên HĐQT VietBank.....	91
Bảng 33. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát VietBank.....	98
Bảng 34. Danh sách thành viên Ban Điều hành VietBank.....	101
Bảng 35. Tình hình chi trả cổ tức của VietBank .....	110
Bảng 36. Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu .....	110



Bảng 37. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành ra công chúng .....	110
Bảng 38. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành riêng lẻ .....	111
Bảng 39. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Hợp nhất).....	111
Bảng 40. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Riêng lẻ) .....	112
Bảng 41. Thông tin về cam kết vốn (Hợp nhất).....	112
Bảng 42. Thông tin về cam kết vốn (Riêng lẻ).....	112
Bảng 43. Thông tin về cam kết thuê hoạt động (Hợp nhất) .....	113
Bảng 44. Thông tin về cam kết thuê hoạt động của VietBank (Riêng lẻ) .....	113
Bảng 45. Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Hợp nhất) .....	113
Bảng 46. Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Riêng lẻ).....	113
Bảng 47. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất).....	114
Bảng 48. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Riêng lẻ).....	115
Bảng 49. Cơ cấu thu nhập hoạt động (Hợp nhất) .....	115
Bảng 50. Cơ cấu thu nhập hoạt động (Riêng lẻ).....	116
Bảng 51. Tình hình công nợ (Hợp nhất).....	117
Bảng 52. Tình hình công nợ (Riêng lẻ) .....	118
Bảng 53. Danh sách Trái phiếu chưa đáo hạn tại 31/03/2022 .....	120
Bảng 54. Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất).....	122
Bảng 55. Các khoản phải nộp theo luật định (Riêng lẻ).....	122
Bảng 56. Số dư các quỹ (Hợp nhất).....	123
Bảng 57. Số dư các quỹ (Riêng lẻ) .....	123
Bảng 58. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất) .....	123
Bảng 59. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Riêng lẻ).....	125
Bảng 60. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận .....	127

## MỤC LỤC HÌNH

Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành .....	23
Hình 2. Cơ cấu quản trị của Tổ Chức Phát Hành.....	24
Hình 3. Tình hình huy động vốn của VietBank.....	52
Hình 4. Cơ cấu huy động vốn của VietBank.....	52



**NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ Chức Phát Hành****Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín (VietBank)**

(Ông) Dương Nhật Nguyên	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
(Ông) Nguyễn Hữu Trung	Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc
(Ông) Đinh Nguyễn Hải Linh	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

**2. Tổ Chức Tư Vấn****Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)**

(Ông) Dương Thế Quang	Chức vụ: Tổng Giám đốc
-----------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán HD tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 01.112021/HĐTVCC/VB-HDBS ngày 15 tháng 11 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín cung cấp.

**II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO****1. Rủi ro về kinh tế****(a) Rủi ro về môi trường kinh doanh**

Theo số liệu theo Tổng Cục Thống kê Việt Nam, tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong Quý IV/2021 ước tính tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,61%; khu vực dịch vụ tăng 5,42%. Về sử dụng GDP quý IV/2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,86% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 3,37%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,28%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 11,36%.

Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất – chế biến – tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản. Trước những thuận lợi và khó khăn đan xen, kết quả hoạt động năm 2021 của ngành nông nghiệp đã thể hiện rõ vai trò bệ đỡ của nền kinh tế, tăng 3,18%, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành lâm nghiệp tăng 3,88%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm và ngành thủy sản tăng 1,73%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,37%. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,24%. Trong khi đó, ngành khai khoáng giảm 6,21% do sản lượng dầu mỏ thô khai thác giảm 5,7% và khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 19,4%.



Cùng với đó, hoạt động thương mại, vận tải trong nước, khách du lịch quốc tế dần khôi phục trở lại. So với quý III, trong 3 tháng cuối năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 28,1%; vận chuyển hành khách tăng 48,4%, luân chuyển hành khách tăng 51,3% và vận chuyển hàng hóa tăng 31,8%, luân chuyển hàng hóa tăng 28,4%; khách quốc tế đến nước ta tăng 62,7%.

Đáng chú ý, cả năm 2021, ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt tốc độ tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 42,75%, hoạt động tài chính - ngân hàng tăng 9,42%, ngành thông tin và truyền thông tăng gần 6%.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 12,36%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,86%; khu vực dịch vụ chiếm 40,95%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,83%.

Về sử dụng GDP năm 2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 2,09% so với năm 2020; tích lũy tài sản tăng 3,96%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,01%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,16%.

### **(b) Lạm phát**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2021 giảm 0,18% so với tháng trước, song lại tăng 1,81% so với với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản tháng 12/2021 tăng 0,16% so với tháng trước, tăng 0,67% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với năm 2020.

Ngày 07/09/2021, Thống đốc NHNN ban hành Thông tư số 14/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đã kéo dài thời gian cơ cấu lại nợ thêm 6 tháng (đến ngày 30/6/2022). Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, Ngân hàng VietBank đã ban hành giảm lãi suất cho vay nhằm chia sẻ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng dịch Covid; đồng thời, linh hoạt điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo diễn biến thị trường; Tiếp tục cắt giảm chi phí hoạt động, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để tập trung giảm lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp và người dân, nhất là đối với các khoản cho vay cũ và các khoản cho vay trung và dài hạn; chủ động thực hiện hệ thống các giải pháp hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do dịch Covid-19 và kịp thời xây dựng, triển khai các giải pháp mới trên cơ sở bám sát diễn biến thực tế của đại dịch.

Lạm phát ở mức thấp và tỷ giá ổn định giúp chính sách tiền tệ nới lỏng xuyên suốt từ đầu năm. Trong năm 2021 NHNN thực hiện bơm khối lượng lớn VND ra thị trường thông qua kênh mua ngoại tệ, điều này giúp trạng thái thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng. Do đó lãi suất cho vay, gửi tiền trên liên ngân hàng duy trì ở mức thấp bình quân chưa đến 1%/năm, tác động làm giảm thu nhập lãi từ hoạt động cho vay, gửi tiền tại các TCTD khác của ngân hàng.

Tuy nhiên mặt bằng lãi suất liên ngân hàng thấp và thanh khoản dồi dào đồng thời kéo mặt bằng lợi suất đầu tư TPCP, TPTCTD giảm tạo điều kiện để VietBank gia tăng lợi nhuận từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư trong năm 2021 khi danh mục VietBank đang nắm giữ được mua ở các năm trước nằm ở vùng lợi suất cao hơn nhiều so với mức giảm của thị trường trong năm 2021 đã gần tiệm cận lợi suất TPCP Mỹ.

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ được đánh giá khả quan nhờ lãi suất VND trên liên ngân hàng giảm. Cụ thể lợi nhuận từ hoạt động mua bán ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi tăng nhờ chi phí nắm giữ trạng thái ngoại tệ và chi phí hoán đổi ngoại tệ giảm.

Tỷ lệ lạm phát thấp là cơ sở để NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ nới lỏng và ban hành các quy định hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng từ dịch covid 19 giúp mặt bằng lãi suất huy động, cho vay đều giảm. Tại VietBank biểu lãi suất huy động các kỳ hạn tại thời điểm cuối tháng 9 đã giảm từ 0.1% đến 0.3% so với đầu năm 2021. Các kỳ hạn có số dư lớn chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục huy động



như 6 tháng, 12 tháng được điều chỉnh giảm lãi suất mức cao nhất 0.3% giúp giảm tối đa chi phí huy động vốn của ngân hàng. Trong khi đó lãi suất cho vay các món vay dài hạn chưa đến kỳ điều chỉnh lãi suất hoặc các món vay có lãi suất cố định giúp ngân hàng vẫn duy trì mặt bằng lãi suất đều ra, biên lợi nhuận ổn định

Đối với các món vay được áp dụng chính sách điều chỉnh lãi suất chỉ chiếm tỷ trọng thấp trong danh mục cho vay của ngân hàng do đó tác động của lãi suất giảm không ảnh hưởng đáng kể đến mặt bằng lãi suất cho vay cũng như biên lợi nhuận của ngân hàng. Đồng thời mức độ giảm lãi suất cho vay được căn cứ vào mặt bằng lãi suất huy động để xác định mức giảm phù hợp cho từng khách hàng nhưng vẫn đảm bảo biên lợi nhuận cho ngân hàng.

Lạm phát thấp đồng thời tạo điều kiện để ngân hàng giảm chi phí hoạt động trong năm 2021. Giá thành các chi phí đầu vào, chi phí vận hành, chi phí lương không tăng mạnh giúp ngân hàng kiểm soát và tiết kiệm chi phí hoạt động gia tăng lợi nhuận năm 2021.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính, được giám sát bởi các quy định nghiêm ngặt tại Việt Nam, bao gồm cả các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khuôn khổ pháp lý và pháp luật đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển theo sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng, các cơ quan Nhà nước tại Việt Nam, bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), đang ngày càng đưa ra những tiêu chuẩn cao hơn, kèm theo các hướng dẫn và yêu cầu quản lý để kiểm soát tốt hơn các thay đổi tự nhiên của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị rủi ro.

Để ngăn ngừa rủi ro về luật pháp, VietBank chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản luật hiện hành, nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời VietBank có Phòng Pháp lý và Tuần Thủ với các chức năng quản lý rủi ro pháp lý trong toàn bộ hoạt động của Ngân hàng, thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin pháp lý, tư vấn cho Ban Điều hành về các hoạt động của Ngân hàng, nhằm hạn chế những rủi ro pháp lý có thể gặp phải.

Tuy nhiên, không có gì đảm bảo rằng, những quy định và chính sách nêu trên sẽ không phát triển theo cách ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính cũng như kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

## 3. Rủi ro đặc thù

### (a) Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ những thay đổi bất lợi về giá trị của các trạng thái hoặc các danh mục tài sản do những thay đổi trong giá cả thị trường, lãi suất hay tỷ giá. Trong phạm vi hoạt động tự doanh của Vietbank, Vietbank chỉ phát sinh rủi ro lãi suất, tỷ giá. Vietbank hiện không phát sinh rủi ro giá vàng, giá chứng khoán và hàng hóa do không phát sinh hoạt động tự doanh vàng, chứng khoán, hàng hóa.
- Rủi ro lãi suất phát sinh do biến động của bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với danh mục Số kinh doanh của Ngân hàng. Tại VietBank, việc quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện thông qua việc xây dựng quy trình, phương pháp đo lường quản lý rủi ro thị trường (trong đó bao gồm rủi ro lãi suất trên Số Kinh doanh); Thiết lập các hạn mức rủi ro lãi suất trên Số Kinh doanh, trong đó bao gồm: hạn mức trạng thái rủi ro lãi suất, hạn mức cắt lỗ, hạn mức hiện thực hóa lãi... Định kỳ hàng ngày, VietBank đo lường, giám sát các hạn mức rủi ro lãi suất trên Số Kinh doanh và cảnh báo nhằm đưa ra biện pháp kiểm soát rủi ro kịp thời.



- Rủi ro về ngoại hối phát sinh do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi VietBank có trạng thái ngoại tệ. Để kiểm soát rủi ro ngoại hối, VietBank thiết lập hạn mức trạng thái ngoại hối dương/âm tối đa, hạn mức cắt lỗ, hạn mức hiện thực hóa lãi,... và giám sát, theo dõi các hạn mức hàng ngày nhằm kiểm soát rủi ro ngoại hối. Trong quá trình hoạt động, VietBank luôn tuân thủ việc quản lý rủi ro ngoại hối theo quy định của NHNN (không duy trì trạng thái dương hoặc âm quá 20% vốn tự có của Ngân hàng). VietBank duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản nợ và tài sản có ngoại tệ, duy trì tình trạng ngoại hối ròng ở mức hợp lý, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao và có khả năng phân tích dự báo tình hình biến động tỷ giá của các đồng tiền để ra quyết định mua, bán các hợp đồng ngoại tệ. Bên cạnh đó, Ngân hàng tiếp cận việc sử dụng các công cụ tài chính có khả năng phòng ngừa rủi ro về ngoại hối như các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn (Forwards) và hoán đổi (Swap) trong hoạt động kinh doanh ngoại hối nhằm đảm bảo duy trì các hạn mức được thiết lập, phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- VietBank đã áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư 41) và đã thực hiện triển khai đánh giá nội bộ mức đủ vốn (ICAAP) theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018, hoàn thành 03 trụ cột Basel 2 theo tiêu chuẩn quốc tế giúp VietBank nâng cao năng lực quản lý rủi ro nói chung và quản lý rủi ro lãi suất nói riêng.

#### **(b) Rủi ro về tín dụng**

Rủi ro tín dụng có thể xảy ra khi Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh. Khi rủi ro tín dụng xảy ra sẽ dẫn đến khả năng không thu được nợ của Khách hàng, khiến cho tình hình kinh doanh của Ngân hàng sụt giảm và gặp rủi ro.

Cũng như các ngân hàng TMCP khác của Việt Nam, hoạt động tín dụng đóng góp nguồn thu quan trọng trong hoạt động của VietBank. Vì vậy, VietBank rất chú trọng đến hoạt động quản lý rủi ro tín dụng nhằm đảm bảo sự an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.

Trong cấp tín dụng, Vietbank đã và tiếp tục kiện toàn các quy định, quy trình, hướng dẫn nội dung có liên quan đến công tác thẩm định phê duyệt cấp tín dụng:

- Các quy định về hoạt động thẩm định và phê duyệt, dựa trên nguyên tắc độc lập và theo mức thẩm quyền từ cấp cơ sở đến các cấp ở Hội sở.
- Các quy định về bảo đảm tiền vay, danh mục các tài sản được chấp nhận, các thủ tục pháp lý cần thiết, và các biện pháp quản lý tài sản bảo đảm.
- Các quy định về thẩm định và phê duyệt, hướng dẫn phân tích phương án kinh doanh, định giá tài sản đảm bảo, xếp hạng Khách hàng, đánh giá toàn diện về tài chính, đưa ra các điều kiện cấp tín dụng trước khi giải ngân.
- Các hạn chế về cấp tín dụng tập trung áp dụng theo từng loại tiền vay, kỳ hạn vay, sản phẩm, ngành nghề, Khách hàng.
- Các quy định giám sát, kiểm tra, kiểm soát và xử lý trong suốt quá trình xem xét cấp tín dụng.

Vietbank xây dựng cơ chế phê duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân cấp, phân quyền rõ ràng, tách bạch giữa thẩm định và phê duyệt tín dụng.

Về quản lý rủi ro tín dụng, về cơ bản Vietbank đáp ứng đầy đủ các quy định về quản lý rủi ro tín dụng theo tiêu chuẩn Basel II theo quy định của NHNN. Theo đó Vietbank cơ cấu tổ chức quản lý theo 3 tuyến phòng thủ. Vietbank xây dựng khẩu vị rủi ro, thiết lập các hạn mức theo đối tượng khách hàng, lĩnh vực ngành nghề kinh doanh, theo sản phẩm tín dụng, theo tài sản bảo đảm; thường xuyên giám sát giới hạn đã thiết lập; thực hiện phân loại nợ trích lập dự phòng theo đúng quy định của NHNN. Ngoài ra,



Vietbank cũng đã xây dựng quy trình cảnh báo nợ sớm để sớm phát hiện các khoản nợ có vấn đề để có phương án xử lý phù hợp.

### (c) Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng phát sinh khi có sự chênh lệch nhau về kỳ hạn giữa tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo biến động bất lợi của lãi suất sẽ dẫn đến thu nhập sụt giảm, giảm giá trị tài sản, tăng giá trị nợ phải trả và tăng giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng.

Tại VietBank, việc quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được thực hiện thông qua phân tích chênh lệch giữa tài sản và nợ nhạy cảm lãi suất ở các trạng thái VND, USD,... Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được đo lường và theo dõi thông qua sự kết hợp giữa Khối Quản lý rủi ro, Khối Tài chính và các Khối Kinh doanh. Căn cứ vào việc theo dõi hàng ngày và nhận định diễn biến, xu hướng biến động lãi suất trên thị trường, các cuộc họp định kỳ hàng tháng của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) được tổ chức nhằm đưa ra các quyết định duy trì các mức chênh lệch thích hợp để định hướng cho hoạt động của Ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, VietBank đã áp dụng các giải pháp và tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro lãi suất như sau:

- Áp dụng các công cụ quản lý rủi ro, bao gồm: Mô hình chênh lệch kỳ hạn tái điều chỉnh lãi suất (repricing gap); thay đổi thu nhập lãi thuần NII ( $\leq 12$  tháng) khi lãi suất biến động.
- Thực hiện tốt việc điều hành lãi suất cho toàn hệ thống, sử dụng tốt nhất các nguồn vốn huy động, xây dựng các mô hình, chỉ số quản lý rủi ro nhằm phát hiện và cảnh báo kịp thời những rủi ro lãi suất tiềm tàng.
- Xây dựng hệ thống báo cáo xuyên suốt và khoa học từ từng phòng ban tại Hội sở đến hệ thống các chi nhánh. Do vậy, mỗi biến động về lãi suất trên thị trường tài chính ngân hàng đều được Ngân hàng nắm bắt và xử lý kịp thời.
- Nghiên cứu thực hiện áp dụng các dịch vụ được cho phép theo quy định của pháp luật trong hoạt động lãi suất như: hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai về lãi suất. Đây là các giải pháp giúp cho Ngân hàng ngăn ngừa được biến động về lãi suất cũng như bù đắp các rủi ro về lãi suất.

### (d) Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VietBank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm *Rủi ro danh tiếng* và *Rủi ro chiến lược*.

Ngày 30/01/2019, Hội đồng Quản trị đã ban hành Chính sách quản lý rủi ro (trong đó có chính sách quản lý rủi ro hoạt động). Đầu năm 2021, Khối QLRR đã rà soát lại Chính sách quản lý rủi ro trong đó phần chính sách rủi ro hoạt động không có sự thay đổi về nội dung so với năm 2020 (áp dụng theo quyết định số 33/2021/QĐ-HDQT ngày 14/04/2021 V/v Ban hành Chính sách Quản lý rủi ro). VietBank đã và đang triển khai các chính sách quản lý rủi ro hoạt động:

- i. VietBank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro trong đó có khẩu vị rủi ro hoạt động: định kỳ hàng tháng các sự cố có tổn thất sẽ được theo dõi, đôn đốc việc thu hồi để đảm bảo việc giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro hoạt động.
- ii. Đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động: VietBank tiếp tục triển khai việc đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động, cụ thể:
  - Định kỳ hàng tháng thu thập sự cố trên toàn hàng;
  - Sử dụng kết quả của Kiểm toán nội bộ, kết hợp giám sát từ xa để phân tích các điểm rủi ro



xảy ra thường xuyên, từ đó phân tích các chốt kiểm soát và đề xuất kiến nghị gửi cho các đơn vị liên quan nhằm hạn chế các rủi ro tương tự có thể xảy ra ở tương lai. Đồng thời VietBank cũng ban hành các văn bản cảnh báo, nhắc nhở toàn hàng;

- Đối với các sự cố có tính rủi ro cao, hoặc có tổn thất nghiêm trọng xảy ra, VietBank có đơn vị điều tra, làm rõ nguyên nhân, có báo cáo, có giải pháp và xử lý kỷ luật đối với các cá nhân có liên quan gửi Ban Lãnh đạo;
- Tất cả các quy định, quy trình, sản phẩm tại VietBank đều phải được đánh giá rủi ro trong vận hành, rủi ro pháp lý trước khi ban hành, đối với những nội dung chưa phù hợp, chưa có chốt chặn kiểm soát phù hợp sẽ được sửa đổi phù hợp.

iii. Chuyển giao rủi ro bằng biện pháp mua bảo hiểm:

Để chuyển giao rủi ro đối với một số trường hợp bất khả kháng, các rủi ro có nguyên nhân từ phía bên ngoài như trộm cắp, cháy nổ,... VietBank đã tiến hành mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản trên toàn hệ thống (xe ô tô, TSCĐ hữu hình, các công cụ lao động, kho quỹ, tiền vận chuyển trên đường, bảo hiểm cháy nổ tòa nhà theo quy định của luật Phòng cháy chữa cháy).

iv. Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục:

Để đảm bảo biện pháp dự phòng giảm thiểu rủi ro và ứng phó với thảm họa, VietBank đã ban hành quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh liên tục trong điều kiện khủng hoảng như xây dựng kế hoạch đảm bảo liên tục của hệ thống CNTT, quy định về sao lưu, phục hồi dữ liệu dự phòng; xây dựng kịch bản và kế hoạch cho các trường hợp trộm cướp và các sự cố cháy nổ; khủng hoảng truyền thông; khủng hoảng trong thanh khoản.

Nhằm đối phó với tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, VietBank đã thành lập Ban chỉ đạo xử lý khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 – trong đó chủ tịch HĐQT làm Trưởng Ban chỉ đạo. VietBank đã xây dựng phương án ứng phó khi trụ sở đơn vị bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, theo đó tất cả các Khối/Trung tâm/phòng nghiệp vụ Hội sở đã tách một phần nhân sự sang làm việc tại địa điểm dự phòng, làm việc online, chuẩn bị các kịch bản xấu đối với Hội sở/TTKD, có các phương án dự phòng cho các kịch bản xấu nếu Hội sở bị ảnh hưởng hoặc TTKD bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

v. Tính vốn cho rủi ro hoạt động:

VietBank tính toán vốn cho rủi ro hoạt động theo quy định thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 – quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**(e) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ xu hướng các ngân hàng sử dụng nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung hạn, dài hạn. Ngoài ra, việc người gửi rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất với khối lượng lớn cũng tạo ra rủi ro thanh khoản đối với khả năng đảm bảo tiền mặt của Ngân hàng khi đáp ứng nhu cầu rút tiền của khách hàng. Thanh khoản là một vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, đề cập đến khả năng chi trả và thực hiện các nghĩa vụ tài chính của ngân hàng. Do vậy, rủi ro thanh khoản được các ngân hàng quan tâm đặc biệt. Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Phòng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALM) thuộc Khối Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát hàng ngày về vấn đề thanh khoản của Ngân hàng, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của Ngân hàng, trình Hội đồng ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai, để đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy



đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Trong hoạt động kinh doanh của mình, VietBank luôn tuân thủ các quy định sau:

- Duy trì tỷ lệ dự trữ thanh khoản (ngay tức thì) tối thiểu là 10% trên tổng nợ phải trả theo đồng Việt Nam, bao gồm đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam;
- Duy trì tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (tiếp theo) tối thiểu là 50% trên dòng tiền đến hạn ròng trong vòng 30 ngày tiếp theo đối với đồng Việt Nam; Và tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (tiếp theo) tối thiểu là 10% trên dòng tiền đến hạn ròng trong vòng 30 ngày tiếp theo đối với đô la Mỹ và các ngoại tệ khác quy đổi ra Mỹ;
- Duy trì tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi tối đa là 85% theo đồng Việt Nam, bao gồm đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam;
- Duy trì tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn tối đa là 37% (tính đến 31/12/2021) trên tổng Nguồn vốn ngắn hạn (tính theo thời hạn còn lại đến 01 năm, bao gồm cả các khoản tiền gửi không kỳ hạn) và lập kế hoạch tuân thủ lộ trình giảm tỷ lệ này theo Thông tư 08/2020/TT-NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Duy trì tỷ lệ mua, đầu tư Trái Phiếu Chính phủ, Trái Phiếu được Chính phủ bảo lãnh tối đa là 30% trên Tổng Nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước đó.

Với sự phát triển ổn định, khả năng nắm bắt và theo dõi kịp thời biến động vốn khả dụng, VietBank vẫn đảm bảo tuyệt đối an toàn thanh khoản, dự trữ bắt buộc, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

#### **(f) Rủi ro tập trung**

Rủi ro tập trung là rủi ro phát sinh khi hoạt động kinh doanh của VietBank tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), một đối tác, sản phẩm, giao dịch, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Tại VietBank, việc quản lý rủi ro tập trung thông qua việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tập trung của Ngân hàng; Xây dựng tiêu chí xác định người có liên quan của khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật; Thiết lập, theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro tập trung.

Các hạn mức rủi ro tập trung được thiết lập tại Khẩu vị rủi ro, định hướng tín dụng và các quy định nội bộ có liên quan của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Hạn mức rủi ro tập trung được thiết lập theo khách hàng/nhóm khách hàng có liên quan, đối tác giao dịch, sản phẩm, loại tiền giao dịch, lĩnh vực/ngành kinh tế nhằm kiểm soát rủi ro tập trung trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng như:

- Hạn mức cấp tín dụng đối với một khách hàng/nhóm khách hàng;
- Hạn mức giao dịch đối với một đối tác;
- Hạn mức cấp tín dụng/giao dịch đối với một sản phẩm;
- Hạn mức giao dịch đối với một đồng tiền;

Định kỳ hàng ngày, VietBank thực hiện theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro tập trung nhằm cảnh báo sớm các khoản dư nợ, các giao dịch gần vượt hạn mức rủi ro tập trung và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vượt quá hạn mức rủi ro tập trung.

#### **(g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng**

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng (cân đối kế toán) phát sinh chủ yếu từ các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng thương mại (L/C).

Rủi ro phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng là rủi ro tín dụng trong trường hợp VietBank phải trả thay cho khách hàng phát sinh khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ đã



cam kết.

Để giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động này, VietBank đã ban hành quy trình nghiệp vụ và tiến hành thẩm định cẩn thận khách hàng.

Khách hàng khi được cấp L/C phải đáp ứng các yếu tố sau:

- Có năng lực tài chính, kinh nghiệm, trình độ quản lý và uy tín hoạt động trong ngành nghề, có đối tác nước ngoài là các đối tác quen thuộc, có thị trường tiêu thụ trong nước ổn định, có quan hệ uy tín với VietBank trong nhiều lĩnh vực hoạt động;
- Phương án kinh doanh khả thi;
- Tỷ lệ ký quỹ an toàn;
- Mặt hàng chuyên doanh phải dễ dàng tiêu thụ trên thị trường;
- Vay thanh toán L/C có tài sản bảo đảm.

#### **(h) Rủi ro đặc thù khác**

##### **❖ Rủi ro phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB)**

VietBank đảm bảo tuân thủ đầy đủ, hiệu quả các quy định và yêu cầu của pháp luật, NHNN về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, chống tội phạm tài chính và tuân thủ báo cáo theo Đạo luật FATCA.

Mô hình PCRT/TTKB tại VietBank được xây dựng theo cấu trúc 03 lớp phòng thủ, bao gồm: Tổ PCRT tác nghiệp trực tiếp tại từng TTKD với sự hỗ trợ, quản lý, giám sát của Bộ phận PCRT – thuộc Khối Quản lý rủi ro tại Hội Sở và sự định hướng, chỉ đạo từ Ban PCRT bao gồm các Trưởng ban là thành viên Ban Điều hành và các thành viên là đại diện các Khối/Trung tâm/Phòng ban nghiệp vụ liên quan trực tiếp đến vận hành và giao dịch tại Hội sở và thư ký Ban là Trưởng Bộ phận PCRT.

Quy định nội bộ VietBank về PCRT/TTKB luôn được thường xuyên cập nhật, theo sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cảnh báo từ NHNN và là "kim chỉ nam" cho toàn thể CBNV tuân thủ theo. Quy định Phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố (PCRT & TTKB) quy định chức năng, trách nhiệm của các CBNV, các đơn vị Phòng/ Ban, mô hình tổ chức cũng như các biện pháp hướng dẫn thực hiện công tác PCRT & TTKB tại Ngân hàng, cụ thể bao gồm:

- Chính sách chấp nhận khách hàng;
- Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng;
- Các biện pháp đánh giá tăng cường đối với khách hàng có rủi ro cao;
- Quy trình báo cáo các giao dịch phải báo cáo;
- Quy trình rà soát, phát hiện, xử lý và báo cáo giao dịch đáng ngờ;
- Lưu giữ và bảo mật thông tin;
- Áp dụng biện pháp tạm thời, nguyên tắc xử lý trong trường hợp trì hoãn thực hiện giao dịch;
- Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền;
- Đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố tại Ngân hàng;
- Kiểm soát và kiểm toán nội bộ việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình và thủ tục liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền; trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện quy định nội bộ về PCRT & TTKB.

Hệ thống PCRT tại VietBank: Nắm bắt được xu hướng thời đại công nghệ số, bên cạnh việc không ngừng xây dựng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại, gia tăng tiện ích hơn đến khách hàng,



VietBank cũng không ngừng cải tiến nền tảng công nghệ thông tin hiện đại đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro an ninh mạng, bảo mật thông tin đặc biệt là phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và các tội phạm tài chính khác. Hệ thống PCRT tại VietBank bao gồm:

- Hệ thống rà soát, kiểm tra thông tin phòng, chống rửa tiền của khách hàng/giao dịch (Fircosoft) được đối tác cung cấp Corebanking – Finastra cài đặt và phát triển theo hướng tự động hóa hoàn toàn với nguồn danh sách cảnh báo, hạn chế giao dịch toàn diện World-Check List được liên tục cập nhật từ Nhà cung cấp Refinitiv – sở hữu nền tảng từ một trong những nhà cung cấp lớn nhất thế giới về dữ liệu và cơ sở hạ tầng của thị trường tài chính Thomson Reuters.
- Hệ thống giám sát và báo cáo giao dịch không ngừng được cải thiện, tối ưu. Đây là một hệ thống các báo cáo khác nhau do chính VietBank xây dựng trên Hệ thống Quản trị thông tin ngân hàng (MIS) dựa trên các kịch bản giám sát giao dịch đáng ngờ cụ thể, mô phỏng từ các dấu hiệu đáng ngờ được quy định trong các văn bản pháp luật về PCRT hay từ kinh nghiệm thực tế của các cán bộ tuân thủ PCRT. Đây là Chương trình giám sát giao dịch bán tự động mà cán bộ tuân thủ PCRT sử dụng mỗi ngày.

VietBank cũng chú trọng công tác đào tạo nghiệp vụ PCRT/TTKB. Trung tâm Đào tạo phối hợp cùng BP.PCRT nghiêm túc triển khai việc đào tạo nghiệp vụ PCRT/TTKB định kỳ hàng năm từ nền tảng trực tuyến cho đến đào tạo tại chỗ trên toàn hệ thống, đặc biệt đối với các thành viên thuộc Tổ PCRT và các CBNV được giao nhiệm vụ có liên quan đến giao dịch tiền, tài sản với khách hàng nhằm cập nhật những kiến thức mới nhất đi kèm các tình huống minh họa thực tiễn giúp nâng cao nhận thức, hiểu biết và tinh tự giác tuân thủ của CBNV. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng không ngừng tạo điều kiện cho các cán bộ chuyên trách tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ PCRT/TTKB do NHNN hoặc các Cơ quan có thẩm quyền tổ chức...

#### 4. Rủi ro về đợt chào bán

##### ❖ Rủi ro về việc chào bán

Trong đợt phát hành trái phiếu ra công chúng này, VietBank không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt chào bán có thể không huy động được đủ số vốn dự kiến. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng trái phiếu đã đăng ký, VietBank sẽ điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

##### ❖ Rủi ro về dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Nguồn vốn huy động được từ việc chào bán trái phiếu được sử dụng để tăng quy mô hoạt động và cho vay. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro: rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất...

##### ❖ Rủi ro lãi trái phiếu có thể bị tạm ngừng trả

Trường hợp lãi trái phiếu bị tạm ngừng trả được quy định tại Điều Khoản 2 (d) Phần VI và Điều Khoản 8.4 Phần VI trong Bản Cáo Bạch này. Mặc dù VietBank sẽ dự chi tiền lãi trái phiếu hàng năm, tuy nhiên không có gì bảo đảm rằng VietBank sẽ không phải thực hiện quyền ngừng trả lãi nếu kết quả kinh doanh của VietBank bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các yếu tố khác, trong đó có các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này.

#### 5. Rủi ro quản trị công ty

Trong công tác quản trị điều hành tại Ngân hàng VietBank, với sự sâu sát của các cấp lãnh đạo từ Hội đồng Quản trị đến Ban Cố vấn; Tổng Giám đốc và các cấp lãnh đạo của các Phòng Ban, các TTKD đều nhất quán, kịp thời, chặt chẽ giúp cho VietBank luôn đi đúng định hướng và hiệu quả.



Ngoài các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng quý để thảo luận và có ý kiến đối với kết quả điều hành hoạt động của Tổng Giám đốc cũng như việc thực hiện, triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, hàng tháng, trên cơ sở báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị cũng đã xem xét, có ý kiến để Tổng Giám đốc có các điều chỉnh giải pháp kinh doanh cụ thể. Đại diện Thường trực Hội đồng Quản trị họp với Cố vấn định kỳ hàng tuần để xem xét các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, đưa ra ý kiến định hướng kịp thời cho Ban Điều hành, đồng thời xử lý các tồn tại, khó khăn trong hoạt động ngân hàng. Trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đã nghiêm túc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ ngân hàng, chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

## 6. Rủi ro khác

### (a) VietBank là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao

VietBank hoạt động theo mô hình ngân hàng TMCP đa dạng hóa về hình thức sở hữu và không phụ thuộc vốn vào Chính phủ Việt Nam. Tháng 07/2019, VietBank có cổ phiếu chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VBB.

VietBank chịu áp lực cạnh tranh từ các ngân hàng khác (bao gồm cả ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước, ngân hàng TMCP, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam). Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa rộng hơn với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng ngày càng tăng.

### (b) Các quy định khác nhau về công bố thông tin, kế toán và quản lý

VietBank lập các BCTC hợp nhất phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC. Các thông tin được thể hiện trong Bản Công Bố Thông Tin này được thể hiện trên cơ sở áp dụng VAS. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng các quy định về quản lý tại Việt Nam có thể khác với các quy định hiện hành tại các quốc gia khác. Do VietBank hoạt động trong ngành ngân hàng là ngành chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ tại Việt Nam, các nhà đầu tư tiềm năng cũng nên lưu ý rằng các cơ quan quản lý đã ban hành các chuẩn mực riêng tại Việt Nam cũng như đưa ra những hướng dẫn và quy định cụ thể tại Việt Nam.

### (c) Các trường hợp bất khả kháng

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của VietBank như: thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố,... Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các Cá nhân, Tổ chức là khách hàng của VietBank.

**DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐÚNG VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐÚNG CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA VIETBANK.**

## III. CÁC KHÁI NIỆM

"VietBank", "Tổ Chức Phát Hành", "Ngân hàng"	: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
"HDS", "Tổ Chức Tư Vấn"	: Công ty Cổ phần Chứng khoán HD
"ĐHĐCĐ"	: Đại hội đồng Cổ đông
"HĐQT"	: Hội đồng Quản trị



"TGD"	: Tổng Giám đốc
"BKS"	: Ban Kiểm soát
"CNTT"	: Công nghệ Thông tin
"ISO"	: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
"ATM"	: Máy rút tiền tự động
"CTCP"	: Công ty Cổ phần
"NHTM"	: Ngân hàng Thương mại
"NHNN"	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
"UBCKNN"	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
"TMCP"	: Thương mại Cổ phần
"TNHH"	: Trách nhiệm hữu hạn
"TCTD"	: Tổ chức tín dụng
"TCKT"	: Tổ chức kinh tế
"SGDCK"	: Sở Giao dịch chứng khoán
"UBND"	: Ủy Ban Nhân Dân
"USD"	: Đồng đô la Mỹ
"VND"	: Việt Nam Đồng
"VPĐD"	: Văn phòng đại diện
"ALCO"	: Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Nợ Và Tài Sản Có
"HĐTD"	: Hội Đồng Tín Dụng
"L/C"	: Tín Dụng Thư (Letter Of Credit)
"CBNV"	: Cán bộ nhân viên
"QLRR"	: Quản lý rủi ro
"TTKD"	: Trung tâm Kinh doanh
"GTCG"	: Giấy tờ có giá
"KHCHN"	: Khách hàng Cá nhân
"KHHDN"	: Khách hàng Doanh nghiệp
"SXKD"	: Sản xuất Kinh doanh
"BCTC"	: Báo cáo tài chính
"TSCĐ"	: Tài sản cố định
"KPI"	: Key Performance Indicator (chỉ số hiệu suất công việc)

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên đầy đủ: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.
- Tên viết tắt: VietBank.
- Tên tiếng Anh: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.
- Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc



Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 09/05/2022.

- Trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.
- Điện thoại: (0299) 362 1454
- Fax: (0299) 362 1858
- Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác – Mã ngành: 6419. Chi tiết như sau:
  - 1) Nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân và của các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác;
  - 2) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
  - 3) Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài;
  - 4) Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam; các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
  - 5) Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
  - 6) Cung ứng các phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng, dịch vụ thu hộ, chi hộ, dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật, dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng; tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước, tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
  - 7) Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;
  - 8) Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
  - 9) Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
  - 10) Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý;
  - 11) Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật;
  - 12) Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật;
  - 13) Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;
  - 14) Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật;



- 15) Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá trị khác;
- 16) Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ;
- 17) Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá trị khác phù hợp với quy định pháp luật.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Nhật Nguyên** – Chủ tịch HĐQT.
- Mã cổ phiếu: VBB
- Sàn đăng ký giao dịch: UPCOM.

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

### 2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được phép hoạt động theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805, sửa đổi lần thứ 27, ngày 09 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp. Thời hạn hoạt động theo giấy phép là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân khác nhau trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ và mua bán vàng miếng, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện hoạt động bao thanh toán; cung ứng dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; đại lý bảo hiểm; cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

### 2.2. Các cột mốc quan trọng

**Bảng 1. Chặng đường phát triển của VietBank**

Thời gian	Sự kiện quan trọng
2007	<ul style="list-style-type: none"> <li>- VietBank chính thức được thành lập, trụ sở tại số 35 Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tạo tiền đề cho việc phát triển mạng lưới trên toàn quốc; đồng thời VietBank cũng khai trương hoạt động chi nhánh Sóc Trăng – chi nhánh đầu tiên của VietBank;</li> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.</li> </ul>
2008	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.</li> </ul>
2009	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai trương chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh – chi nhánh đầu tiên của VietBank tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh.</li> </ul>
2010	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.</li> </ul>
2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháng 01: Khởi công xây dựng tòa nhà VietBank tại TP.HCM với tổng diện tích</li> </ul>



Thời gian	Sự kiện quan trọng
	14.500m <sup>2</sup> ; - Tháng 11: Chính thức khánh thành và đi vào hoạt động tòa nhà mới của VietBank tại TP.HCM; - Liên tiếp được công nhận các giải thưởng uy tín: <ul style="list-style-type: none"> <li>o Thương Hiệu Uy Tín</li> <li>o Doanh Nghiệp Phát triển Bền Vững 2015</li> </ul> - Hệ thống mạng lưới gần 100 điểm giao dịch tại 11 tỉnh thành trên toàn quốc.
2016	- Tăng vốn điều lệ lên 3.249 tỷ đồng; - Vinh dự nhận giải thưởng "Thương hiệu mạnh Việt Nam"
2017	- Kỷ niệm 10 năm thành lập; - Chuyển đổi các Quỹ tiết kiệm thành Phòng giao dịch; - Triển khai dự án Corebanking.
2018	- Tăng vốn điều lệ lên 4.105 tỷ đồng, triển khai nhiều dự án nhằm phát triển VietBank theo hướng Digital Banking.
2019	- Tăng vốn điều lệ lên 4.190 tỷ đồng; - Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi; - Mở mới 18 Trung tâm Kinh doanh tại các tỉnh thành trọng điểm trên cả nước; - Được NHNN phê duyệt áp dụng Basel 2 trước hạn.
2020	- Mở mới thành công 5 chi nhánh trong điều kiện khó khăn của dịch Covid-19. - Liên tiếp nhận được các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế: Ngân hàng triển khai công nghệ ngân hàng lõi tốt nhất năm 2020, Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020, Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tin và Dùmng Việt Nam
2021	- Tăng vốn điều lệ lên 4.777 tỷ đồng.

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

### 2.3. Định hướng phát triển

- **Mục tiêu phát triển dài hạn** của VietBank là trở thành ngân hàng có quy mô lớn mạnh với:
  - **Tầm nhìn chiến lược:** Trở thành ngân hàng bán lẻ uy tín hàng đầu Việt Nam, hoạt động theo phương châm: **TĂNG TRƯỞNG - AN TOÀN - BỀN VỮNG - HIỆU QUẢ**
  - **Sứ mệnh:** Tạo ra những sản phẩm và dịch vụ tài chính hiệu quả nhằm đem lại giá trị cao nhất cho Khách hàng và Nhà đầu tư. Tham gia các hoạt động từ thiện, đồng hành cùng sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội
  - **Giá trị cốt lõi:**



- o Uy tín: VietBank lấy chữ "Tín" làm kim chỉ nam trong mọi hành động. "Tín" với khách hàng, "Tín" với cổ đông. Sự hài lòng của Khách hàng là thước đo cho sự thành công & sự phát triển của VietBank.
- o Chất lượng: không ngừng sáng tạo và luôn hướng đến những ý tưởng mới nhằm mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tài chính thông minh, có giá trị.
- o Khách hàng: là trung tâm của mọi hoạt động, VietBank cam kết mang đến những sản phẩm dịch vụ đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu Khách hàng.
- o Nhân sự: là tài sản vô giá, là yếu tố cốt lõi tạo nên sự thành công và đóng góp vào quá trình hình thành, phát triển của một tổ chức. VietBank luôn chú trọng đến việc xây dựng nguồn nhân sự cho năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp để tạo ra giá trị đặc trưng và phù hợp với giai đoạn phát triển của VietBank.

**- Định hướng chiến lược phát triển trung hạn:**

- Tổng tài sản: phần đầu tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước;
- Dư nợ tín dụng: tăng đủ theo hạn mức Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân bổ;
- Tỷ lệ thu nhập dịch vụ: tối thiểu 10% trong tổng thu nhập;
- Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt trên 10%;
- Tỷ lệ Nợ xấu: thấp hơn 3%;
- Hệ số an toàn vốn tối thiểu (theo Thông tư 41/2016 của NHNN) đạt trên 8%.

**2.4. Các giải thưởng**

**Bảng 2. Các danh hiệu & phần thưởng cao quý VietBank được trao trong thời gian qua**

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2015	Thương hiệu uy tín – Doanh nghiệp phát triển bền vững 2015	Viện DN Việt Nam
2016	Thương hiệu mạnh Việt Nam	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2018	VietBank xếp thứ 399/500 VNR 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017, xếp thứ 209/500 VNR 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2018.	Vietnamnet
2018	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùmng Việt Nam Năm 2018.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
2019	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùmng Việt Nam Năm 2019.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
2020	The Asian Banker Vietnam Awards 2020: Best core banking technology implementation	The Asian Banker
	Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)	Vietnam Report và Báo VietnamNet.
	Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2020 (PROFIT500)	
	Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020 (VNR500)	



	Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùng Việt Nam Năm 2020 - "Ngân hàng bán là uy tín"	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
--	--	---------------------------

**3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành**

**Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành**



*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

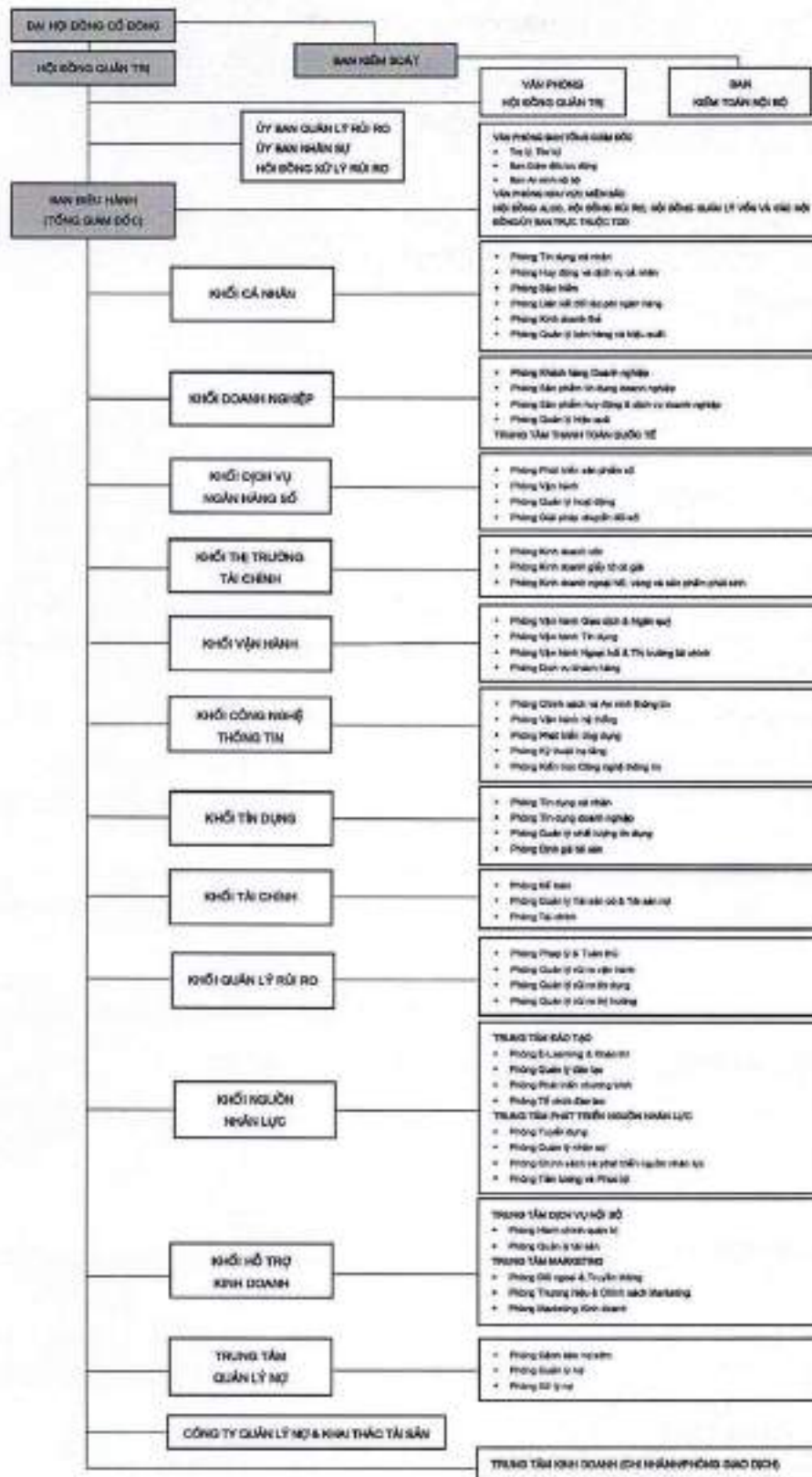
Tính đến 31/03/2022, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng phát hành bao gồm:

- Trụ sở chính đặt tại 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Việt Nam
- Mạng lưới hoạt động gồm hai mươi lăm (25) chi nhánh, chín mươi ba (93) phòng giao dịch được phân bố ở hầu hết các tỉnh và thành phố trên cả nước
- Ngân hàng có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp: Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín.

**4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành**



Hình 2. Cơ cấu quản trị của Tổ Chức Phát Hành



Nguồn: Tổ Chức Phát Hành



#### 4.1. Đại hội đồng Cổ đông

ĐHĐCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VietBank, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng; Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng; Quyết định việc xây dựng và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

#### 4.2. Hội đồng Quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh VietBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD.

HĐQT chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược của VietBank và xác định các ưu tiên trong hoạt động kinh doanh của VietBank, định hướng và kiểm soát công tác quản lý, đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD.

#### 4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCD bầu ra, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Kiểm soát là Ban Kiểm toán nội bộ, có chức năng sau:

- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm hoặc đột xuất và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch hoặc kiểm toán đột xuất; thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, hoạt động của Ngân hàng, dựa trên mức độ rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng.
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; Kiến nghị xử lý những vi phạm; Đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện tự đánh giá nội bộ đối với kết quả hoạt động kiểm toán.

Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng Nhà nước, nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; Là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.

#### 4.4. Ban Điều hành

Ban Điều hành là cơ quan điều hành hoạt động Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Ngân hàng.

Đứng đầu Ban Điều hành của Ngân hàng là Tổng Giám đốc, sau đó là các Phó Tổng Giám đốc được phân công, phân quyền trong quản lý điều hành các Trung tâm Kinh doanh và các Khối nghiệp vụ tại Hội sở của Ngân hàng.

Kế toán trưởng của Ngân hàng thực hiện quản lý về mặt tài chính – kế toán trong toàn hệ thống của VietBank.

Hiện nay, VietBank có 06 (sáu) thành viên trong Ban Điều hành và 01 (một) Kế toán trưởng, đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế



toán, pháp lý, kinh doanh.

#### 4.5. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT

##### a. Ủy ban Quản lý rủi ro

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, quy định, quy trình thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ VietBank.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của VietBank trước những nguy cơ, rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các chính sách, quy định, quy trình quản trị hiện hành của VietBank để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, quy định chính sách, chiến lược hoạt động.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ Hội đồng Quản trị giao.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xử lý, khắc phục các tổn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

##### b. Ủy ban Nhân sự

- Tham mưu cho HĐQT về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của VietBank.
- Thay mặt HĐQT quyết định những vấn đề về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự trong phạm vi được HĐQT ủy quyền.

##### c. Ủy ban Đầu tư

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT/Thường trực HĐQT về:
  - Các thông tin thị trường, phân tích đánh giá tình hình thị trường trong và quốc tế;
  - Đánh giá các đề xuất đầu tư để đưa ra các ý kiến liên quan đến quyết định đầu tư của VietBank nhằm tham mưu cho cấp có thẩm quyền đưa ra các quyết định đầu tư;
  - Cung cấp các thông tin về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô,... trên cơ sở đưa ra các nhận định củng cố quyết định đầu tư;
  - Định hướng, tham mưu cho cấp có thẩm quyền về các chính sách của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước ảnh hưởng đến quyết định đầu tư.
- Theo dõi, giám sát về việc thực hiện chiến lược, triển khai kế hoạch đầu tư theo ủy quyền của HĐQT/Thường trực HĐQT.

#### 4.6. Các Khối chức năng tại Hội sở chính

Đối với các Khối nghiệp vụ tại Hội sở: bao gồm 11 (Mười một) Khối như sau:

##### • Khối Cá nhân

Đơn vị trực thuộc Khối Cá nhân bao gồm:

###### a) Phòng Huy động và Dịch vụ cá nhân

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Cá nhân về chiến lược, định hướng phát triển sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính Khách hàng Cá nhân.
- Xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính Khách hàng Cá nhân theo định hướng của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong từng kỳ.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến sản phẩm huy



động, dịch vụ tài chính Khách hàng Cá nhân.

- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ, Sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính đến đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm huy động, dịch vụ tài chính Khách hàng Cá nhân.

b) Phòng Tín dụng cá nhân

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Cá nhân về chiến lược, định hướng phát triển Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Cá nhân.
- Xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Cá nhân theo định hướng của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong từng thời kỳ.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Cá nhân.
- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ, Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng đến đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Cá nhân.

c) Phòng Bảo hiểm

- Quản lý và phát triển sản phẩm dịch vụ bảo hiểm (bao gồm Nhân thọ và Phi nhân thọ).
- Tìm kiếm đối tác bảo hiểm, phân tích và đánh giá cơ hội liên kết.
- Xây dựng mô hình/chính sách, triển khai hợp tác nghiệp vụ Bancassurance.
- Huấn luyện và đào tạo kiến thức sản phẩm, kỹ năng mềm tư vấn bảo hiểm.
- Xử lý thông tin và phản hồi của khách hàng về sản phẩm, chất lượng dịch vụ, bồi thường...
- Thực hiện các chương trình, chiến dịch bán hàng, thu hút khách hàng, thúc đẩy bán bảo hiểm.
- Xây dựng hệ thống báo cáo để theo dõi, đối chiếu số liệu.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm dịch vụ bảo hiểm (bao gồm Nhân thọ và Phi nhân thọ).

d) Phòng Liên kết đối tác phi ngân hàng

- Xác định, đánh giá tiềm năng cơ hội liên kết đối tác, tìm kiếm phát triển đối tác bao gồm liên kết phát triển dự án bất động sản, liên kết các tập đoàn, công ty, chuỗi liên kết.
- Phân tích đánh giá hiệu quả liên kết; đề xuất, tham mưu ý kiến cho Ban Lãnh đạo phát triển đối tác chiến lược.
- Xây dựng mô hình/chính sách triển khai hợp tác liên kết đối tác; quản lý đối tác hợp tác liên kết.
- Phối hợp thực hiện, triển khai các bước liên kết, chính sách, quy trình đến Đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác liên kết, hợp tác các đối tác và nhóm khách hàng.

e) Phòng Kinh doanh thẻ

- Quản lý và phát triển kinh doanh thẻ và các sản phẩm số.
- Quản lý, phát triển kênh phân phối.
- Quản lý và phát triển, quản lý Đơn vị Chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT).
- Quản lý hình ảnh, thương hiệu.



- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực kiến thức sản phẩm dịch vụ thẻ và sản phẩm số đến Đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng.
- Xây dựng hệ thống báo cáo theo dõi kết quả kinh doanh, đánh giá năng suất kinh doanh.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kinh doanh sản phẩm, dịch vụ thẻ.
- 
- f) Phòng Quản lý bán hàng và hiệu suất
  - Quản lý, đánh giá các chỉ tiêu, hiệu quả kinh doanh của từng mảng bao gồm cho vay, huy động, bảo hiểm, thẻ, phí và các dịch vụ KHCN.
  - Phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ xây dựng kế hoạch kinh doanh, phân bổ chỉ tiêu kinh doanh; đánh giá, quản lý kết quả kinh doanh của theo từng Khu vực, từng Đơn vị kinh doanh, từng nhân viên kinh doanh về KHCN.
  - Xây dựng các chương trình thúc đẩy bán hàng và thi đua nội bộ.
  - Phối hợp tuyển dụng, đề xuất, đánh giá đội ngũ kinh doanh nhằm đảm bảo nguồn nhân lực phát triển kinh doanh.
  - Xây dựng hệ thống báo cáo, đánh giá kết quả kinh doanh theo các Khu vực, từng Đơn vị kinh doanh, từng nhân sự kinh doanh, đánh giá hiệu quả các chương trình thúc đẩy kinh doanh và chương trình thi đua nội bộ.
  - Báo cáo Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo Khối Cá nhân về kết quả bán hàng, KPIs, chương trình thúc đẩy bán hàng, chương trình thi đua nội bộ.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh, hệ thống phân bổ kinh doanh, báo cáo kết quả và hiệu suất kinh doanh theo các Khu vực, từng Đơn vị kinh doanh, từng nhân sự kinh doanh.

#### • Khối Doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc Khối Doanh nghiệp bao gồm:

##### a) Phòng Khách hàng Doanh nghiệp

- Quản lý, chăm sóc và phát triển Khách hàng Doanh nghiệp.
- Quản lý các hoạt động liên kết để khai thác hệ sinh thái xoay quanh Khách hàng Doanh nghiệp.
- Quản lý các hoạt động cho vay, tài trợ, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu để khai thác hiệu quả giải pháp tài chính cung cấp trọn gói cho khách hàng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác chăm sóc và phát triển Khách hàng Doanh nghiệp.

##### b) Phòng Sản phẩm tín dụng doanh nghiệp

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Doanh nghiệp về chiến lược, định hướng phát triển Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp.
- Xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp theo định hướng của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong từng thời kỳ.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp.
- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ, Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng đến TTKD, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển Sản phẩm tín dụng và dịch vụ



tín dụng doanh nghiệp.

c) Phòng Sản phẩm huy động và dịch vụ doanh nghiệp

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Doanh nghiệp về chiến lược, định hướng phát triển sản phẩm huy động, dịch vụ tài khoản/ tài chính Khách hàng Doanh nghiệp.
- Xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục sản phẩm huy động, dịch vụ tài khoản/tài chính Khách hàng Doanh nghiệp theo định hướng của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong từng thời kỳ.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến sản phẩm huy động, dịch vụ tài khoản/tài chính Khách hàng Doanh nghiệp.
- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ, Sản phẩm huy động, dịch vụ tài khoản/tài chính đến TTKD, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển Sản phẩm huy động và dịch vụ tài khoản/tài chính doanh nghiệp.

d) Trung tâm thanh toán quốc tế

- Xây dựng quy trình nghiệp vụ thanh toán quốc tế.
- Đầu mối kiểm tra và thực hiện các giao dịch thanh toán quốc tế.
- Quản lý hoạt động thanh toán quốc tế.
- Quản lý việc sử dụng hệ thống Swift tại Trung tâm thanh toán quốc tế.
- Quản lý việc sử dụng tài khoản Nostro quốc tế.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thanh toán quốc tế.

e) Phòng Quản lý hiệu quả

- Quản lý, phân tích và đánh giá hiệu quả khai thác Khách hàng Doanh nghiệp.
- Theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả các dòng sản phẩm, dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp đã ban hành.
- Theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả các chương trình ưu đãi bán hàng dành cho Khách hàng Doanh nghiệp.
- Theo dõi và đánh giá hiệu quả cho vay, tổng thu nhập (TOI) từ hoạt động của Khách hàng Doanh nghiệp
- Quản lý bán hàng và đánh giá hiệu suất của các TTKD và đội ngũ nhân viên bán hàng (A/O)
- Phân tích hiệu quả theo chuyên đề
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý Khách hàng Doanh nghiệp.

• **Khối Dịch vụ Ngân hàng số**

Đơn vị trực thuộc Khối Dịch vụ Ngân hàng số bao gồm:

a) Phòng Phát triển sản phẩm số

- Đầu mối nghiên cứu sản phẩm chuyển đổi số tại Khối Dịch vụ Ngân hàng số; tiếp nhận các yêu cầu sản phẩm, dịch vụ truyền thống sang sản phẩm số.
- Xây dựng mô tả thiết kế giao diện người dùng theo chuẩn (UI/UX) trên nền tảng Mobile app, website và Internet banking; khác...giúp người dùng dễ dàng thao tác.
- Triển khai công cụ phát triển khách hàng mới qua kênh digital (mạng xã hội) song song kênh phân phối truyền thống VietBank.
- Hợp tác và liên kết các tổ chức trung gian thanh toán, các Công ty Fintech trong và ngoài nước để



- gia tăng tiện ích sản phẩm, dịch vụ thanh toán số đa dạng, tăng khai thác khách hàng bán chéo, tiết kiệm chi phí và nguồn lực của VietBank.
- Phối hợp với Trung tâm Marketing xây dựng công cụ truyền thông số phù hợp với nhu cầu của khách hàng khi ra mắt sản phẩm công nghệ mới.
  - Nghiên cứu và triển khai thanh toán thẻ công nghệ cao (như giao dịch rút tiền bằng QR Code, Passcode) thay cho rút tiền từ thẻ vật lý hiện nay; thanh toán thẻ công nghệ cao dựa trên nền tảng công nghệ thanh toán như Apple Pay, Google Pay, Android Pay;... và thanh toán các dịch vụ công như thẻ không tiếp xúc, thẻ thanh toán NFC, thẻ thanh toán Mitare, v.v...
  - Tập trung nghiên cứu phát triển các giải pháp chuyển đổi số hóa các sản phẩm và dịch vụ trên kênh Mobile app, và Internet dành cho khách hàng cá nhân, SME và doanh nghiệp đồng nhất (Omni channel). Tập trung cung cấp trải nghiệm người dùng và thu hút khách hàng mới phát triển Smart Account (mở tài khoản Online), Smart eSaving (gửi tiết kiệm Online), Smart Loan (vay tiêu dùng nhỏ lẻ, thẻ Online), Smart card (thẻ ảo), Smart Payment (thanh toán thông minh), Digital Marketing (tiếp thị...).
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm số.
- b) Phòng Vận hành
- Quản lý phát triển dịch vụ Thẻ trên core thẻ.
  - Phối hợp giám sát hệ thống Thẻ, Camera ATM.
  - Sản xuất thẻ.
  - Vận hành Ngân hàng số liên quan đến Digital Channel/ Agency Banking/v.v...
  - Đầu mối trao đổi và phối hợp với Khối CNTT, các Đơn vị khác của Ngân hàng, các đối tác cung cấp hệ thống thẻ, các Tổ chức chuyển mạch thẻ, các Tổ chức trung gian thanh toán thực hiện việc kết nối, tích hợp hệ thống.
  - Phối hợp các đối tác/ phòng ban liên quan, thực hiện triển khai, cài đặt và lắp đặt thiết bị chấp nhận thanh toán (ATM, CDM, Kios, POS/mPOS) theo kế hoạch trên toàn hệ thống.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành Ngân hàng số.
- c) Phòng Quản lý hoạt động
- Xây dựng, kiểm soát công tác hạch toán, kế toán các hoạt động nghiệp vụ Thẻ và ngân hàng số của Khối Dịch vụ Ngân hàng số.
  - Kiểm soát giao dịch Thẻ và Ngân hàng số.
  - Quản lý nghiệp vụ phát hành và giao nhận thẻ và PIN.
  - Kiểm soát nghiệp vụ xử lý yêu cầu về hoạt động thẻ/NHS trên toàn hệ thống.
  - Đề xuất cải tiến các quy trình vận hành truyền thống qua quy trình số hóa.
  - Hướng dẫn nghiệp vụ, đào tạo và hỗ trợ.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý hoạt động Thẻ, ngân hàng số.
- d) Phòng Giải pháp chuyển đổi số
- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối hoạch định kế hoạch phát triển giải pháp Ngân hàng số hàng năm trên cơ sở phù hợp với định hướng và chiến lược chung của VietBank trên nền tảng Digital Transformation: Digital In, Digital Out và Digital Hub dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại như: AI, RPA, eKYC, Robotic, Blockchain, Cloud, Chatbox.
  - Phát triển Front-end Mobile app/Web/Internet/Agency banking/v.v... theo tiêu chuẩn UI/UX giúp người dùng trải nghiệm các sản phẩm và dịch vụ được mượt mà, nhanh chóng.

- Phát triển Back-end quản trị vận hành Mobile app/Web/Internet/Agency banking/v.v...: Thiết kế quản lý và kết nối giữa front-end với hệ thống cơ sở dữ liệu thông qua phối hợp cùng Khối CNTT.
- Quản lý, phát triển và vận hành tất cả các nền tảng số trên nền tảng Mobile app, Web, và Internet banking,...
- Phối hợp cùng các bên thứ ba và Khối CNTT nghiên cứu xây dựng cấu trúc phân tích cơ sở dữ liệu, phân tích hành vi người dùng để phân loại khách hàng, phân loại người dùng sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng trên các kênh Ngân hàng số, để giúp các Khối kinh doanh chào bán sản phẩm phù hợp đúng đối tượng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác chuyển đổi số.

• **Khối Thị trường tài chính**

Đơn vị trực thuộc Khối Thị trường tài chính bao gồm:

a) Phòng Kinh doanh giấy tờ có giá

- Kinh doanh và Đầu tư (bao gồm cả các sản phẩm phái sinh có liên quan) Trái phiếu chính phủ/Trái phiếu chính phủ bảo lãnh/Trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao khác (không bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp).
- Kinh doanh và đầu tư giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng.
- Phát hành Giấy tờ có giá gồm: Chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu thường và các giấy tờ có giá khác của VietBank.
- Kinh doanh và đầu tư các sản phẩm phái sinh liên quan đến các sản phẩm thuộc chức năng của Phòng Kinh doanh giấy tờ có giá.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kinh doanh và đầu tư các loại Trái phiếu chính phủ và Giấy tờ có giá của các TCTD.

b) Phòng Kinh doanh vốn

- Điều hòa thanh khoản thực tế trong ngày (không bao gồm quản lý các tỷ lệ đảm bảo theo quy định Ngân hàng nhà nước).
- Kinh doanh vốn trên thị trường Liên ngân hàng.
- Kinh doanh và Đầu tư (bao gồm cả các sản phẩm phái sinh có liên quan) Trái phiếu chính phủ/Trái phiếu chính phủ bảo lãnh/Trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao khác (không bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp).
- Kiểm soát độc lập các giao dịch của Khối Thị trường tài chính.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kinh doanh và đầu tư.

c) Phòng Kinh doanh ngoại hối, Vàng & Sản phẩm phái sinh

- Quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng.
- Kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng.
- Kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh trên thị trường tài chính.
- Quản lý và kinh doanh vàng theo quy định của NHNN.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng, kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng, trên thị trường tài chính.

• **Khối Vận hành**

Đơn vị trực thuộc Khối Vận hành bao gồm:



## a) Phòng Vận hành Giao dịch &amp; Ngân quỹ

- Quản lý hoạt động giao dịch và ngân quỹ tại tất cả các kênh.
- Thực hiện mô hình thanh toán tập trung; Sử dụng, theo dõi, đối chiếu, xử lý sai biệt (nếu có), giao nhận số phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của VietBank tại NHNN và các tổ chức tín dụng khác trong nước; Quản lý tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của tổ chức tín dụng khác trong nước tại VietBank.
- Thực hiện dịch vụ thu chi hộ với các đối tác lớn.
- Kiểm soát các hoạt động ngân quỹ và giao dịch.
- Điều chuyển vốn nội bộ (tiền mặt, chuyển khoản) và quản lý giao nhận tiền mặt với NHNN và các TCTD khác; quản lý công tác an toàn kho quỹ.
- Báo cáo nội bộ và cơ quan Nhà nước.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động ngân quỹ và giao dịch.

## b) Phòng Vận hành Tín dụng

- Xây dựng quy định, quy trình nghiệp vụ để quản lý các giao dịch về tiền trong công tác tín dụng.
- Đào tạo, hướng dẫn kênh phân phối thực hiện thống nhất các quy định, quy trình để quản lý các giao dịch về tiền trong công tác tín dụng.
- Thực hiện giải ngân đối với tất cả các khoản vay hoặc các khoản vay có giá trị do Tổng Giám đốc quyết định trong từng thời kỳ; kiểm soát việc phát hành tất cả thư bảo lãnh.
- Tổ chức thực hiện, kiểm soát nghiệp vụ quản lý hồ sơ tài sản đảm bảo.
- Tổ chức thực hiện nghiệp vụ pháp lý chứng từ.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành tín dụng.

## c) Phòng Vận hành Ngoại hối &amp; Thị trường tài chính

- Xây dựng quy định, quy trình nghiệp vụ để xử lý giao dịch ngoại hối và thị trường tài chính.
- Xử lý các giao dịch tiền tệ.
- Kiểm soát các giao dịch về ngoại hối và thị trường tài chính.
- Quản lý hồ sơ giao dịch.
- Quản lý, theo dõi, đối chiếu, giao nhận số phụ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của VietBank tại các tổ chức tín dụng khác trong và ngoài nước và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của các tổ chức tín dụng khác trong và ngoài nước tại VietBank.
- Báo cáo nội bộ và báo cáo NHNN.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kiểm soát, xử lý các giao dịch về ngoại hối và thị trường tài chính.

## d) Phòng Dịch vụ khách hàng

- Vận hành hệ thống Hotline.
- Hỗ trợ & dịch vụ khách hàng.
- Tư vấn bán hàng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác tư vấn bán hàng, chăm sóc khách hàng thông qua các kênh điện tử.

▪ **Khối Công nghệ thông tin**

## a) Phòng Chính sách và An ninh thông tin

- Xây dựng, quản lý, giám sát các chính sách, quy định liên quan đến công nghệ thông tin theo tiêu

chuẩn NHNN và thông lệ quốc tế.

- Công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.

b) Phòng Vận hành hệ thống

- Vận hành Corebanking
- Vận hành hệ thống Corebanking của VietBank.
- Đề xuất và thực hiện nâng cấp Corebanking.
- Phát triển và triển khai các ứng dụng thuộc Corebanking.
- Tham gia đào tạo sử dụng đối với các tính năng mới, hoặc theo yêu cầu Ngân hàng.
- Vận hành hệ thống Thẻ và ngân hàng số
- Vận hành hệ thống và phần mềm ứng dụng của Trung tâm thẻ, Trung tâm Ngân hàng số.
- Xử lý số liệu và các báo cáo liên quan.
- Cập nhật và cài đặt các phiên bản phần mềm hệ thống thẻ, Ngân hàng số.
- Quản lý vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu
- Thiết kế, quy hoạch về Cơ sở dữ liệu.
- Quản trị, cài đặt và cấu hình các Cơ sở dữ liệu.
- Tinh chỉnh và giám sát hiệu suất của các Cơ sở dữ liệu.
- Chẩn đoán và phục hồi các Cơ sở dữ liệu bị sự cố.
- Tiếp nhận và xử lý các yêu cầu hỗ trợ CNTT trên toàn hệ thống VietBank.
- Tổ chức lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác hỗ trợ và kết quả thực hiện tại đơn vị.
- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn sử dụng liên quan đến công tác hỗ trợ CNTT.

c) Phòng Phát triển ứng dụng

- Nghiên cứu, lựa chọn, đánh giá công nghệ từ các Tổ chức cung cấp giải pháp CNTT, nhà cung cấp cho các ứng dụng Corebanking, Core Thẻ, Ngân hàng số và ngoài Corebanking.
- Thực hiện công tác đào tạo, chuyển giao; tổ chức triển khai áp dụng công nghệ mới cho các Phòng nghiệp vụ thuộc mảng CNTT và đào tạo cho người sử dụng thuộc các đơn vị trực thuộc VietBank.
- Đề xuất áp dụng công nghệ phù hợp cho từng dự án; tham mưu cho Lãnh đạo Khối CNTT về định hướng công nghệ từng thời kỳ và theo yêu cầu.
- Tham mưu và trình bày cho Lãnh đạo CNTT về kế hoạch hiện đại hóa CNTT trong từng giai đoạn phát triển của VietBank.
- Phân tích yêu cầu nghiệp vụ, tư vấn giải pháp và thiết kế kỹ thuật cho các dự án Corebanking, Core Thẻ, Ngân hàng số và dự án ngoài Corebanking của VietBank.
- Quản lý, tiếp nhận và xử lý các phiếu yêu cầu điều chỉnh nghiệp vụ liên quan tới phần mềm ứng dụng Corebanking, Core Thẻ, Ngân hàng số và ngoài Corebanking.
- Lập trình ứng dụng cho các dự án, sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của VietBank.
- Quản lý công nghệ thanh toán thẻ và thẻ thanh toán thông minh.
- Thực hiện các chương trình tuân thủ của các Tổ chức thẻ trong nước và quốc tế.
- Quản lý hệ thống ứng dụng cá thể hóa thẻ thông minh (thẻ CHIP).
- Xây dựng kịch bản kiểm thử nghiệp vụ và kiểm thử kỹ thuật các ứng dụng tự xây dựng.
- Triển khai các ứng dụng đến các đơn vị nghiệp vụ Ngân hàng/Chi nhánh/Phòng giao dịch.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác nghiên cứu và phát triển ứng



dùng CNTT.

d) Phòng Kỹ thuật hạ tầng

- Quản trị hệ thống tại Đơn vị.
- Quản trị mạng tại Đơn vị.
- Đảm bảo hoạt động liên tục hệ thống CNTT tại Đơn vị.
- Công tác dịch vụ hệ thống tại Đơn vị.
- Quản trị hệ thống tại Trung tâm dữ liệu.
- Đảm bảo hoạt động liên tục hệ thống CNTT tại Trung tâm dữ liệu.
- Công tác quản lý tòa nhà Trung tâm dữ liệu.
- Công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác triển khai hạ tầng, quản trị hệ thống tại trung tâm dữ liệu, công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.

e) Phòng Kiến trúc công nghệ thông tin

- Nghiên cứu, lựa chọn, đánh giá công nghệ từ các tổ chức cung cấp giải pháp CNTT, nhà cung cấp.
- Thực hiện công tác đào tạo, chuyển giao; tổ chức triển khai áp dụng công nghệ mới cho các Phòng nghiệp vụ thuộc mảng CNTT và đào tạo cho người sử dụng thuộc các đơn vị trực thuộc Ngân hàng.
- Đề xuất áp dụng công nghệ phù hợp cho từng dự án; tham mưu cho Lãnh đạo về định hướng công nghệ từng thời kỳ và theo yêu cầu.
- Lập kế hoạch công nghệ hóa hoạt động Ngân hàng và trình bày giải pháp CNTT cho các dự án, kế hoạch.
- Phân tích yêu cầu nghiệp vụ, thiết kế kỹ thuật cho các dự án CNTT của VietBank.
- Quản lý toàn bộ hồ sơ các dự án công nghệ thông tin tại VietBank.
- Quản lý toàn bộ hồ sơ các dự án hợp tác giữa VietBank với các đối tác.
- Phân tích và thiết kế tổng quát các kiến trúc và mô hình tích hợp hệ thống công nghệ, các dự án, sản phẩm và công nghệ mới. Đầu mối xây dựng tiêu chí đầu tư công nghệ, ngân sách CNTT.
- Theo dõi và báo cáo nhu cầu và thực tế về nguồn lực cho các dự án công nghệ thông tin.
- Xây dựng, quản lý các chính sách, thủ tục, biểu mẫu của dự án. Xây dựng các chính sách, quy trình, tiêu chuẩn quản lý, các chỉ tiêu chất lượng, các quy định tuân thủ trong việc xây dựng, triển khai và tích hợp hệ thống CNTT của VietBank.
- Quản lý tiến độ của các dự án, chịu trách nhiệm phối hợp truyền thông xuyên suốt các dự án.
- Quản lý và giám sát chất lượng triển khai dự án, dịch vụ, sản phẩm CNTT.
- Giám sát hoạt động các dự án theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng hiện hành.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác nghiên cứu và tư vấn giải pháp CNTT, quản lý các dự án công nghệ thông tin.

#### • **Khối Tín dụng**

a) Phòng Định giá tài sản

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá tài sản đảm bảo.
- Tuyển dụng và đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá cho toàn hệ thống VietBank.
- Thẩm định và phê duyệt kết quả định giá tài sản.
- Đầu mối hợp tác với các đối tác bên ngoài để thực hiện chức năng thẩm định giá tài sản.
- Quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động thẩm định giá tài sản trong toàn hệ thống VietBank.

- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác định giá tài sản trong toàn hệ thống.

b) Phòng Tín dụng doanh nghiệp

- Thẩm định/tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng theo quy định của VietBank. Thẩm định các dự án do VietBank đồng tài trợ hoặc các đối tác khác theo quy định của VietBank.
- Xây dựng quy định/quy trình liên quan đến hoạt động thẩm định/tái thẩm định.
- Lập biên bản phản quyết cấp tín dụng ghi nhận ý kiến của Hội đồng tín dụng cấp cao/Hội đồng tín dụng/Ban tín dụng Hội sở về các hồ sơ tín dụng.
- Thẩm định/Tái thẩm định/phê duyệt đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thẩm định/tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng.

c) Phòng Tín dụng cá nhân

- Thẩm định/tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng theo quy định của VietBank
- Xây dựng quy định, quy trình liên quan đến hoạt động thẩm định/tái thẩm định.
- Lập biên bản phản quyết cấp tín dụng ghi nhận ý kiến của Hội đồng tín dụng cấp cao/Hội đồng tín dụng/Ban tín dụng Hội sở về các hồ sơ tín dụng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thẩm định/tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng.

d) Phòng Quản lý chất lượng tín dụng.

- rà soát, xây dựng, cập nhật các văn bản hướng dẫn về thẩm định tín dụng cho hệ thống VietBank.
- Đầu mối giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến việc hạch toán dữ liệu đầu vào, các thắc mắc liên quan đến quy trình, quy định tín dụng.
- Kiểm soát chất lượng tín dụng của khách hàng lớn.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý chất lượng hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

• **Khôi Tài Chính**

a) Phòng Kế Toán

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý, hướng dẫn công tác kế toán tài chính của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế toán tài chính của Ngân hàng.
- Quản lý các tài khoản tiền gửi của Hội sở tại NHNN và các TCTD khác trong nước.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kế toán.

b) Phòng Quản lý Tài sản có và Tài sản nợ

- Quản lý vốn tự có, kế hoạch vốn
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý và giám sát hiệu quả bảng cân đối kế toán.
- Thực hiện công tác quản lý tài sản Có - tài sản Nợ.
- Xây dựng và vận hành hệ thống định giá điều chuyển vốn nội bộ (FTP).
- Phân tích, dự báo tình hình kinh tế vĩ mô, chính sách tài chính tiền tệ; phân tích dữ liệu, mô hình tài chính; phân tích ngành ngân hàng, đánh giá tác động các thay đổi chính sách của Ngân hàng Nhà nước; dự báo chiến lược.



- Thư ký Hội đồng ALCO.
- Thư ký Hội đồng Quản lý vốn.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý tài sản Có - tài sản Nợ.

c) Phòng Tài chính

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý, hướng dẫn công tác kế toán quản trị và công tác kế hoạch của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế toán quản trị của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế hoạch của Ngân hàng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kế toán quản trị của VietBank.

• **Khôi Quản lý rủi ro**

a) Phòng Pháp lý tuân thủ

- Quản lý và tổ chức thực hiện công tác pháp chế trong toàn hệ thống VietBank.
- Quản lý và tổ chức thực hiện công tác lập quy của Vietbank
- Đại diện cho VietBank tham gia tố tụng, làm việc với cơ quan, tổ chức khác về các vấn đề pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của VietBank khi được ủy quyền, không bao gồm việc đại diện tham gia tố tụng trong hoạt động xử lý nợ.
- Xây dựng, thực hiện, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo các yêu cầu của ISO 9001.
- Kiểm soát tuân thủ theo quy định của Pháp luật, quy định của Vietbank.

b) Phòng Quản lý rủi ro vận hành

- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro vận hành/rủi ro hoạt động.
- Tham mưu cho Ban Điều hành, Hội đồng rủi ro về quản lý rủi ro vận hành.
- Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với các mảng hoạt động phát sinh nhiều rủi ro vận hành.
- Thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động quản lý rủi ro vận hành.
- Đầu mối thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền.

c) Phòng Quản lý rủi ro tín dụng

- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro tín dụng.
- Đề xuất, tham mưu cho Hội đồng rủi ro và Ban Điều hành liên quan đến chính sách quản lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng.
- Theo dõi trạng thái rủi ro tín dụng.
- Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với hoạt động quản lý rủi ro tín dụng.
- Tham mưu trong việc xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro theo quy định của Pháp luật.

d) Phòng Quản lý rủi ro thị trường

- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản.
- Tham mưu cho Ban Điều hành, Hội đồng rủi ro về quản lý rủi ro thị trường, rủi ro tập trung đối với hoạt động tự doanh, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.
- Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với hoạt động có yếu tố rủi ro thị trường.
- Thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản.
- Tham mưu trong việc xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường,

theo dõi rủi ro theo quy định của Pháp luật.

• **Khôi Nguồn nhân lực**

a) Trung tâm đào tạo

i) Phòng E-learning & khảo thí

- Thiết kế và xây dựng bài giảng E-learning.
- Vận hành hệ thống E-learning và học Online.
- Quản lý ngân hàng đề thi.
- Quản lý hệ thống sát hạch và vận hành các kỳ thi.
- Quản lý phòng máy tính.
- Quản lý và xử lý các phần mềm, phần cứng và công nghệ phục vụ cho công tác đào tạo.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành hệ thống E-learning và khảo thí.

ii) Phòng Quản lý đào tạo

- Triển khai thực hiện các chương trình đào tạo theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt.
- Quản lý hợp đồng đào tạo nội bộ.
- Quản lý hồ sơ học viên.
- Quản lý dữ liệu về kết quả học tập, thi của học viên.
- Phối hợp với Phòng Nhân sự đánh giá năng lực nhân viên.
- Giải quyết thủ tục bồi hoàn liên quan đào tạo.
- Quản lý tài sản của Trung tâm đào tạo.
- Kế toán thu chi.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý đào tạo.
- Chức năng khác.

iii) Phòng Phát triển chương trình

- Xây dựng kế hoạch đào tạo ngắn, trung và dài hạn.
- Phân tích nhu cầu đào tạo.
- Thiết kế chương trình, thẩm định, đánh giá và chỉnh sửa hoàn thiện chương trình.
- Giảng dạy tại lớp.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển chương trình đào tạo.

iv) Phòng Tổ chức đào tạo

- Tổ chức lớp học.
- Quản lý lớp học.
- Liên lạc giảng viên và học viên.
- Phụ trách các công tác hậu cần phục vụ cho lớp học.
- Thống kê phiếu đánh giá, lập báo cáo về khóa học.
- Thực hiện bản tin nội bộ.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác tổ chức đào tạo.

b) Trung tâm phát triển nguồn nhân lực

i) Phòng Tuyển dụng



- Tìm và quản lý nguồn tuyển.
- Tuyển dụng nhân sự.

ii) Phòng Quản lý nhân sự

- Quản lý nhân sự.
- Đánh giá nhân sự.
- Quan hệ lao động.

iii) Phòng Chính sách và phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực.
- Xây dựng và quản lý hồ sơ tổ chức toàn hàng.

iv) Phòng Tiền lương và Phúc lợi

- Xây dựng và triển khai quy chế lương, thưởng, phúc lợi.
- Xây dựng chính sách đãi ngộ nhân sự.

• **Khôi Hỗ trợ kinh doanh**

a) Trung tâm dịch vụ nội bộ

i) Phòng Hành chính quản trị

- Công tác Văn thư.
- Công tác Hành chính Quản trị.
- Công tác An ninh - An Toàn.
- Công tác Mua sắm - Quản lý hợp đồng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác hành chính quản trị.

ii) Phòng Quản lý tài sản

- Công tác Phát triển mạng lưới.
- Công tác Xây dựng cơ bản.
- Công tác Quản lý tài sản cố định (không phải bất động sản).
- Công tác Quản lý bất động sản và văn phòng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý tài sản, xây dựng cơ bản và phát triển mạng lưới.

b) Trung tâm Marketing

i) Phòng Đối ngoại và truyền thông

- Xây dựng quy định, tổ chức và quản lý công tác phát ngôn chính thức của VietBank.
- Quản lý và phát triển mối quan hệ với các cơ quan thống tấn báo chí, truyền hình, phát thanh,...
- Xây dựng, cập nhật quy định xử lý khủng hoảng thông tin và tham gia xuyên suốt trong quá trình xử lý khủng hoảng thông tin.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối ngoại và quan hệ công chúng.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối nội và tham gia vào tiến trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho VietBank.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch quảng cáo của VietBank trên mọi kênh

tương tác.

- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các sự kiện cấp ngân hàng của VietBank.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác truyền thông và quan hệ công chúng.

ii) Phòng Thương hiệu và Chính sách Marketing

- Xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu của VietBank.
- Quản lý hình ảnh, thương hiệu VietBank trên toàn hệ thống và tại mọi điểm tiếp xúc với khách hàng.
- Thiết kế hình ảnh, thương hiệu VietBank.
- Xây dựng các chính sách, quy chuẩn, quy trình Marketing.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động Marketing.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch Marketing tổng thể và quản lý kế hoạch chi phí Marketing của Trung tâm.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển thương hiệu và hoạt động Marketing của VietBank.

iii) Phòng Marketing kinh doanh

- Tổ chức công tác Nghiên cứu thị trường và Thấu hiểu khách hàng.
- Tổ chức công tác đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ của VietBank.
- Tư vấn các giải pháp Marketing hướng đến khách hàng cho các Khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách, sản phẩm, dịch vụ phù hợp... đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng.
- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch Marketing trên toàn hệ thống nhằm hỗ trợ kinh doanh.
- Phối hợp với các khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách khách hàng thân thiết.
- Tổ chức hoạt động Marketing kỹ thuật số trên toàn hệ thống.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác Marketing trên toàn hệ thống nhằm hỗ trợ kinh doanh.

• **Trung tâm Quản lý nợ**

a) Phòng Cảnh báo nợ sớm

- Công tác Cảnh báo nợ sớm.
- Công tác Tổng hợp số liệu nợ.
- Công tác Nhắc nợ qua tin nhắn (SMS).
- Công tác Nhắc nợ qua điện thoại (Call Center).
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình liên quan đến công tác quản lý nợ, kiểm soát KPIs của các thành viên thuộc Trung tâm Quản lý nợ.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác cảnh báo nợ sớm.

b) Phòng Quản lý nợ

- Công tác quản lý nợ, xử lý nợ quá hạn trong toàn hệ thống qua các biện pháp :
- Đôn đốc khách hàng trả nợ;
- Tìm các giải pháp để xử lý khoản nợ quá hạn thông qua việc thương lượng.
- Khởi kiện và tham gia tố tụng tại tòa án.
- Công tác xử lý nợ.



- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình liên quan đến công tác quản lý nợ.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý, xử lý, thu hồi nợ quá hạn trong toàn hệ thống.

c) Phòng xử lý nợ

- Xử lý, thu hồi nợ quá hạn trong toàn hệ thống.
- Tham gia thi hành án nhằm xử lý tài sản bảo đảm theo bản án.
- Thực hiện các biện pháp, giải pháp để xử lý các khoản nợ đặc biệt theo phân công.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác xử lý, thu hồi nợ quá hạn trong toàn hệ thống.

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

**5.1. Công ty mẹ**

Không có.

**5.2. Danh sách các công ty con**

Hiện nay, VietBank chỉ có 01 (một) công ty con sở hữu trực tiếp:

- Tên công ty: **Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín.**
- Tên viết tắt: VietBank – AMC.
- Trụ sở chính: 90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Ngày thành lập: 06/06/2011
- Giấy phép hoạt động: số 0310898270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 06/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 06, ngày 12/06/2021
- Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý Nợ và Khai thác tài sản.
- Vốn điều lệ:
  - Vốn điều lệ đăng ký: 05 (năm) tỷ đồng.
  - Vốn điều lệ thực: 05 (năm) tỷ đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của VietBank tại công ty con: 100%
- Ngành nghề kinh doanh: Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn; Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp; Hoàn thiện các hồ sơ liên quan đến các khoản nợ theo quy định của pháp luật; Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay; Mua, bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

**5.3. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành**

Không có.

**5.4. Danh sách các công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần**

**vốn góp chi phí**

Không có.



6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Bảng 3. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của VietBank

Đơn vị: VND

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1	12/2006	0	200.000.000.000	200.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành riêng lẻ cho một số nhà đầu tư bên ngoài - Số lượng phát hành: 200.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 v/v khởi phục lại hoạt động của Ngân hàng TMCP nông thôn Phú Tâm và Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 v/v cấp giấy phép hoạt động cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	
2	24/04/2007	200.000.000.000	500.000.000.000	300.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 300.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 46/NHNN-STR2 ngày 20/3/2017 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.	
3	30/12/2008	500.000.000.000	1.000.000.000.000	500.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ	Văn bản chấp thuận số 317/NHNN-STR2 ngày 29/12/2008 của NHNN Chi	

**Bản Cáo Bạch Chào Bán Trái Phiếu Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thương Tín**

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
4	30/12/2010	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000	đồng - Số lượng phát hành: 500.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	nhánh tỉnh Sóc Trăng.	
5	31/12/2016	3.000.000.000.000	3.249.000.000.000	249.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ đông - Số lượng phát hành: 2.000.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 7135/NHNN-TTGSNH ngày 21/9/2010 của NHNN.	
					Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 249.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 9938/NHNN-TTGSNH ngày 28/12/2016 của NHNN.	



Bản Cáo Bạch Chào Bán Trái Phiếu Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thương Tín



STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
6	2018-2019	3.249.000.000.000	4.190.199.040.000	941.199.040.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên VietBank theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP). Trong đó, Vietbank đã phát hành cho tổng cộng 225 cổ đông, trong đó 52 Cổ đông hiện hữu, 173 Cổ đông ESOP. - Số lượng phát hành: 94.119.904 cổ phiếu - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu	- Công văn số 6487/NHNN-TTGSNH ngày 28/08/2018; - Công văn 8460/UBCK – QLCB ngày 26/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Công văn 1406/NHNN-TTGSNH ngày 07/03/2019. - Công văn 1760/UBCK – QLCB ngày 20/03/2019 của UBCKNN v/v xử lý cổ phiếu phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.	
7	2021	4.190.199.040.000	4.776.826.690.000	586.627.650.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 58.662.765 cổ phiếu - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu	- Công văn số 2074/NHNN-TTGSNH ngày 30/03/2021 về việc chấp thuận việc tăng vốn điều lệ thêm 586.627.856.600 đồng của VietBank; - Công văn số 2339/UBCK-CLCB ngày 26/5/2021 về việc thông báo đã nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu	

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						<p>trả cổ tức năm 2019 của VietBank.</p> <p>- Công văn số 3138/UBCK - QLCB ngày 25/6/2021 về việc Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.</p> <p>- Quyết định 1495/QĐ- NHNN Về việc sửa đổi nội dung về vốn Điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.</p>	

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành



## 7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

### 7.1. Cổ phiếu phổ thông

**Bảng 4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2022**

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ (%)
1	Cá nhân trong nước	167,274,995	35,00
2	Cá nhân nước ngoài	12,838	0,00
3	Tổ chức trong nước	310,394,836	65,00
4	Tổ chức nước ngoài	-	0,00
	<b>Tổng cộng</b>	<b>477.682.669</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

### 7.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

### 7.3. Các loại chứng khoán khác

Tại ngày 31/03/2022, ngoài cổ phiếu phổ thông, Tổ Chức Phát Hành có các chứng khoán khác theo danh sách tại bảng sau:

**Bảng 5. Trái phiếu tại ngày 31/03/2022**

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
VIETBANK.L.2 0.27.001	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	343.000	Lãi suất tham chiếu + 2,20%/năm	28/10/2020	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VIETBANK.L.2 0.22.002	Trái phiếu không chuyển đổi	100.000	5,20%/năm	15/12/2020	2 năm	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn
VIETBANK.L.2 0.27.003	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	400.000	Lãi suất tham chiếu + 1,40%/năm	16/12/2020	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VIETBANK.RL .20.22.004	Trái phiếu không chuyển	500.000	5,50%/năm	21/12/2020	2 năm	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
	đổi					
VIETBANK.L.2 0.22.005	Trái phiếu không chuyển đổi	400.000	5,50%/năm	25/12/2020	2 năm	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn
VBBL2128001	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	431.000	Lãi suất tham chiếu + 1,82%/năm	30/06/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128002	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	255.340	05 năm đầu: 7,80%/năm 02 năm cuối: 8,83%/năm	29/09/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128003	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	224.550	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	29/10/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128004	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	100.000	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	11/11/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128005	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	140.980	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	26/11/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128006	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	200.000	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	20/12/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128010	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	90.300	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	28/12/2021	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2229001	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	300.000	02 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm 05 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	09/02/2022	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành



Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
VBBL2229002	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	100.000	02 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm  05 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	18/02/2022	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

## 8. Hoạt động kinh doanh

### 8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

#### a. Loại sản phẩm, dịch vụ

Đơn vị: triệu đồng

**Bảng 6. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Hợp nhất)**

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.075.804	80,71%	6.086.498	86,43%	1.527.709	89,71%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	85.358	1,36%	147.804	2,10%	43.402	2,55%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	106.222	1,69%	117.406	1,67%	32.652	1,92%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	856.006	13,61%	499.327	7,09%	56.884	3,34%
5	Thu nhập từ hoạt động khác	165.192	2,63%	190.909	2,71%	42.291	2,48%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.288.582</b>	<b>100%</b>	<b>7.041.944</b>	<b>100%</b>	<b>1.702.938</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Nhìn chung hoạt động kinh doanh năm 2021 của VietBank theo BCTC năm 2021 hợp nhất ngày càng lành mạnh, tỷ trọng các chỉ tiêu thu nhập trong Tổng Doanh Thu có xu hướng tăng là Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (86,43%) và Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (2,10%) đều tăng so với năm 2020 (80,71% và 1,36%), năm 2019 (88,18% và 1,22%). Mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, tỷ trọng Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự vẫn duy trì ở mức trên 80% (cụ thể 31/12/2021 là 86,43%, tăng 5,72% so với năm 2020 và giảm nhẹ so với năm 2019 là 1,75%). Trong khi đó, tỷ trọng Thu nhập từ mua bán chứng khoán (MBCK) đầu tư là 7,09%, giảm so với năm 2020 (13,61%).

**Bảng 7. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.075.804	80,49%	6.086.498	86,43%	1.527.709	89,71%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	85.658	1,36%	147.954	2,10%	43.402	2,55%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	106.222	1,68%	117.406	1,67%	32.652	1,92%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	856.006	13,57%	499.327	7,09%	56.884	3,34%
5	Thu nhập từ hoạt động khác	165.192	2,89%	190.909	2,71%	42.291	2,48%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.288.882</b>	<b>100%</b>	<b>7.042.094</b>	<b>100%</b>	<b>1.702.938</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

Theo BCTC năm 2021 riêng lẻ của VietBank, tỷ trọng các chỉ tiêu thu nhập trong Tổng Doanh thu ngày càng lành mạnh, các chỉ tiêu thu nhập trong Tổng Doanh Thu có xu hướng tăng mạnh là Thu từ dịch vụ, Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và Thu nhập từ hoạt động khác đều tăng so với năm 2020 (72,73%, 10,53% và 75,97%), năm 2019 (132,76%, 145,16% và 76,33%). Mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, tỷ trọng Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự vẫn duy trì ở mức trên 85% (cụ thể 31/12/2021 là 86,43%, tương ứng 6.086 tỷ đồng, tăng 19,91% so với năm 2020 và 32,21% so với năm 2019). Trong khi đó, Thu nhập từ MBCK đầu tư có sự sụt giảm so với năm 2020 là 41,67%.



**Bảng 8. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi thuần	569.759	33,90%	1.486.208	65,83%	364.290	73,83%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	62.505	3,72%	94.808	4,20%	24.939	5,06%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	37.644	2,24%	11.767	0,52%	7.475	1,52%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	852.272	50,71%	475.575	21,06%	55.772	11,30%
5	Lãi thuần từ hoạt động khác	158.413	9,43%	189.323	8,39%	40.918	8,29%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.680.593</b>	<b>100%</b>	<b>2.257.681</b>	<b>100%</b>	<b>493.394</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Theo BCTC Hợp nhất năm 2021, nhìn chung tỷ trọng của mỗi hoạt động trên Tổng thu nhập hoạt động (TNHD) của VietBank có sự biến động như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 65,83% tăng mạnh 31,93% so với năm 2020 và giảm 3,89% so với năm 2019 do bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Ngược lại, tỷ trọng Lãi thuần từ MBCK đầu tư giảm mạnh so với 2020 là 29,65% và tăng 3,27% so với 2019.
- Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng so với năm 2020 (0,48%) và năm 2019 (1,43%)
- Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động khác giảm so với 2020 và 2019 lần lượt là 1,04% và 0,9%.

**Bảng 9. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng thu nhập hoạt động (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi thuần	569.718	34,03%	1.486.190	65,99%	364.290	73,83%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	56.295	3,36%	89.722	3,98%	24.939	5,06%

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	37.644	2,25%	11.767	0,52%	7.475	1,52%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	834.903	49,86%	475.575	21,11%	55.772	11,30%
5	Lãi thuần từ hoạt động khác	175.783	10,50%	189.323	8,40%	40.918	8,29%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.674.343</b>	<b>100%</b>	<b>2.252.577</b>	<b>100%</b>	<b>493.394</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

Theo BCTC Riêng lẻ năm 2021, cơ cấu Tổng thu nhập hoạt động của VietBank có sự thay đổi khá tương đồng với biến động trên BCTC hợp nhất, cụ thể như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 65,99%, về giá trị đạt 1.486 tỷ đồng, tăng mạnh 160,86% so với năm 2020 và 22,23% so với năm 2019. Ngược lại, Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và Lãi thuần từ MCK đầu tư giảm mạnh so với 2020 lần lượt là 68,74% và 43,04% nhưng tăng 56,89% và 47,50% so với 2019.
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ và Lãi thuần từ hoạt động khác đều tăng so với năm 2020 tăng lần lượt 59,38% và 7,7%, tăng trưởng so với 2019 là 95,11% và 17,03%.

#### **b. Huy động vốn**

Huy động vốn là nghiệp vụ Ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Hoạt động huy động vốn của VietBank tăng trưởng qua các năm. Tổng nguồn vốn huy động của VietBank đến ngày 31/12/2021 đạt 95,7 nghìn tỷ đồng, tăng 13,75% so với năm 2020. Trong năm 2021, VietBank tăng cường huy động vốn bằng phát hành chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu tăng vốn. Điều này giúp VietBank đa dạng hóa nguồn vốn và nâng cao năng lực tài chính.



**Hình 3. Tình hình huy động vốn của VietBank**

Đơn vị: nghìn tỷ đồng



Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Cơ cấu huy động vốn đa dạng, linh hoạt cân đối, đảm bảo an toàn thanh khoản và hiệu quả kinh doanh của toàn hệ thống của VietBank nhưng vẫn tuân thủ các quy định của NHNN theo từng thời kỳ. Xét về cơ cấu huy động vốn tại 31/12/2021, khoản mục tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và cho vay các TCTD khác, phát hành GTCG lần lượt chiếm tỷ trọng 69,79%; 21,88% và 8,33%. Tại thời điểm cuối năm 2020, tỷ trọng này lần lượt là 76,67%; 17,40% và 5,93%.

**Hình 4. Cơ cấu huy động vốn của VietBank**



Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

VietBank chủ động trong công tác nguồn vốn, khai thác nguồn vốn dồi dào cả VND và ngoại tệ với chi phí hợp lý. Huy động vốn bằng VND luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu huy động của VietBank. Tại ngày 31/03/2022, huy động bằng VND và ngoại tệ chiếm tỷ trọng lần lượt là 99,67% và 0,33%;

**Bảng 10. Nguồn vốn huy động (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>I. Loại hình</b>						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13.730	0,02%	11.663	0,01%	11.257	0,01%
Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác	14.643.134	17,39%	21.353.634	22,30%	18.177.291	18,80%
Tiền gửi của khách hàng	64.537.150	76,66%	66.755.406	69,71%	69.314.512	71,69%
Phát hành GTCG	4.993.000	5,93%	7.635.170	7,97%	9.185.170	9,50%
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.187.014</b>	<b>100%</b>	<b>95.755.873</b>	<b>100%</b>	<b>96.688.230</b>	<b>100%</b>
<b>II. Trong nước/Ngoài nước</b>						
Trong nước	84.146.022	99,95%	95.440.240	99,67%	96.414.547	99,71%
Ngoài nước	40.992	0,05%	315.633	0,33%	273.683	0,29%
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.187.014</b>	<b>100%</b>	<b>95.755.873</b>	<b>100%</b>	<b>96.688.230</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tiền gửi của khách hàng: Chủ yếu là nguồn tiền trong nước và chiếm tỷ trọng lớn là Tiền gửi của khách hàng và Tiền gửi/tiền vay từ các TCTD khác, cụ thể:

- Tỷ trọng tiền gửi khách hàng luôn duy trì ở mức 69%-79%, tại ngày 31/12/2021 là 69,71% giảm 6,95% so với năm 2020 và giảm 9,61% so với năm 2019.
- Tỷ trọng Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác ở mức 16%-22%, tại ngày 31/12/2021 là 22,30% đều tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 4,91% và 5,66%.
- Tỷ trọng Phát hành GTCG đều tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 2,04% và 3,96%.
- Các khoản nợ Chính phủ và NHNN chiếm tỷ trọng rất thấp, chỉ từ 0,01%-0,02%.

**Bảng 11. Nguồn vốn huy động (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>I. Loại hình</b>						
Các khoản nợ Chính phủ và	13.730	0,02%	11.663	0,01%	11.257	0,01%



Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
NHNN						
Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác	14.643.134	17,39%	21.353.634	22,30%	18.177.291	18,80%
Tiền gửi của khách hàng	64.558.047	76,67%	66.757.140	69,71%	69.314.635	71,69%
Phát hành GTCG	4.993.000	5,93%	7.635.170	7,97%	9.185.170	9,50%
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.207.911</b>	<b>100%</b>	<b>95.757.607</b>	<b>100%</b>	<b>96.688.353</b>	<b>100%</b>
<b>II. Trong nước/Ngoài nước</b>						
Trong nước	84.207.911	100%	95.757.607	100%	96.414.670	99,72%
Ngoài nước	0.00	0,00%	0.00	0,00%	273.683	0,28%
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.207.911</b>	<b>100%</b>	<b>95.757.607</b>	<b>100%</b>	<b>96.688.353</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tiền gửi của khách hàng: Chủ yếu là nguồn tiền trong nước và chiếm tỷ trọng lớn là Tiền gửi của khách hàng và Tiền gửi/tiền vay từ các TCTD khác, cụ thể:

- Tỷ trọng tiền gửi khách hàng tại ngày 31/12/2021 là 69,71% giảm 6,95% so với năm 2020 và giảm 9,62% so với năm 2019.
- Tỷ trọng Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác ở mức 16%-22%, tại ngày 31/12/2021 là 22,30% đều tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 4,91% và 5,67%.
- Tỷ trọng Phát hành GTCG đều tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 2,04% và 3,96%.
- Các khoản nợ Chính phủ và NHNN chiếm tỷ trọng rất thấp 0,01%-0,02%.

**Bảng 12. Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	<b>Phân theo khách hàng</b>						
	Tổ chức kinh tế	5.248.855	8,13%	8.405.561	12,59%	8.938.450	12,90%
	Cá nhân	59.288.295	91,87%	58.349.845	87,41%	60.376.062	87,10%
<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>		<b>64.537.150</b>	<b>100%</b>	<b>66.755.406</b>	<b>100%</b>	<b>69.314.512</b>	<b>100%</b>
2	<b>Phân theo kỳ hạn</b>						

STT	Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
	Tiền gửi không kỳ hạn	2.379.943	3,69%	3.091.184	4,63%	2.837.074	4,09%
	Tiền gửi có kỳ hạn	4.014.011	6,22%	7.602.517	11,39%	8.582.360	12,38%
	Tiền gửi tiết kiệm	58.075.076	89,99%	55.930.474	83,78%	57.792.916	83,38%
	Tiền gửi ký quỹ	62.846	0,10%	107.062	0,16%	90.379	0,13%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	5.274	0,01%	24.169	0,03%	11.783	0,02%
<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>		<b>64.537.150</b>	<b>100%</b>	<b>66.755.406</b>	<b>100%</b>	<b>69.314.512</b>	<b>100%</b>
<b>Phân theo loại tiền</b>							
3	VND	64.262.752	99,57%	66.445.545	99,54%	68.979.493	99,52%
	Ngoại tệ	274.398	0,43%	309.861	0,46%	335.019	0,48%
<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>		<b>64.537.150</b>	<b>100%</b>	<b>66.755.406</b>	<b>100%</b>	<b>69.314.512</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Về kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm bằng VND luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 31/12/2021, tiền gửi tiết kiệm của khách hàng đạt 55,9 nghìn tỷ đồng, giảm 3,66% so với thời điểm 31/12/2020.

Tiền gửi nội tệ chiếm tỷ trọng gần tuyệt đối trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của VietBank. Tại 31/12/2021, tổng tiền gửi nội tệ là 66,4 nghìn tỷ đồng, tương ứng 99,54% tổng tiền gửi khách hàng.

**Bảng 13. Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>Phân theo khách hàng</b>							
1	Tổ chức kinh tế	5.269.752	8,16%	8.407.295	12,59%	8.938.573	12,90%
	Cá nhân	59.288.295	91,84%	58.349.845	87,41%	60.376.062	87,10%
<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>		<b>64.558.047</b>	<b>100%</b>	<b>66.757.140</b>	<b>100%</b>	<b>69.314.635</b>	<b>100%</b>
<b>Phân theo kỳ hạn</b>							
2	Tiền gửi không kỳ hạn	2.400.840	3,72%	3.092.918	4,63%	2.837.197	4,09%



STT	Khoản mục	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
	Tiền gửi có kỳ hạn	4.014.011	6,22%	7.602.517	11,39%	8.582.360	12,38%
	Tiền gửi tiết kiệm	58.075.076	89,96%	55.930.474	83,78	57.792.916	83,38%
	Tiền gửi kỳ quỹ	62.846	0,10%	107.062	0,16%	90.379	0,13%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	5.274	0,01%	24.169	0,04%	11.783	0,02%
	<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>	<b>64.558.047</b>	<b>100%</b>	<b>66.757.140</b>	<b>100%</b>	<b>69.314.635</b>	<b>100%</b>
	<b>Phân theo loại tiền</b>						
<b>3</b>	VND	64.283.649	99,57%	66.447.279	99,54%	68.979.616	99,52%
	Ngoại tệ	274.398	0,43%	309.861	0,46%	335.019	0,48%
	<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>	<b>64.558.047</b>	<b>100%</b>	<b>66.757.140</b>	<b>100%</b>	<b>69.314.635</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 31/12/2020, tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng (bao gồm tiền gửi tiết kiệm) đạt 62,1 nghìn tỷ đồng, tương ứng mức tăng 32,15% so với thời điểm 31/12/2019. Tính đến 31/12/2021, mặc dù lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm tính hấp dẫn so với các loại hình đầu tư khác, nhưng tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng vẫn đạt 63,5 nghìn tỷ đồng.

Tiền gửi nội tệ chiếm tỷ trọng gần tuyệt đối trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của VietBank. Tại 31/12/2020, tổng tiền gửi nội tệ là 64,3 nghìn tỷ đồng, tương đương mức tăng khoảng 30,85% so với thời điểm 31/12/2019. Tại thời điểm cuối tháng 12/2021, tổng tiền gửi VND là 66,4 nghìn tỷ đồng, tương ứng 99,54% tổng tiền gửi khách hàng.

### c. Hoạt động tín dụng

VietBank cung cấp đầy đủ và kịp thời vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ khách hàng thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích tiêu dùng, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững. Chất lượng tín dụng luôn được VietBank kiểm soát chặt chẽ và tuân theo quy định của NHNN.

Xét về tổng thể, trong những năm gần đây, hoạt động cho vay của VietBank có sự tăng trưởng mạnh mẽ, tổng dư nợ năm sau luôn cao hơn năm trước. Đến 31/12/2021, tổng dư nợ cho vay (chưa trích lập dự phòng) đạt 50,5 nghìn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 12,79% so với năm 2020.

**Bảng 14. Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ ngắn hạn	21.736.848	48,52%	21.805.562	43,15%	20.630.439	39,92%
Nợ trung hạn	9.857.461	22,00%	11.673.335	23,10%	12.828.573	24,82%
Nợ dài hạn	13.207.607	29,48%	17.051.259	33,74%	18.221.619	35,26%
<b>Tổng dư nợ cho vay</b>	<b>44.801.916</b>	<b>100%</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>51.680.631</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 15. Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ ngắn hạn	21.736.848	48,52%	21.805.562	43,15%	20.630.439	39,92%
Nợ trung hạn	9.857.461	22,00%	11.673.335	23,10%	12.828.573	24,82%
Nợ dài hạn	13.207.607	29,48%	17.051.259	33,74%	18.221.619	35,26%
<b>Tổng dư nợ cho vay</b>	<b>44.801.916</b>	<b>100%</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>51.680.631</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tỷ lệ tăng trưởng cho vay của VietBank tại các kỳ hạn trong 2 năm gần đây nhìn chung tương đối đồng đều khi các khoản vay trung và dài hạn đều chiếm trên 50% tổng dư nợ.

Tính đến ngày 31/12/2021, các khoản vay ngắn, trung và dài hạn của VietBank chiếm tỷ trọng trên tổng dư nợ là lần lượt là 43,15%; 23,10%; 33,74%.

**Bảng 16. Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	17.735.981	39,59%	21.715.931	42,98%	21.396.858	41,41%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.053.486	22,44%	10.910.343	21,59%	10.789.793	20,88%



Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	5.753.939	12,84%	5.337.407	10,56%	4.993.925	9,66%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.989.170	8,90%	4.072.484	8,06%	4.802.066	9,29%
Xây dựng	2.642.814	5,90%	3.215.480	6,36%	2.712.868	5,25%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.362.573	3,04%	1.483.739	2,94%	1.959.875	3,79%
Các ngành nghề khác	3.263.953	7,29%	3.794.772	7,51%	5.025.246	9,72%
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.801.916</b>	<b>100%</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>51.680.631</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 17. Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	17.735.981	39,59%	21.715.931	42,98%	21.396.858	41,41%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.053.486	22,44%	10.910.343	21,59%	10.789.793	20,88%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	5.753.939	12,84%	5.337.407	10,56%	4.993.925	9,66%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.989.170	8,90%	4.072.484	8,06%	4.802.066	9,29%
Xây dựng	2.642.814	5,90%	3.215.480	6,36%	2.712.868	5,25%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.362.573	3,04%	1.483.739	2,94%	1.959.875	3,79%
Các ngành nghề khác	3.263.953	7,29%	3.794.772	7,51%	5.025.246	9,72%
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.801.916</b>	<b>100%</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>51.680.631</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Phân theo ngành kinh tế, các khoản cho vay hoạt động phục vụ hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay của VietBank. Điều này cho thấy VietBank vẫn đang ưu tiên nguồn vốn cho vay mảng cá nhân và dịch vụ hộ gia đình.

Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của VietBank tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp

nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.

- *Đối với nhóm khách hàng cá nhân:* Được xác định là nhóm khách hàng mục tiêu, VietBank đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân rất đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho VietBank. Có thể kể đến các sản phẩm tiêu biểu như:
  - Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: VietBank cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; gói sản phẩm cho vay du học; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao,...
  - Cho vay Sản xuất kinh doanh: Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng, như Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD,...
- *Đối với Khách hàng Doanh nghiệp:* Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và hướng đến khách hàng mục tiêu, VietBank không ngừng phát triển sản phẩm mới. Các sản phẩm dành cho doanh nghiệp luôn được thiết kế linh hoạt phù hợp, dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật cao. Các sản phẩm điển hình như:
  - Cho vay ngắn hạn: bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết,...
  - Cho vay trung dài hạn: đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới,...
  - Bảo lãnh trong nước: phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu, ... gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:
    - o Bảo lãnh dự thầu.
    - o Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
    - o Bảo lãnh thanh toán.
    - o Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
    - o Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.
    - o Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.
    - o Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng bảo đảm bằng tiền tạm ứng.

**Bảng 18. Phân loại nợ cho vay theo chất lượng (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	43.306.012	96,66%	47.541.836	94,09%	48.454.049	93,76%



Nợ cần chú ý	711.169	1,59%	1.143.269	2,26%	984.014	1,90%
Nợ dưới tiêu chuẩn	94.334	0,21%	331.042	0,66%	377.477	0,73%
Nợ nghi ngờ	91.316	0,20%	592.140	1,17%	504.212	0,98%
Nợ có khả năng mất vốn	599.085	1,34%	921.869	1,82%	1.360.879	2,63%
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.801.916</b>	<b>100%</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>51.680.631</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 19. Phân loại nợ cho vay theo chất lượng (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	43.306.012	96,66%	47.541.836	94,09%	48.454.049	93,76%
Nợ cần chú ý	711.169	1,59%	1.143.269	2,26%	984.014	1,90%
Nợ dưới tiêu chuẩn	94.334	0,21%	331.042	0,66%	377.477	0,73%
Nợ nghi ngờ	91.316	0,20%	592.140	1,17%	504.212	0,98%
Nợ có khả năng mất vốn	599.085	1,34%	921.869	1,82%	1.360.879	2,63%
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.801.916</b>	<b>100%</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>51.680.631</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

VietBank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Điều 11 của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 "Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài"

Tính đến 31/12/2020, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn của VietBank được kiểm soát tại mức 1,34% trên tổng dư nợ, tăng nhẹ tỷ trọng so với năm 2019. Tuy nhiên số liệu này vẫn ở mức tương đối thấp so với toàn ngành. Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại thời điểm này là 456,1 tỷ đồng. Dự phòng chung tại ngày 31/12/2020 cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30/11/2020 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn. Tại 31/12/2021, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn xấp xỉ 1,82%, tăng nhẹ tỷ trọng so với năm 2020. Mặc dù tình hình Covid-19 còn diễn biến phức tạp nhưng VietBank vẫn luôn sát sao, thường xuyên quản lý chất lượng dư nợ của Ngân hàng một cách cẩn trọng và chính xác nhất. Dự phòng tại 31/12/2021 là 917.692 triệu đồng.

VietBank chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng; thực hiện các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng dụng xử lý tín dụng, chất lượng nợ.

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể được thực hiện theo quy

định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

**Bảng 20. Số dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)***Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Dự phòng cụ thể	133.679	545.629	623.407
Dự phòng chung	322.468	372.063	377.398
<b>Tổng cộng</b>	<b>456.147</b>	<b>917.692</b>	<b>1.000.805</b>

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành***Bảng 21. Số dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Riêng lẻ)***Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Dự phòng cụ thể	133.679	545.629	623.407
Dự phòng chung	322.468	372.063	377.398
<b>Tổng cộng</b>	<b>456.147</b>	<b>917.692</b>	<b>1.000.805</b>

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

VietBank luôn đáp ứng tốt tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro, và là thành viên thứ 14 được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt cho phép áp dụng trước hạn Thông tư 41 theo chuẩn Basel II.

**Bảng 22. Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)**

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Tỷ lệ an toàn vốn*	%	9,35	9,98	9,41

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành***Bảng 23. Tỷ lệ an toàn vốn (Riêng lẻ)**

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Tỷ lệ an toàn vốn*	%	9,35	9,98	9,41

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

(\*) Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của VietBank được tính toán theo thông tư 41/2016/TT-NHNN của NHNN và luôn tuân thủ theo quy định của NHNN (trên 8%).

**d. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán****Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất)**



Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	Quý I/2022
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	106.222	117.406	32.652
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(68.578)	(105.639)	(25.177)
<b>Lãi thuần kinh doanh ngoại hối</b>	<b>37.644</b>	<b>11.767</b>	<b>7.475</b>
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	42.399	49.065	29.928
Chi phí từ hoạt động thanh toán	(6.114)	(8.289)	(17.260)
<b>Lãi thuần từ hoạt động thanh toán</b>	<b>36.285</b>	<b>40.776</b>	<b>12.668</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 25. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	Quý I/2022
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	106.222	117.406	32.652
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(68.578)	(105.639)	(25.177)
<b>Lãi thuần kinh doanh ngoại hối</b>	<b>37.644</b>	<b>11.767</b>	<b>7.475</b>
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	42.399	49.065	29.928
Chi phí từ hoạt động thanh toán	(6.114)	(8.289)	(17.260)
<b>Lãi thuần từ hoạt động thanh toán</b>	<b>36.285</b>	<b>40.776</b>	<b>12.668</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Hoạt động kinh doanh ngoại hối và dịch vụ thanh toán trong nước và nước ngoài của VietBank đã có bước phát triển rõ rệt những năm gần đây:

- Hoạt động kinh doanh ngoại hối:

Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối năm 2020 của VietBank đạt 37,64 tỷ đồng, tăng mạnh 401,92% so với năm 2019 nhờ vào tập trung trọng tâm vào phát triển khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa

các loại ngoại tệ nhằm khai thác tối đa khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới ở các phân khúc. Tại 31/12/2021, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối của VietBank đạt 11,77 tỷ đồng, giảm 68,74% so với năm 2020.

- **Hoạt động thanh toán**

Năm 2020, lãi thuần từ hoạt động thanh toán đạt 36,29 tỷ đồng, tăng 59,37% so với năm 2019; số lượng giao dịch đạt 7.192 hồ sơ, tăng 3,76% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến 31/12/2021, Lãi thuần từ hoạt động thanh toán đạt 40,78 tỷ đồng, tăng 12,38% so với cùng kỳ năm 2020.

VietBank nỗ lực thúc đẩy công tác phát triển nhiều sản phẩm mới về Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại như cải tiến, thiết kế, cung ứng các sản phẩm chuyên biệt (Upas L/C, chuyển tiền ngoại tệ...) cho từng đối tượng khách hàng, đồng thời, nâng cấp và cải tiến hệ thống kỹ thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

**e. Hoạt động Ngân hàng đại lý**

VietBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng các nhu cầu giao dịch thiết yếu với ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn, và hiệu quả.

Tính đến 31/03/2022, VietBank có quan hệ đại lý với 196 ngân hàng ở 38 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trong thời gian tới, VietBank tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán sản phẩm dịch vụ của VietBank để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

**f. Hoạt động kinh doanh khác**

- ❖ *Hoạt động Đầu tư tài chính*

Các dịch vụ đầu tư tăng trưởng tốt, tập trung phát triển về số lượng và chất lượng nghiệp vụ nhằm mang lại doanh thu cao cho VietBank và đáp ứng trọn vẹn nhu cầu của khách hàng. Các hoạt động đầu tư tại VietBank bao gồm: trái phiếu Chính phủ, giấy tờ có giá do các TCTD khác phát hành, trái phiếu Doanh nghiệp.

**Bảng 26. Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>Tổng đầu tư chứng khoán</b>	<b>27.573.170</b>	<b>99,99%</b>	<b>29.191.604</b>	<b>100,00%</b>	<b>26.702.121</b>	<b>100,00%</b>
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	16.014.070	58,08%	10.941.516	37,48%	9.887.629	37,03%



Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Chứng khoán Nợ do TCTD khác trong nước phát hành	7.302.100	26,48%	4.551.734	15,59%	4.303.376	16,12%
Chứng khoán Nợ do TCKT trong nước phát hành	4.257.000	15,44%	6.148.224	21,06%	4.911.028	18,39%
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác trong nước phát hành	0.00	0,00%	7.550.130	25,87%	7.600.088	28,46%
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>1.400</b>	<b>0,01%</b>	<b>1.400</b>	<b>0,00%</b>	<b>1.400</b>	<b>0,00%</b>
Đầu tư dài hạn khác	1.400	0,01%	1.400	0,00%	1.400	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.574.570</b>	<b>100%</b>	<b>29.193.004</b>	<b>100%</b>	<b>26.703.521</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 27. Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2021	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>Tổng đầu tư chứng khoán</b>	<b>27.573.170</b>	<b>99,98%</b>	<b>29.191.604</b>	<b>99,98%</b>	<b>26.702.121</b>	<b>99,98%</b>
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	16.014.070	58,06%	10.941.516	37,47%	9.887.629	37,02%
Chứng khoán Nợ do TCTD khác trong nước phát hành	7.302.100	26,48%	4.551.734	15,59%	4.303.376	16,11%
Chứng khoán Nợ do TCKT trong nước phát hành	4.257.000	15,44%	6.148.224	21,06%	4.911.028	18,39%
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác trong nước phát hành	0.00	0,00%	7.550.130	25,86%	7.600.088	28,46%

Chi tiêu	31/12/2020		31/12/2021		31/03/2021	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>6.400</b>	<b>0,02%</b>	<b>6.400</b>	<b>0,02%</b>	<b>6.400</b>	<b>0,02%</b>
Đầu tư vào công ty con	5.000	0,02%	5.000	0,02%	5.000	0,02%
Đầu tư dài hạn khác	1.400	0,01%	1.400	0,00%	1.400	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.579.570</b>	<b>100%</b>	<b>29.198.004</b>	<b>100%</b>	<b>26.708.521</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

Quy mô hoạt động đầu tư của VietBank trong năm 2020 đạt 27,58 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 30,13% tổng tài sản, tăng hơn 16,87 nghìn tỷ đồng so với số dư cuối năm 2019. Năm 2021, quy mô hoạt động đầu tư đạt hơn 28,6 nghìn tỷ đồng. Danh mục đầu tư liên tục được điều chỉnh theo hướng tối đa khả năng sinh lời, nhưng vẫn đảm bảo thanh khoản cho toàn hệ thống và tuân thủ theo quy định của NHNN.

## 8.2. Tài sản

**Bảng 28. Chi tiết tài sản cố định (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>Thời điểm 31/12/2020</b>		
<b>1. TSCĐ hữu hình</b>	<b>963.139</b>	<b>566.887</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	602.632	406.578
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	177.634	117.395
- Phương tiện vận tải	151.025	37.242
- Tài sản khác	31.848	5.672
<b>2. TSCĐ vô hình</b>	<b>367.823</b>	<b>285.150</b>
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246
- Phần mềm máy vi tính	317.577	234.904
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.330.962</b>	<b>852.037</b>
<b>Thời điểm 31/12/2021</b>		
<b>1. TSCĐ hữu hình</b>	<b>1.012.332</b>	<b>556.195</b>



Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
- Nhà cửa, vật kiến trúc	631.384	407.923
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	187.984	107.132
- Phương tiện vận tải	160.518	35.628
- Tài sản khác	32.446	5.512
<b>2. TSCĐ vô hình</b>	<b>375.874</b>	<b>256.994</b>
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246
- Phần mềm máy vi tính	326.628	206.748
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.388.206</b>	<b>813.189</b>
<b>Thời điểm 31/03/2022</b>		
<b>1. TSCĐ hữu hình</b>	<b>1.038.298</b>	<b>566.532</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	631.447	401.329
Thiết bị, dụng cụ quản lý	213.913	126.835
Phương tiện vận tải	160.808	33.024
Tài sản khác	32.130	5.344
<b>2. TSCĐ vô hình</b>	<b>375.875</b>	<b>247.952</b>
Quyền sử dụng đất	50.246	50.246
Phần mềm máy vi tính	326.629	197.706
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.414.173</b>	<b>814.484</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 29. Chi tiết tài sản cố định (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>Thời điểm 31/12/2020</b>		
<b>1. TSCĐ hữu hình</b>	<b>963.139</b>	<b>566.887</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	602.632	406.578

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	177.634	117.395
- Phương tiện vận tải	151.025	37.242
- Tài sản khác	31.848	5.672
<b>2. TSCĐ vô hình</b>	<b>367.823</b>	<b>285.150</b>
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246
- Phần mềm máy vi tính	317.577	234.904
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.330.962</b>	<b>852.037</b>
<b>Thời điểm 31/12/2021</b>		
<b>1. TSCĐ hữu hình</b>	<b>1.012.332</b>	<b>556.195</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	631.384	407.923
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	187.984	107.132
- Phương tiện vận tải	160.518	35.628
- Tài sản khác	32.446	5.512
<b>2. TSCĐ vô hình</b>	<b>375.874</b>	<b>256.994</b>
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246
- Phần mềm máy vi tính	325.628	206.748
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.388.206</b>	<b>813.189</b>
<b>Thời điểm 31/03/2022</b>		
<b>1. TSCĐ hữu hình</b>	<b>1.038.298</b>	<b>566.532</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	631.447	401.329
Thiết bị, dụng cụ quản lý	213.913	126.835
Phương tiện vận tải	160.808	33.024
Tài sản khác	32.130	5.344
<b>2. TSCĐ vô hình</b>	<b>375.875</b>	<b>247.952</b>
Quyền sử dụng đất	50.246	50.246



Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	326.629	197.706
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.414.173</b>	<b>814.484</b>

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

### 8.3. Quản lý rủi ro bảo toàn vốn

#### 8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và công ty con.

Ngân hàng và công ty con thành lập, quy định về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro ("UBQLRR") như sau:

- (i) UBQLRR chịu trách nhiệm:
  - Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng và công ty con;
  - Phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và công ty con trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và các biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn;
  - Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và công ty con để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;
  - Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.
- (ii) UBQLRR báo cáo công việc cho Hội đồng Quản trị và có thể tổ chức họp định kỳ hoặc họp bất thường nhưng tối thiểu 6 tháng phải họp một lần.

#### a. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất khi khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi của các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng và công ty con đã ban hành các chính sách tín dụng cũng như hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng và công ty con.



Ngân hàng và công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống phân loại nợ, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này được thiết lập phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà Nước.

Ngân hàng và công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng.

#### **b. Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng**

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng phát sinh do sự chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định.

Để quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Ngân hàng và công ty con tiến hành phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn còn lại của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:

- Tiền mặt; Góp vốn, đầu tư dài hạn; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định, các khoản phải thu và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
- Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản nợ Chính phủ và NHNN; Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; Cho vay khách hàng; Các khoản phải thu từ bán nợ; Tiền gửi và vay các TCTD khác; Tiền gửi của khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính hoặc thời gian đáo hạn còn lại của các khoản mục, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

#### **c. Quản lý rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD và EUR. Tuy nhiên, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác của Ngân hàng và công ty con lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD và EUR. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.



**d. Quản lý rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng và công ty con không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải chịu chi phí cao hơn chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và công ty con, dự trữ một lượng tài sản có tính thanh khoản cao hợp lý, đồng thời Ngân hàng có chính sách quản lý rủi ro thanh khoản linh hoạt. Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai, để đảm bảo tại mọi thời điểm luôn duy trì khả năng thanh khoản tốt, tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Rủi ro thanh khoản được quản lý thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro; Tiền gửi tại NHNN; Các khoản tiền gửi, cho vay TCTD khác và các loại Giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.

Thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:

- Tiền mặt, Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đến hạn của các khoản nợ Chính phủ và NHNN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- Thời gian đến hạn của góp vốn, đầu tư dài hạn được coi là hơn năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Tiền gửi của khách hàng; Phát hành giấy tờ có giá và các khoản nợ khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định và tài sản Có khác được xác định dựa vào thời gian thu hồi ước tính của các tài sản.

**e. Quản lý rủi ro cam kết ngoại bảng**

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng (cân đối kế toán) phát sinh chủ yếu từ các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng thương mại (L/C).

Rủi ro phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng là rủi ro tín dụng trong trường hợp VietBank phải trả thay cho khách hàng phát sinh khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ đã cam kết.



Để giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động này, VietBank đã ban hành quy trình nghiệp vụ và tiến hành thẩm định cẩn thận khách hàng.

Khách hàng khi được cấp L/C phải đáp ứng các yếu tố sau:

- Có năng lực tài chính, kinh nghiệm, trình độ quản lý và uy tín hoạt động trong ngành nghề, có đối tác nước ngoài là các đối tác quen thuộc, có thị trường tiêu thụ trong nước ổn định, có quan hệ uy tín với VietBank trong nhiều lĩnh vực hoạt động;
- Phương án kinh doanh khả thi;
- Tỷ lệ ký quỹ an toàn;
- Mặt hàng chuyên doanh phải dễ dàng tiêu thụ trên thị trường;
- Vay thanh toán L/C có tài sản bảo đảm.

#### **f. Quản lý rủi ro luật pháp**

Các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính, được giám sát bởi các quy định nghiêm ngặt tại Việt Nam, bao gồm cả các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khuôn khổ pháp lý và pháp luật đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển theo sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng, các cơ quan Nhà nước tại Việt Nam, bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), đang ngày càng đưa ra những tiêu chuẩn cao hơn, kèm theo các hướng dẫn và yêu cầu quản lý để kiểm soát tốt hơn các thay đổi tự nhiên của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị rủi ro.

Cụ thể, NHNN đã ban hành Thông tư mới số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 về việc quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 01"), thay thế cho Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 33/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, Thông tư 01 đã quy định một cách rõ ràng hơn các quy định về phát hành giấy tờ có giá trong nước của các tổ chức tín dụng, cũng như xoá bỏ đi một số hạn chế của các văn bản trước đó, nhằm mục tiêu phát triển thị trường giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng nói riêng cũng như thị trường trái phiếu, thị trường giấy tờ có giá ở Việt Nam nói chung.

Bên cạnh đó, không có yêu cầu cụ thể nào về lãi suất của các Trái Phiếu. Thông tư 01 quy định rằng, lãi suất Trái Phiếu được xác định bởi Tổ Chức Phát Hành và phải "phù hợp với thị trường và các quy định liên quan về lãi suất được công bố bởi NHNN trong từng thời kỳ". Trong thời hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải điều chỉnh lãi suất cho phù hợp với mức lãi suất được quy định bởi NHNN trong từng thời kỳ. Tại thời điểm này, NHNN không quy định các hạn chế về lãi suất của các giấy tờ có giá dài hạn do các tổ chức tín dụng phát hành theo Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17 tháng 03 năm 2014 quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi VND của các đơn vị, cá nhân tại tổ chức tín dụng có hiệu lực từ ngày 18 tháng 03 năm 2014 và Quyết định số 2173/QĐ-NHNN về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014.

Trong thời gian cuối năm 2020 và đầu năm 2021, Chính phủ và Bộ Tài chính cũng đã ban hành một số các Nghị Định mới về hướng dẫn chi tiết Luật chứng khoán 2019 ("Hiệu lực ngày 01/01/2021"), trong đó có liên quan đến thị trường Trái phiếu doanh nghiệp. Trong đó, liên quan đến chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước, Chính phủ đã ban hành Nghị định 153/2020/NĐ-CP ("Nghị định 153") ngày 31/12/2020. Nghị định 153 đã giới hạn lại đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không chuyển đổi không kèm chứng quyền chỉ bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Văn bản cũng giới hạn việc chỉ cho phép giao dịch trái phiếu giữa các nhà đầu tư chuyên nghiệp



sẽ tạo ra rào cản đối với các đối tượng có nhu cầu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và theo đó tạo ra động lực cho quá trình "chuyên nghiệp hóa" và chọn lọc đối tượng nhà đầu tư trên thị trường. Đây tiếp tục được xem là biện pháp nhất quán của nhà lập pháp nhằm thiết lập sự phát triển bền vững của thị trường TPDN.

Tuy nhiên, không có gì đảm bảo rằng, những quy định và chính sách nêu trên sẽ không phát triển theo cách sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính cũng như kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

#### ***g. Quản lý rủi ro hoạt động***

Là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VietBank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm Rủi ro danh tiếng và Rủi ro chiến lược.

Ngày 30/01/2019, Hội đồng Quản trị đã ban hành Chính sách quản lý rủi ro (trong đó có chính sách quản lý rủi ro hoạt động). Đầu năm 2020 VietBank đã tổ chức rà soát lại Chính sách quản lý rủi ro, và đã có sự điều chỉnh Chính sách phù hợp với thực tế của VietBank. VietBank đã và đang triển khai các chính sách quản lý rủi ro hoạt động.

- VietBank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro trong đó có khẩu vị rủi ro hoạt động: định kỳ hàng tháng các sự cố có tổn thất sẽ được theo dõi, đôn đốc việc thu hồi để đảm bảo việc giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro hoạt động.
- Đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động: VietBank tiếp tục triển khai việc đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động, cụ thể:
  - Định kỳ hàng tháng thu thập sự cố trên toàn hàng;
  - Sử dụng kết quả của KTNB, kết giám sát từ xa để phân tích các điểm rủi ro xảy ra thường xuyên, từ đó phân tích các chốt kiểm soát và đề xuất kiến nghị gửi cho các đơn vị liên quan nhằm hạn chế các rủi ro tương tự có thể xảy ra ở tương lai. Đồng thời VietBank cũng ban hành các văn bản cảnh báo, nhắc nhở toàn hàng;
  - Đối với các sự cố có tính rủi ro cao, hoặc có tổn thất nghiêm trọng xảy ra, VietBank có đơn vị điều tra, làm rõ nguyên nhân, có báo cáo, có giải pháp và xử lý kỷ luật đối với các nhân có liên quan gửi Ban Lãnh đạo;
  - Tất cả các quy định, quy trình, sản phẩm tại VietBank đều phải được đánh giá rủi ro trong vận hành, rủi ro pháp lý trước khi ban hành, đối với những nội dung chưa phù hợp, chưa có chốt chặn kiểm soát phù hợp sẽ được sửa đổi phù hợp.
- Chuyển giao rủi ro bằng biện pháp mua bảo hiểm:

Để chuyển giao rủi ro đối với một số trường hợp bất khả kháng, các rủi ro có nguyên nhân từ phía bên ngoài như trộm cắp, cháy nổ..., VietBank đã tiến hành mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản trên toàn hệ thống (xe Ôtô, TSCĐ hữu hình, các công cụ lao động, kho quỹ, tiền vận chuyển trên đường, bảo hiểm cháy nổ tòa nhà theo quy định của luật Phòng cháy chữa cháy).

- Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục:

Để đảm bảo biện pháp dự phòng giảm thiểu rủi ro và ứng phó với thảm họa, VietBank đã ban quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh liên tục trong điều kiện khủng hoảng như xây dựng kế hoạch đảm bảo liên tục của hệ thống CNTT, quy định về sao lưu, phục hồi dữ liệu dự phòng; xây dựng kịch bản và kế hoạch cho các trường hợp trộm cướp và các sự cố cháy nổ; khủng hoảng truyền thông; khủng hoảng trong thanh khoản.

Trong 06 tháng đầu năm 2020, nhằm đối phó với tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, VietBank đã thành lập Ban chỉ đạo xử lý khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 – trong đó chủ tịch HĐQT làm chủ tịch Ban chỉ đạo, VietBank đã xây dựng phương án ứng phó khi trụ sở đơn vị bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh



Covid-19, theo đó tất cả các Khối/Trung tâm/phòng nghiệp vụ Hội sở đã tách một phần nhân sự sang làm việc tại địa điểm dự phòng, làm việc online, chuẩn bị các kịch bản xấu đối với Hội sở/TTKD, có các phương án dự phòng cho các kịch bản xấu nếu Hội sở bị ảnh hưởng hoặc TTKD bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

- Tính vốn cho rủi ro hoạt động:

VietBank tính toán vốn cho rủi ro hoạt động theo quy định thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 – quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

#### ***h. Quản lý rủi ro phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB)***

VietBank đảm bảo tuân thủ đầy đủ, hiệu quả quy định của pháp luật, NHNN, đạo luật FATCA, về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

VietBank xây dựng mô hình PCRT/TTKB theo cấu trúc 03 lớp phòng thủ, bao gồm: Tổ PCRT tác nghiệp trực tiếp tại từng TTKD với sự hỗ trợ, quản lý, giám sát của Bộ phận PCRT tại Hội Sở và sự định hướng, chỉ đạo từ Ban PCRT đại diện Ban Điều hành. Quy định nội bộ về PCRT/TTKB luôn được thường xuyên cập nhật, theo sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cảnh báo từ NHNN và là "kim chỉ nam" cho toàn thể CBNV tuân thủ theo. Nắm bắt được xu hướng thời đại công nghệ số, bên cạnh việc không ngừng xây dựng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại, gia tăng tiện ích hơn đến khách hàng, VietBank cũng không ngừng cải tiến nền tảng công nghệ thông tin hiện đại đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro an ninh mạng, bảo mật thông tin đặc biệt là rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố. Hệ thống rà soát và định danh thông tin khách hàng/ giao dịch được phát triển theo hướng tự động hóa hoàn toàn với nguồn danh sách cảnh báo, hạn chế giao dịch toàn diện World-Check List được liên tục cập nhật từ đối tác Refinitiv – sở hữu nền tảng từ một trong những nhà cung cấp lớn nhất thế giới về dữ liệu và cơ sở hạ tầng của thị trường tài chính Thomson Reuters. Hệ thống giám sát và báo cáo giao dịch không ngừng được cải thiện, tối ưu. Việc đào tạo nghiệp vụ PCRT/TTKB được nghiêm túc triển khai hàng năm từ nền tảng trực tuyến cho đến đào tạo tại chỗ trên toàn hệ thống nhằm cập nhật những kiến thức mới nhất đi kèm các tình huống minh họa thực tiễn giúp nâng cao nhận thức, hiểu biết và tính tự giác tuân thủ của CBNV.

#### ***i. Quản lý rủi ro chuẩn mực nghề nghiệp và gian lận nội bộ***

Với mong muốn xây dựng văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, chống gian lận nội bộ, VietBank đã xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Chuẩn mực này dựa trên nguyên lý đạo đức cơ bản nhằm mục đích hướng dẫn cán bộ nhân viên và các cấp quản lý áp dụng trong các giao tiếp hàng ngày, góp phần tạo nên những giá trị văn hóa đặc trưng của VietBank. Chuẩn mực này yêu cầu tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên và trách nhiệm báo cáo đối với các hành vi vi phạm có khả năng ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín, lợi ích của VietBank và khách hàng thông qua các kênh hotline của ngân hàng.

VietBank xây dựng và ban hành Nội quy lao động, cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp công khai trên toàn hệ thống

VietBank ban hành bộ tiêu chí rủi ro trong tác nghiệp, có ghi nhận đánh giá rủi ro cho CBNV để áp dụng trong trường hợp điều chuyển, tái bổ nhiệm, hoặc tăng tiến trong công việc.

#### ***j. Quản lý rủi ro hệ thống CNTT***

VietBank đã phối hợp với Finastra để xây dựng hệ thống Core banking và các hệ thống ngân hàng chuyên dụng khác (hay còn gọi The Transformer – VietBank Prime) hoàn toàn mới với đầy đủ các chức năng. Finastra là công ty hàng đầu thế giới về công nghệ đã triển khai thành công các dự án Core cho rất nhiều ngân hàng lớn trên thế giới. Ngày 16/09/2019, VietBank công bố chính thức vận hành hệ thống Core banking và các hệ thống hiện đại như thanh toán quốc tế, nguồn vốn. VietBank luôn chủ động thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh, an toàn hệ thống và đồng thời triển khai nhiều giải pháp



kiểm soát rủi ro như sau:

- Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh, bảo mật mọi thông tin, giao dịch của khách hàng, phòng ngừa rủi ro khi cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử cho khách hàng;
- Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách, thông qua các khóa học do NHNN, Cục CNTT hay các đối tác tổ chức;
- Thường xuyên theo dõi cập nhật các sự kiện an toàn thông tin trên toàn thế giới, trong nước để có các hành động kịp thời;
- Thường xuyên cập nhật các bản và lỗi theo khuyến nghị của các nhà cung cấp giải pháp phần cứng và phần mềm;
- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống giám sát các sự kiện bảo mật trong hệ thống CNTT VietBank để giám sát tập trung các hệ thống bảo mật riêng lẻ nhằm phát hiện sớm nguy cơ để ngăn chặn kịp thời;
- Đánh giá bảo mật tất cả các hệ thống, dịch vụ ngân hàng điện tử và các hệ thống trọng yếu trước khi cung cấp cho khách hàng;
- Triển khai các giải pháp bảo đảm sẵn sàng của hệ thống CNTT, đồng thời diễn tập chuyển hệ thống chính tại trung tâm dữ liệu chính sang hệ thống dự phòng tại trung tâm dữ liệu dự phòng để đảm bảo hệ thống sẵn sàng hoạt động khi có thảm họa tại trung tâm dữ liệu chính;
- Triển khai, tuân thủ và áp dụng các tiêu chuẩn chương trình an ninh khách hàng (CSP) cho hệ thống SWIFT; hàng năm renew chứng chỉ về chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ thanh toán (PCIDSS) cho hệ thống thẻ;
- Cung cấp cho khách hàng các giải pháp xác thực giao dịch điện tử an toàn và hiện đại;
- Nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp nhằm chủ động phát hiện các giao dịch có dấu hiệu gian lận;
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho toàn Ngân hàng;
- Thường xuyên cảnh báo khách hàng về những rủi ro bảo mật trong các dịch vụ của Ngân hàng.

### 8.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Ý thức rằng QLRR đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một ngân hàng thương mại, VietBank đã xây dựng chính sách và hệ thống QLRR dựa trên các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ trong quá trình hoạt động của Ngân hàng.
- Đảm bảo hài hòa mục tiêu QLRR với mục tiêu phát triển kinh doanh về trung, dài hạn.
- Thực hiện quản lý rủi ro theo hướng tập trung (tập trung về Hội sở chính) và theo hướng thống nhất (trong toàn hệ thống, kể cả tại Hội sở chính và các đơn vị kinh doanh).
- Phân tán rủi ro, đa dạng hóa trong phân bổ nguồn lực, đầu tư vào các tài sản có rủi ro.
- Tiến tới mục tiêu là mọi loại rủi ro đều phải được đo lường thông qua các mô hình, công cụ đánh giá, kiểm chứng tính phù hợp và xác thực.
- Các khoản dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ theo quy định của NHNN và chính sách QLRR của VietBank.

Tương ứng với các nguyên tắc nêu trên, hệ thống QLRR của Ngân hàng đã được tổ chức với ba phòng tuyến để phòng thủ và kiểm soát rủi ro:

- Phòng tuyến thứ nhất là các đơn vị phát sinh rủi ro như các đơn vị kinh doanh (Các Trung tâm Kinh doanh, Khối thị trường Tài chính, Khối vận hành), các cá nhân là Chuyên viên khách hàng có nhiệm vụ xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác.
- Phòng tuyến thứ hai là các đơn vị phụ trách về quản lý rủi ro, bao gồm UBQLRR, Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng thuộc HĐQT; Ủy ban ALCO, Ban Tín dụng, Khối QLRR thuộc Ban Điều hành.



- Phòng tuyến thứ ba là Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ hoạt động độc lập với Ban Điều hành.

Từ đây, bộ máy tổ chức và nhân sự QLRR của Ngân hàng đã được cơ cấu như sau: HĐQT, UBQLRR, Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng, Tổng Giám đốc, ALCO, Ban Tín dụng, Khối QLRR và Trường các Đơn vị kinh doanh, Khối/Trung tâm/Phòng/Ban tại Hội sở. Trách nhiệm và quyền hạn của từng thành phần trong bộ máy này, được quy định cụ thể trong Chính sách và các quy định nội bộ của VietBank.

Mặt khác, cũng để đáp ứng các yêu cầu QLRR nêu trên, Ngân hàng đã thiết lập một hệ thống các giới hạn kiểm soát rủi ro, thể hiện bằng các chỉ số, hạn mức cụ thể, đối với từng loại rủi ro (bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động); từng loại hoạt động kinh doanh; từng Đơn vị kinh doanh; cũng như đối với từng cá nhân tham gia vào các giao dịch có khả năng phát sinh rủi ro. Hệ thống các giới hạn kiểm soát rủi ro này, theo định kỳ, ít nhất 01 lần/năm hoặc các trường hợp đột xuất khi cần thiết, được Tổng Giám đốc chỉ đạo việc xây dựng để trình HĐQT phê duyệt.

Bên cạnh đó Ngân hàng cũng đã xây dựng hệ thống văn bản nội bộ và hệ thống thông tin quản lý về QLRR, nhằm mục đích để thông tin đầy đủ, kịp thời trong nội bộ, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu liên quan đến công tác QLRR của Ngân hàng.

## **8.4. Thị trường hoạt động**

### **8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện**

Trải qua 14 năm xây dựng và phát triển, hiện tại VietBank đã phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng với địa hình kinh doanh và mạng lưới hoạt động được phân bố khắp cả nước. Cụ thể tại ngày 31/03/2022, Ngân hàng có:

- **01 Trụ sở chính:** 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam;
- **01 Văn phòng đại diện:** 62A Cách Mạng Tháng 8, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh;
- **25 Chi nhánh:** trải dài trên khắp các tỉnh thành phố;
- **93 Phòng Giao dịch;**
- **01 Công ty con.**

**Bảng 30. Số lượng Chi nhánh/Phòng giao dịch VietBank**

<b>STT</b>	<b>Chi nhánh/PGD</b>	<b>Vị trí địa lý</b>
1.	<b>VIETBANK CN Sóc Trăng</b>	47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
2.	VIETBANK Sóc Trăng - PGD Ngô Gia Tự	107-109 Ngô Gia Tự, Phường 6, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
3.	VIETBANK Sóc Trăng - PGD Kế Sách	35 Phan Văn Hùng, ấp An Ninh 1, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
4.	VIETBANK Sóc Trăng - PGD Mỹ Tú	84D Hùng Vương, ấp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.
5.	<b>VIETBANK CN TP.HCM</b>	Một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt và một phần tầng lửng tòa nhà số 62A CMT8, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM
6.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Cao Thắng	90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, Tp.HCM



STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
7.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Trần Quang Khải	188C Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, TPHCM.
8.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Khánh Hội	225 Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, Tp.HCM
9.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Bình Đăng	246-248 Liên Tính 5, phường 6, quận 8, TP Hồ Chí Minh
10.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Thị Thập	360A/5 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM
11.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Phú Mỹ Hưng	001 Khu phố Mỹ Hoàng – H5, Khu A, TT-ĐTMM-NTP, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
12.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Tri Phương	335-337 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, Tp.HCM
13.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Lý Thường Kiệt	428-430 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp.HCM
14.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Thái Sơn	107 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Tp.HCM (Do thay đổi số nhà theo QĐ của UBND Gò Vấp)
15.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Sơn	304 Nguyễn Sơn, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM
16.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Bình Chánh	A11/5-A11/6 QL1A, Ấp 1, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM
17.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Duy Trinh	538 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, TP Thủ Đức, TPHCM
18.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Trần Nãi	129 Trần Nãi, Phường An Khánh, TP Thủ Đức, Tp.HCM
19.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Tất Thành	11A Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM
20.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Huỳnh Tấn Phát	698 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM
21.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Võ Văn Ngân	118 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, TP Thủ Đức, Tp.HCM
22.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Hàng Xanh	171 Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
23.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD	635 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
	Quang Trung	
24.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Lê Trọng Tấn	143 -145 Lê Trọng Tấn và Số 78 Sơn Kỳ , Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Tp.HCM
25.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Củ Chi	880 Quốc lộ 22, KP8, TT Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM
26.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Phố Quang	Khu GM – Số 119K Dự án Golden Mansion, số 119 Đường Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
27.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Cộng Hòa	135 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp.HCM
28.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Nơ Trang Long	151 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
29.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Tân Phú	414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
30.	VIETBANK TP. Hồ Chí Minh - PGD Điện Biên Phủ	406 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
<b>31.</b>	<b>VIETBANK CN Sài Gòn</b>	<b>11A-11B Hùng Vương, Phường 4, Quận 5, Tp.HCM</b>
32.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Bình Tân	70-72 đường số 17A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Tp.HCM
33.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Trần Hưng Đạo	874-876 Trần Hưng Đạo, Phường 7, Quận 5, Tp.HCM
34.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Âu Cơ	528 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
35.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Bàu Cát	96-98-100 Bàu Cát, Phường 25, Quận Tân Bình, Tp.HCM
36.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Lũy Bán Bích	Một phần phía trước căn nhà số 883 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.HCM
<b>37.</b>	<b>VIETBANK CN Chợ Lớn</b>	<b>36 - 38 Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, TPHCM.</b>
38.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Bình Trị Đông	153 Đường số 7, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Tp.HCM
39.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Chánh Hưng	318 Bis Phạm Hùng, Phường 5, Quận 8, Tp.HCM
40.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Lê Đại Hành	109-111 Lê Đại Hành, Phường 6, Quận 11, Tp.HCM



STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
41.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Chương Dương	520 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp.HCM
42.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Hóc Môn	324 đường Lê Thị Hà, Ấp Chánh 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP HCM
<b>42.</b>	<b>VIETBANK CN Tây Sài Gòn</b>	<b>Một phần tầng 1 và một phần tầng 2 số 346-348-350 Hoàng Văn Thụ, P. 4, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh</b>
44.	VIETBANK Tây Sài Gòn - PGD Nguyễn Ảnh Thủ	Một phần phía trước 10C/A Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp.HCM
45.	VIETBANK Tây Sài Gòn - PGD Lê Văn Khương	72 Lê Văn Khương, Phường Thới An, Quận 12, Tp.HCM
<b>46.</b>	<b>VIETBANK CN Bắc Sài Gòn</b>	<b>299 Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, quận Tân Bình, TPHCM</b>
47.	VIETBANK Bắc Sài Gòn - PGD Lê Văn Việt	197 Lê Văn Việt, khu phố 4, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
48.	VIETBANK Bắc Sài Gòn - PGD Đinh Tiên Hoàng	Tầng trệt, lửng và lầu 1 số 96 Đinh Tiên Hoàng, Phường 1, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
49.	VIETBANK Bắc Sài Gòn - PGD Đỗ Xuân Hợp	519 Đỗ Xuân Hợp, KP6, Phường Phước Long, TP Thủ Đức, TPHCM
<b>50.</b>	<b>VIETBANK CN Hà Nội</b>	<b>70-72 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội</b>
51.	VIETBANK Hà Nội - PGD Gia Lâm	01SH15 ô đất B2-CT04, tòa nhà L26M (S2.18) Dự án Khu Đô Thị Gia Lâm - Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Tp.Hà Nội
52.	VIETBANK Hà Nội - PGD Mỹ Đình	Số B1-08A Khu chức năng đô thị Thành Phố Xanh, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
53.	VIETBANK Hà Nội - PGD Đội Cấn	279B-279C Đội Cấn, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, TP Hà Nội
54.	VIETBANK Hà Nội - PGD Quán Thánh	62 Quán Thánh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội
55.	VIETBANK Hà Nội - PGD Bắc Từ Liêm	39 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TPHCM
56.	VIETBANK Hà Nội - PGD Thanh Xuân	Số 160 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
57.	VIETBANK Hà Nội - PGD Láng Hạ	35 phố Yên Lãng, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Tp.Hà

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
		Nội
58.	VIETBANK Hà Nội - PGD Khâm Thiên	280 Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội
59.	VIETBANK Hà Nội - PGD Lê Thanh Nghị	56 Lê Thanh Nghị, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
60.	VIETBANK Hà Nội - PGD Lò Đúc	110 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
61.	VIETBANK Hà Nội - PGD Lạc Trung	53 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
62.	VIETBANK Hà Nội - PGD Tố Hữu	Một phần tầng 1, tòa CT2, Tòa nhà Bắc Hà C14, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
63.	VIETBANK Hà Nội - PGD Trung Hòa	Số 3 lô 11B Khu đô thị mới Trung Yên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
64.	VIETBANK Hà Nội - PGD Nguyễn Khánh Toàn	48 Nguyễn Khánh Toàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
65.	VIETBANK Hà Nội - PGD Tây Hồ	Số LKC08, Dự Án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
66.	VIETBANK Hà Nội - PGD Đền Lừ	58 Lô 7 Đền Lừ, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
67.	VIETBANK Hà Nội - PGD Hoàng Mai (Kim Đồng cũ)	Ô đất số 11 Dãy B, Lô TT3 Dự Án Khu ĐTM Tây Nam Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
68.	VIETBANK Hà Nội - PGD Nguyễn Văn Cừ	97 Hồng Tiến, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP.Hà Nội
69.	VIETBANK Hà Nội - PGD Hà Đông	SH-16,SH-19,SH-20 thuộc CC cao cấp H-CT2, ô đất H-CT2, khu căn hộ ở Hi Brand, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội.
<b>70.</b>	<b>VIETBANK CN Hải Phòng</b>	<b>05 Lý Tự Trọng, P.Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng</b>
71.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Trần Nguyên Hãn	268B Trần Nguyên Hãn, P.Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Tp.Hải Phòng
72.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Bạch Đằng	199 Bạch Đằng, P.Thượng Lý, Q.Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
73.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Ngô Quyền	25 Đà Nẵng, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng



STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
74.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Lê Hồng Phong	05 Lô 22B Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng
75.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Lê Chân	309-311 đường Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, TP Hải Phòng.
<b>76.</b>	<b>VIETBANK CN Nghệ An</b>	<b>Tòa nhà Trung Đức, số 2 đường Lê Lợi, phường Hưng Bình, TP Vinh, tỉnh Nghệ An</b>
77.	VIETBANK Nghệ An - PGD Nguyễn Du	176 Nguyễn Du, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
78.	VIETBANK Nghệ An - PGD Lê Nin	Tầng 1 nhà chung cư A4 thuộc dự án chung cư phía Đông Đại lộ V.I Lê Nin, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
79.	VIETBANK Nghệ An - PGD Chợ Vinh	95 Thái Phiên, Khối 3, Phường Hồng Sơn, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An
80.	VIETBANK Nghệ An - PGD Hưng Dũng	85 Nguyễn Phong Sắc, P Hưng Dũng, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An
<b>81.</b>	<b>VIETBANK CN Quảng Ngãi</b>	<b>473-475 Quang Trung, Phường Nguyễn Nghiêm, Tp.Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi</b>
82.	VIETBANK Quảng Ngãi - PGD Tư Nghĩa	Tổ dân phố 3, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
83.	VIETBANK Quảng Ngãi - PGD Mộ Đức	Khu dân cư 15, thôn Trạch Trụ Tây, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
84.	VIETBANK Quảng Ngãi - PGD Bình Sơn	450 Phạm Văn Đồng, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
<b>85.</b>	<b>VIETBANK CN Đà Nẵng</b>	<b>119-121 Nguyễn Văn Linh, Phường Nam Dương, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng</b>
86.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Thanh Khê	265 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
87.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Tân Chính	346 Lê Duẩn, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
88.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Hùng Vương	158 Hùng Vương, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
89.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Chợ Mới	482 Hoàng Diệu, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, Tp Đà Nẵng.
90.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Đồng	265 Đồng Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp.Đà

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
	Đa	Năng
91.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Sơn Trà	885 Ngô Quyền, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng
92.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Cẩm Lệ	221 Ông Ích Đường, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Tp.Đà Nẵng
<b>93.</b>	<b>VIETBANK CN Khánh Hòa</b>	<b>24 Yersin, Phường Vạn Thắng, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa</b>
94.	VIETBANK Khánh Hòa - PGD Vĩnh Phước	Số 530 Đường 2 tháng 4, Phường Vĩnh Phước, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
95.	VIETBANK Khánh Hòa - PGD Ninh Hòa	274 Trần Quý Cáp, phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa - Tỉnh Khánh Hòa
96.	VIETBANK Khánh Hòa - PGD Vạn Ninh	18 Nguyễn Huệ, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
<b>97.</b>	<b>VIETBANK CN Bà Rịa Vũng Tàu</b>	<b>93 Nguyễn Thái Học, Phường 3, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</b>
98.	VIETBANK Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Đông Xuyên	502-504 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
99.	VIETBANK Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Bà Rịa	42 Bạch Đằng, phường Phước Trung, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
100.	VIETBANK Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Châu Đức	214 Hùng Vương, TT Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
<b>101.</b>	<b>VIETBANK CN Cần Thơ</b>	<b>26-28 Hòa Bình, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ</b>
102.	VIETBANK Cần Thơ - PGD An Hòa	181 Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
103.	VIETBANK Cần Thơ - PGD Ninh Kiều	84 Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
104.	VIETBANK Cần Thơ - PGD Bình Thủy	202 Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.
<b>105.</b>	<b>VIETBANK CN Long An</b>	<b>292-294-296 Hùng Vương, Phường 3, Tp.Tân An, Tỉnh Long An</b>
106.	VIETBANK Long An - PGD Bến Lức	54A Nguyễn Hữu Thọ, khu phố 3, TT Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.



STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
107.	VIETBANK Long An - PGD Cần Giuộc	101 Quốc lộ 50, tổ 14, khu phố 2, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
108.	VIETBANK Long An - PGD Đức Hòa	735 tỉnh lộ 825, tổ 1, ấp Bình Tiên 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
109.	<b>VIETBANK CN Đắk Lắk</b>	160-162-164 Lê Hồng Phong, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
110.	<b>VIETBANK CN Đồng Nai</b>	381 Phạm Văn Thuận, khu phố 4, phường Tam Hiệp, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
111.	<b>VIETBANK CN Bình Dương</b>	376 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
112.	<b>VIETBANK CN An Giang</b>	95 Nguyễn Trãi, phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
113.	<b>VIETBANK CN Vĩnh Phúc</b>	289 Mê Linh, phường Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
114.	<b>VIETBANK CN Đồng Tháp</b>	12 Âu Cơ, P2, TP Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
115.	<b>VIETBANK CN Quảng Ninh</b>	131 Đường 25/4, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
116.	<b>VIETBANK CN Quảng Nam</b>	592 Hai Bà Trưng, P Cẩm Phố, TP Hội An, Quảng Nam
117.	<b>VIETBANK CN Kiên Giang</b>	164-166-168 Trần Phú, P. Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
118.	<b>VIETBANK CN Bình Định</b>	112 Trần Phú, P. Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

#### 8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

##### a. Mạng lưới khách hàng

VietBank có mạng lưới Khách hàng đa dạng từ Khách hàng Doanh nghiệp đến Cá nhân. Cùng với việc phát triển mạnh mẽ các sản phẩm dịch vụ mới dành cho các Khách hàng Cá nhân và Doanh nghiệp, số lượng Khách hàng của VietBank tăng lên nhanh chóng. Trong danh mục Khách hàng chính hiện nay của Ngân hàng bao gồm các cá nhân có tiềm lực tài chính rất tốt và các tổ chức là các Tổng công ty lớn.

Với mục tiêu trở thành một ngân hàng đa năng cho các nhóm Khách hàng trọng tâm tại các vùng kinh tế phát triển của Việt Nam, VietBank xác định cho mình các thị trường mục tiêu bao gồm:

- Các Cá nhân, gia đình: Là những người có thu nhập ổn định tại các khu vực thành thị và vùng kinh tế phát triển.
- Các Doanh nghiệp: Là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động hiệu quả, minh bạch tài chính.
- Các Khách hàng định chế: các tổ chức tài chính trên khắp cả nước.

##### b. Các loại dịch vụ cho khách hàng

- ♦ Khách hàng cá nhân:

### i. Ngân hàng số

Dịch vụ ngân hàng số của VietBank giúp khách hàng tiết kiệm thời gian, hỗ trợ dễ dàng thực hiện các giao dịch 24/24 tại bất kỳ địa điểm có thiết bị kết nối Internet.

- Mobile VietBank Digital: Ứng dụng Mobile banking dành cho Khách hàng cá nhân. Ứng dụng được sử dụng trên các thiết bị sử dụng hệ điều hành iOS và Android có Mobile VietBank Digital cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính ngân hàng nhanh chóng, an toàn, bảo mật như: Thông tin tài khoản; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; Chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán QR code (QRPay); Thanh toán hóa đơn dịch vụ (điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...); Nạp tiền điện thoại (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...); Đặt vé máy bay, tàu xe.
- Internet Banking: Dịch vụ cung cấp cho KHCCN thông qua máy tính kết nối Internet như: Thông tin tài khoản; Sao kê, lịch sử giao dịch; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán hóa đơn dịch vụ (Điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...); Nạp tiền điện thoại (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...).
- SMS Banking: Thông báo biến động số dư tài khoản qua tin nhắn SMS, cập nhật tức thì, hỗ trợ khách hàng quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi.
- Ứng dụng công nghệ vào định danh Khách hàng trực tuyến (eKYC): VietBank đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (OCR, Face matching, Liveness detection) vào định danh Khách hàng trực tuyến thay thế cho các thủ tục tại quầy giao dịch: Phát hành thẻ trực tuyến, Mở tài khoản trực tuyến, ...

### ii. Tiền gửi

Các sản phẩm tiền gửi của VietBank bao gồm:

- Sản phẩm "Tiết kiệm truyền thống": Có nhiều kỳ hạn, và kỳ linh lãi (lãi tháng, lãi quý, lãi cuối kỳ, lãi trước) để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- Sản phẩm "Tiết kiệm Linh hoạt vốn": giúp khách hàng linh hoạt sử dụng vốn khi khách hàng phát sinh nhu cầu sử dụng vốn. Phần rút trước hạn hưởng lãi không kỳ hạn, phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi có kỳ hạn.
- Sản phẩm "Tiết kiệm online": Giải pháp giúp những Khách hàng bận rộn không có thời gian đến giao dịch trực tiếp tại Ngân hàng. Ngoài ra khi tham gia tiết kiệm Online, Khách hàng còn được hưởng thêm Lãi suất tại các kỳ hạn cao hơn truyền thống hiện tại.
- Sản phẩm "Tiết kiệm quyền chọn": Khách hàng chủ động chọn chính xác ngày đến hạn mà khách hàng mong muốn và được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- Sản phẩm "Đa tiện ích" (VND): Sản phẩm trung dài hạn nhiều tiện ích và có nhiều ưu đãi như: giảm 50% phí thanh toán quốc tế, phí giao dịch tại quầy, phí giao dịch qua Ngân hàng điện tử, ưu đãi vay...
- Sản phẩm tiết kiệm Đa Lộc (VND): Sản phẩm trung dài hạn có nhiều tiện ích và ưu đãi, KH được linh hoạt rút trước 1 phần vốn gốc và phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- Sản phẩm tiết kiệm "Linh lãi trước": Là sản phẩm có kỳ hạn gửi từ 1-13 tháng. Khách hàng được nhận tiền lãi ngay khi gửi với mức lãi suất ưu đãi.

### iii. Thẻ

Hiện nay VietBank đã cung cấp đa dạng các sản phẩm thẻ nội địa và quốc tế cho Khách hàng cá nhân, gồm:

- Thẻ tín dụng quốc tế Visa: My Style (Hạng chuẩn), Luxury (Hạng Platinum) với hạn mức tín dụng



linh hoạt cho khách hàng lựa chọn từ 5 triệu đồng đến 1 tỷ, với các hình thức cấp hạn mức tín dụng tín chấp hoặc thế chấp Tài sản đảm bảo. Thẻ tín dụng Visa VietBank là công cụ hỗ trợ khách hàng thanh toán, rút tiền, thanh toán trực tuyến (E-com) trên mạng lưới VISA toàn cầu.

- Thẻ thanh toán nội địa VietBank: Là thẻ ghi nợ nội địa cho phép Khách hàng sử dụng Tài khoản thanh toán tại VietBank, thông qua Thẻ để thực hiện rút tiền, thanh toán, vãn tin số dư, sao kê tài khoản, ... trên mạng lưới ATM/POS VietBank và tất cả các ngân hàng trong NAPAS.
- Thẻ trả trước quốc tế Visa: VietBank phát hành thẻ trả trước quốc tế Visa mà không cần Khách hàng phải mở Tài khoản thanh toán tại VietBank. Khách hàng nạp tiền vào thẻ (Top-up) và thực hiện thanh toán, rút tiền trên số dư thẻ trả trước một cách thuận tiện.
- Thẻ thanh toán giao thông công cộng: VietBank ứng dụng phát hành Thẻ trả trước sử dụng cho việc thanh toán thí điểm phí giao thông công cộng (vé xe Bus) tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Khách hàng vẫn có thể dùng thẻ để thực hiện các giao dịch tài chính như thẻ ngân hàng.
- Mạng lưới chấp nhận thanh toán Thẻ của VietBank hiện đã có 25 máy ATM, 300 máy POS và đang được mở rộng nhanh chóng trên toàn quốc.

Việc đầu tư cho an toàn, bảo mật thông tin cũng được VietBank chú trọng. VietBank hiện là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Vietnam đáp ứng tiêu chuẩn thanh toán thông minh qua công nghệ Chip Contactless (Chip không tiếp xúc) cả phát hành thẻ (100% thẻ VietBank phát hành đã sử dụng công nghệ Chip contactless) và chấp nhận thanh toán thẻ (ATM/POS) của Tổ chức thẻ quốc tế Visa. VietBank đã được Tổ chức Control Case cấp chứng chỉ đảm bảo an toàn trong thanh toán thẻ PCI - DSS Level 1 (3.2.1) ở cấp độ cao nhất.

#### iv. Cho vay

Các sản phẩm cho vay đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, đặc biệt đối với KHCN.

- Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: VietBank cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; gói sản phẩm cho vay du học; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao, ...
- Cho vay Sản xuất kinh doanh: Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng: Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD, ...

#### v. Bảo hiểm

- Bảo hiểm phi nhân thọ: VietBank đang liên kết với nhiều công ty Bảo hiểm phi nhân thọ nhằm cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hấp dẫn, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu của của KHCN (bảo hiểm Bảo Việt, bảo hiểm Hàng Không, bảo hiểm Bảo Long, bảo hiểm Bảo Minh Sài Gòn, bảo hiểm Petrolimex, bảo hiểm Toàn Cầu, bảo hiểm Bưu Điện). Các sản phẩm bảo hiểm như: bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhà chung cư...
- Bảo hiểm nhân thọ: VietBank hợp tác với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential cung cấp các gói sản phẩm ưu việt, toàn diện (Pru - Cuộc sống bình an, Pru - Tương lai tươi sáng, Pru - An tâm trọn đời, Pru - Đầu tư linh hoạt). Danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của tất cả các Khách hàng để xây dựng các kế hoạch tài chính từ khi mới đi làm cho tới khi hưu trí như: các sản phẩm liên kết Đầu tư giúp khách hàng tạo dựng tài sản và đầu tư sinh lời hiệu quả, các sản phẩm bảo hiểm Giáo dục giúp tích lũy đảm bảo tương lai học vấn cho con, các sản phẩm Bảo vệ



giúp khách hàng an tâm trước những rủi ro trong cuộc sống, cùng với các sản phẩm đính kèm hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe nâng cao cho Khách hàng và cả gia đình. Đặc biệt, Khách hàng sẽ được ưu đãi lãi suất gửi tiết kiệm hoặc vay vốn khi tham gia bảo hiểm tại VietBank.

❖ Khách hàng doanh nghiệp:

**i. Tiền gửi**

VietBank cung cấp đa dạng dịch vụ tiền gửi phục vụ cho nhu cầu của KHDN:

- Sản phẩm Tiền gửi truyền thống: Có nhiều kỳ hạn và kỳ lĩnh lãi để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- Sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Online: Kỳ hạn gửi tiền linh hoạt, giao dịch mọi lúc, mọi nơi 24/7 Khách hàng không phải đến quầy giao dịch, không lo mất hoặc thất lạc Hợp đồng tiền gửi. Thao tác thực hiện giao dịch đơn giản, an toàn và bảo mật với phương thức xác thực thông minh Soft OTP.
- Tài khoản tiền gửi ký quỹ: Đáp ứng nhu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính của Doanh nghiệp đối với VietBank hoặc các bên liên quan hoặc hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh một cách nhanh chóng.
- Sản phẩm chi hộ lương: Khách hàng thực hiện chi hộ lương tại VietBank với nhiều ưu đãi hấp dẫn, giúp Khách hàng tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân sự quản lý.
- Dịch vụ Trung gian thanh toán: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao dịch mua bán/chuyển nhượng tài sản, hàng hóa, dịch vụ, ... Đảm bảo quyền lợi trong giao dịch mua bán/chuyển nhượng: Người bán/chuyển nhượng nhận đầy đủ tiền, Người mua/nhận chuyển nhượng thì nhận đủ tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
- Dịch vụ giao dịch qua Email: Doanh nghiệp đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch qua Email với VietBank. Với hạn mức giao dịch trên mỗi chứng từ tối đa 10 tỷ đồng và hạn mức giao dịch trong ngày tối đa 50 tỷ đồng. Thủ tục đơn giản Khách hàng chỉ cần scan chứng từ gốc gửi email đến VietBank để thực hiện giao dịch với địa chỉ email đã được đăng ký.

**ii. Tín dụng**

VietBank cam kết đem lại những giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt, đáp ứng tối ưu nhu cầu vốn ngắn hạn, trung dài hạn cũng như phát hành các loại bảo lãnh trong nước của doanh nghiệp như:

- Cho vay ngắn hạn: bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết, ...
- Cho vay trung dài hạn: đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới, ...
- Bảo lãnh trong nước: phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu, ... gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:
  - o Bảo lãnh dự thầu.
  - o Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
  - o Bảo lãnh thanh toán.
  - o Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
  - o Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.



- o Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.
- o Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng bảo đảm bằng tiền tạm ứng.
- Ngoài ra, để hỗ trợ Khách hàng Doanh Nghiệp VietBank cũng chủ động có những gói cho vay ưu đãi như sau: Chung tay cùng Doanh Nghiệp, Đồng hành cùng Doanh Nghiệp, Gắn kết Doanh Nghiệp Xuất nhập khẩu, ... để mở rộng tệp Khách Hàng cũng như phục vụ nhu cầu Khách Hàng tốt hơn.

### iii. Dịch vụ thanh toán

VietBank cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại của VietBank (Internet banking, Mobile banking, ...).

### iv. Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

VietBank luôn phát triển các sản phẩm Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Một số sản phẩm đặc thù bao gồm:

- Tài trợ L/C xuất khẩu: Tài trợ vốn lưu động ngắn hạn cho Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu vay vốn để thu mua, sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C.
- Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng: Tài trợ vốn lưu động thu mua hàng hóa, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất chế biến, đóng gói, vận chuyển, kho bãi và các chi phí khác nhằm phục vụ Khách hàng hoàn thành Hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với Nhà nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng xuất khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- Tài trợ nhập khẩu: Cấp tín dụng đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn cho các Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động phù hợp theo pháp luật và có hoạt động sản xuất, thương mại hàng hoá nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng nhập khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- UPAS L/C: L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay, cho phép người thụ hưởng nhận tiền ngay khi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C. Đáp ứng đồng thời nhu cầu được ngân hàng đảm bảo thanh toán trả ngay của nhà xuất khẩu và nhập khẩu trả chậm tiền hàng của khách hàng.

### v. Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh

Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: VietBank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cạnh tranh, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá.

- Giao dịch ngoại tệ giao ngay:  
Phục vụ nhu cầu của khách hàng trong việc: Mua bán ngoại tệ cho việc thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Các giao dịch mua, bán, chuyển, đem ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích du học, du lịch, công tác...
- Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn:  
Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc: Thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- Giao dịch ngoại tệ hoán đổi:



Hỗ trợ khách hàng trong việc: Quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu đến thu nhập và chi phí trong tương lai.

**vi. Dịch vụ ngân hàng điện tử**

Dịch vụ ngân hàng điện tử do VietBank cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet như: Thông tin tài khoản; Sao kê, lịch sử giao dịch; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán hóa đơn dịch vụ (Điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...).

**vii. Bảo hiểm**

- Bảo hiểm nhân thọ: VietBank đem đến những giải pháp phù hợp và tối ưu dành cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp
- Bảo hiểm phi nhân thọ: Các sản phẩm bảo hiểm dành cho KHDN với chi phí hợp lý như: bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy nổ - hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, đường hàng không; Bảo hiểm tài sản và thiệt hại; Bảo hiểm kỹ thuật; bảo hiểm máy móc, thiết bị chủ thầu; Bảo hiểm xây dựng, lắp đặt...

**c. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành**

VietBank đã thực hiện khảo sát báo cáo tài chính đến ngày 30/06/2021 của 29 ngân hàng trong tổng số 35 Ngân hàng Thương mại (NHTM) của Việt Nam, trong đó có 04 Ngân hàng thuộc sở hữu Nhà nước và 31 ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP). Trong tổng số 35 NHTM hiện nay, 06 ngân hàng không có số liệu là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank), Ngân hàng xây dựng (CB Bank), Ngân hàng Dầu khí toàn cầu (GP Bank), Ngân hàng Đại dương (Oceanbank), Ngân hàng Đông Á (EAB) và Ngân hàng Bảo Việt (BaoVietBank), thì VietBank được định vị trong ngành ngân hàng như sau:

- Về quy mô hoạt động: Về quy mô Tổng tài sản, Số dư huy động, cho vay, Vốn chủ sở hữu, Vốn điều lệ, VietBank được xếp hạng trong nhóm ngân hàng có quy mô không lớn. Tuy nhiên, VietBank thuộc nhóm các ngân hàng có mức độ mở rộng quy mô tổng tài sản cao trong 5 năm.
- Về năng lực tài chính: Vốn chủ sở hữu VietBank nằm trong nhóm có năng lực tài chính thấp, tuy nhiên vẫn đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn vốn theo quy định.
- Về tính thanh khoản: VietBank đáp ứng tốt chỉ tiêu an toàn về thanh khoản của NHNN.
- Về hiệu quả kinh doanh: Lợi nhuận sau thuế cải thiện, hiện xếp vị trí 22/29 vào Quý 2 năm 2021. Bên cạnh nguồn thu đến từ hoạt động kinh doanh lõi, tỷ lệ thu nhập từ các hoạt động khác của VietBank cũng cải thiện qua các năm nhờ nguồn thu đa dạng. Các chỉ số ROA, ROE, NIM ở mức tương đối thấp nhưng có tiềm năng cải thiện do lợi thế từ nguồn vốn huy động tiền gửi dồi dào.
- Về quy mô kinh doanh trên một chi nhánh và trên một điểm giao dịch: Trong khi VietBank nằm trong nhóm ngân hàng có số lượng chi nhánh thấp nhất, chỉ có 25 chi nhánh, nhưng lại có 118 điểm giao dịch. Do đó, quy mô kinh doanh (huy động và cho vay) trên một chi nhánh của VietBank tương đối lớn. Tuy nhiên, nếu tính trên cơ sở tổng số các điểm giao dịch thì quy mô kinh doanh của mỗi điểm giao dịch lại thấp.
- Về mạng lưới và số lượng lao động: VietBank nằm trong nhóm các ngân hàng tương đối ít điểm giao dịch và số lượng nhân viên thấp so với toàn ngành. Tính đến 30/09/2021, VietBank có 2.576 nhân viên.
- Về chất lượng tài sản: VietBank quản lý chất lượng tài sản theo hướng cẩn trọng, chủ động đẩy



mạnh lộ trình xử lý nợ xấu, nợ tồn đọng và trích lập đủ dự phòng và quản lý tỷ lệ nợ xấu ở mức kế hoạch.

Nói chung, trên cơ sở những chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, VietBank đang thuộc nhóm các ngân hàng có quy mô và năng lực tài chính chưa lớn, có mạng lưới hạn chế và số lượng lao động thấp, các đơn vị kinh doanh có quy mô hoạt động nhỏ. Tuy nhiên hiệu quả kinh doanh đã có nhiều sự cải thiện, quy mô ngân hàng mở rộng đem lại nhiều lợi thế và tiềm năng phát triển cho VietBank.

### 8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Để thực hiện mục tiêu chiến lược đề ra, VietBank đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện hiệu quả hoạt động trên nhiều lĩnh vực như ngân hàng số, quản trị rủi ro, CNTT, quản trị nguồn nhân lực...

**Bảng 31. Một số dự án tiêu biểu của VietBank**

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của VietBank
<b>Năm 2019</b>			
1	Triển khai Digital Channel (DC)	Triển khai nền tảng giao dịch ngân hàng số đồng bộ Internet Banking, Mobile banking (Omni – channel), tích hợp Khách hàng cá nhân, Khách hàng SME để thay thế cho các kênh giao dịch đơn lẻ, độc lập hiện nay.	Gia tăng trải nghiệm cho khách hàng, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.
2	Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking)	Phối hợp với Finastra triển khai dự án The Transformer – VietBank Prime nhằm xây dựng hệ thống Core Banking hoàn toàn mới và hiện đại	VietBank là một trong những ngân hàng tiên phong đầu tư mô hình Core Banking hiện đại này, với nhiều tính năng và tiện ích vượt trội, tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai.
3	Chương trình tự động tính hệ số an toàn vốn (CAR) theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 "Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài"	Hoàn thành chương trình tự động tính hệ số an toàn vốn (CAR) theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và được NHNN chấp thuận cho phép áp dụng trước thời hạn từ tháng 12/2019	Nâng cao về năng lực an toàn vốn, tuân thủ nghiêm ngặt quy định của NHNN và tăng tính cạnh tranh đối với các NHTMCP có cùng quy mô khác.
<b>Năm 2020</b>			

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của VietBank
1	Tiêu chuẩn Bảo mật thanh toán thẻ (PCI DSS)	Hệ thống bảo mật của VietBank đạt chứng nhận tiêu chuẩn PCI DSS và được kiểm định hàng năm.	Gia tăng trải nghiệm cho khách hàng, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất, gián tiếp gia tăng thu nhập từ dịch vụ cho ngân hàng.
<b>Năm 2021</b>			
1	Dự án triển khai định danh khách hàng trực tuyến (eKYC)	Mở tài khoản thanh toán online qua kênh eKYC web response và app eKYC cho nhân viên VietBank, áp dụng công nghệ kỹ thuật eKYC định danh khách hàng trực tuyến. Hiện tại dự án đang tạm dừng.	Mở rộng được đối tượng khách hàng của VietBank, gia tăng tệp khách hàng cũng như cải thiện thu nhập dịch vụ và các thu nhập khác.
2	Tính tuân thủ, hợp lý của nguyên tắc và kết quả tính toán tỷ lệ an toàn vốn của giải pháp tính tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng	Việc tính tỷ lệ an toàn vốn được thực hiện theo Quy chế tỷ lệ an toàn vốn và các Quy trình thu thập, quản lý dữ liệu để xác định các cấu phần tính CAR theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Trong đó quy định chi tiết phương pháp xác định các cấu phần tính CAR; quy định trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc thu thập, quản lý dữ liệu, tính toán, rà soát và báo cáo về CAR.	VietBank kiểm soát hệ số CAR tuân thủ theo quy định của NHNN, đảm bảo mức an toàn vốn cho các hoạt động của ngân hàng.

## 8.6. Chiến lược kinh doanh

### a. Mục tiêu chiến lược

- Quy mô Tổng tài sản đến năm 2025 đạt mức 350.000 tỷ đồng và nằm trong nhóm 15 ngân hàng có Tổng tài sản lớn nhất của hệ thống vào năm 2025.
- Hoạt động an toàn, hiệu quả, đào đảm thanh khoản và đáp ứng đầy đủ các chỉ số theo quy định của NHNN.
- Chuyển dịch từ hoạt động ngân hàng truyền thống sang ngân hàng số, với định hướng tập trung phát triển bán lẻ và tăng tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ. Áp dụng triệt để các tiện ích ngân hàng số nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động của Ngân hàng.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện, tăng cường hiệu quả công tác quản trị và điều hành.



- Phát triển đa dạng về mô hình hoạt động (liên doanh, công ty tài chính, chứng khoán, quỹ,...)

**b. Tâm nhìn chiến lược:**

- Trở thành ngân hàng bán lẻ uy tín hàng đầu Việt Nam, hoạt động theo phương châm: TĂNG TRƯỞNG - AN TOÀN - BỀN VỮNG - HIỆU QUẢ.
- Sứ mệnh: Tạo ra những sản phẩm và dịch vụ tài chính hiệu quả nhằm đem lại giá trị cao nhất cho Khách hàng và Nhà đầu tư. Tham gia các hoạt động từ thiện, đồng hành cùng sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội.

**c. Giá trị cốt lõi:**

- Uy tín: VietBank lấy chữ "Tín" làm kim chỉ nam trong mọi hành động. "Tín" với khách hàng, "Tín" với cổ đông. Sự hài lòng của Khách hàng là thước đo cho sự thành công & sự phát triển của VietBank.
- Chất lượng: không ngừng sáng tạo và luôn hướng đến những ý tưởng mới nhằm mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tài chính thông minh, có giá trị.
- Khách hàng: là trung tâm của mọi hoạt động, VietBank cam kết mang đến những sản phẩm dịch vụ đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu Khách hàng.
- Nhân sự: là tài sản vô giá, là yếu tố cốt lõi tạo nên sự thành công và đóng góp vào quá trình hình thành, phát triển của một tổ chức. VietBank luôn chú trọng đến việc xây dựng nguồn nhân sự cho năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp để tạo ra giá trị đặc trưng và phù hợp với giai đoạn phát triển của VietBank.

**d. Định hướng chiến lược phát triển trung hạn:** Chiến lược phát triển 5 năm từ 2021 đến 2025.

- Tổng tài sản: tăng bình quân 25 - 30%/năm; đến năm 2025 đạt mức 350.000 tỷ đồng, đến cuối năm 2025 VietBank vào nhóm 15 ngân hàng lớn nhất về Tổng tài sản.
- Nguồn vốn: Tăng tổng tài sản dựa trên nền tảng chính từ tăng trưởng huy động vốn, tỷ lệ huy động trên tổng tài sản dao động gần 80 - 90%, đa dạng nguồn vốn huy động. Theo đó, không tập trung quá vào nguồn vốn truyền thống, mà năng động tìm thêm các nguồn vốn có kỳ hạn dài và giá hợp lý thông qua cá hình thức phát hành kỳ phiếu, trái phiếu.
- Dự nợ tín dụng: tăng đủ theo hạn mức Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân bổ.
- Tập trung phát triển sản phẩm dịch vụ bán lẻ, theo đó tăng dần tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ trong cơ cấu thu nhập.
- Tỷ trọng tổng thu thuần từ dịch vụ/tổng thu nhập thuần của Ngân hàng hàng năm sẽ đạt tỷ lệ bình quân 10-12%.
- Đáp ứng tất cả các nhu cầu của khách hàng về sản phẩm dịch vụ tài chính theo định hướng ngân hàng bán lẻ, trong đó chú trọng hoạt động bán chéo sản phẩm dịch vụ với các đối tác có liên kết, nhằm cung ứng cho thị trường các sản phẩm tài chính trọn gói với giá thành hợp lý. Tạo sự khác biệt trong SPDV nhằm mang lại hiệu quả thiết thực cũng như nâng cao tính cạnh tranh của Ngân hàng.
- Phát triển các sản phẩm mới trong lĩnh vực tiền tệ như sản phẩm phái sinh, các sản phẩm cơ cấu (structured products), các sản phẩm chứng khoán nợ....
- Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt trên 10%;
- Tỷ lệ Nợ xấu: thấp hơn 3%;
- Hệ số an toàn vốn tối thiểu (theo Thông tư 41/2016 của NHNN) đạt trên 8%. Đáp ứng đầy đủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN chuẩn Basel II (Thông tư 41 & Thông tư 13).

- Chiến lược nguồn nhân lực: Số lượng CBNV đến năm 2025 là 3.500 – 4.000 người. Theo đó:
  - Tuyển dụng được những nhân sự giỏi có năng lực đáp ứng yêu cầu tuyển dụng nội bộ.
  - Phát hiện nhân sự giỏi nội bộ, đào tạo chuẩn bị cho nhân sự kế thừa.
  - Xây dựng các chính sách tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhằm ổn định nhân sự
  - Xây dựng chính sách và tiêu chí đánh giá thi đua (KPI) tiên tiến, minh bạch và công bằng.
  - Xây dựng chính sách lương, thưởng theo năng lực và hiệu quả của nhân sự toàn hệ thống.

## 9. Thông tin về cổ đông lớn

Tại ngày 31/03/2022 VietBank không có cổ đông lớn.

## 10. Thông tin về thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng

### 10.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT VietBank

**Bảng 32. Danh sách thành viên HĐQT VietBank**

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Dương Nhật Nguyên	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập *
3	Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT
4	Bà Quách Tố Dung	Thành viên HĐQT
5	Bà Lê Thị Xuân Lan	Thành viên HĐQT

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

\* HĐQT phân công Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập tạm thời giữ vị trí Quyền TGD. Để đảm bảo tính độc lập của Thành viên HĐQT, ông Nguyễn Hữu Trung không tham gia phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban điều hành, không hưởng lương nào ngoài khoản thù lao của thành viên HĐQT

#### ❖ Ông Dương Nhật Nguyên - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/10/1983
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- CMND/CCCD/HC: 051083009999 cấp ngày 24/04/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 284/25/17-19 Lý Thường Kiệt, Phường 14, quận 10, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 10/2008 - 08/2009: Giám đốc đầu tư - Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm;
  - + 09/2009 - 10/2011: Sinh viên MBA, Devry University và Keller Graduate, San Jose, CA, USA;
  - + 11/2011 - 01/2013: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc, Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Lâm;
  - + 02/2013 - 22/05/2016: Phó Tổng Giám đốc của VietBank;
  - + 23/05/2016 - 30/05/2016: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD của VietBank;
  - + 31/05/2016 - 08/08/2017: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc của VietBank;
  - + 09/08/2017 - 25/04/2021: Phó Chủ tịch HĐQT của VietBank;
  - + 26/04/2021 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 của VietBank.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 14.592.000 cổ phần (chiếm 3,05% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu tại VietBank (tại ngày 31/03/2022)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Dương Ngọc Hòa	Bố	21.742.080	4,55
Trần Thị Lâm	Mẹ	114.000	0,02
Dương Mai Anh	Em gái	10.068.480	2,11
Dương Bảo Anh	Em gái	8.124.096	1,70
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hoa Lâm	Tổ chức mà Người liên quan (Em gái) là Tổng Giám đốc – Người quản lý	21.355.392	4,47

- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 929.643 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 1.155.755.544 đồng, 1.792.000 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 17.920.000.000 đồng
    - Năm 2021: 1.338.383.833 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Dương Nhật Nguyên và người có liên quan với Vietbank:

- Hợp đồng thuê toàn bộ căn nhà số 70-72 Đường 17A, P. Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM (chủ sở hữu là ông Dương Nhất Nguyên, ủy quyền cho bà Khưu Thị Phương Hằng đại diện giao dịch với Vietbank).
  - Hợp đồng dịch vụ tư vấn với Công ty Cổ phần Công nghệ Vidiva (bà Dương Mai Anh và Dương Vân Anh là em gái của ông Dương Nhất Nguyên sở hữu từ 5% VDL);
  - Hợp đồng dịch vụ tư vấn với Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoa Lâm (bà Dương Mai Anh - em gái của ông Dương Nhất Nguyên là Tổng giám đốc);
  - Hợp đồng thuê nhà số 90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, TP.HCM, chủ sở hữu là bà Dương Vân Anh (là em gái của ông Dương Nhất Nguyên);
  - Vietbank cấp tín dụng cho Công ty TNHH VNS Sài Gòn (Bà Dương Mai Anh - em gái ông Dương Nhất Nguyên là Người quản lý – Thành viên HĐQT);
  - Vietbank cấp tín dụng cho Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la (Bà Trần Thị Lâm - mẹ ông Dương Nhất Nguyên là Người quản lý – Chủ tịch HĐQT);
  - Vietbank cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Công nghệ Vidiva (Bà Dương Mai Anh - em gái ông Dương Nhất Nguyên sở hữu từ 5% VDL);
  - Vietbank cấp tín dụng cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoa Lâm (Bà Dương Mai Anh - em gái ông Dương Nhất Nguyên là Người quản lý – Tổng giám đốc).
- + Lợi ích khác: Cho thuê toàn bộ căn nhà số 70-72 Đường 17A, P. Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM (chủ sở hữu là ông Dương Nhất Nguyên, ủy quyền cho bà Khưu Thị Phương Hằng đại diện giao dịch với VietBank).

**❖ Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/9/1951
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND/CCCD/HC: 025457314 cấp ngày 8/6/2011 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 92 Nguyễn Hữu Cảnh, RI.2107, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập kiêm Quyền Tổng Giám Đốc.
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 08/1975 – 01/1984: Giám đốc chi nhánh, Giám đốc điều hành Bank of Montreal, Canada;



- + 02/1984 – 08/2008: Phó Chủ tịch điều hành Caisse Centrale Desjardin, Canada;
- + 09/2008 – 01/2009: Nghỉ hưu theo chế độ;
- + 02/2009 – 04/2016: Cố vấn Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long;
- + 06/2011 – 04/2013: Cố vấn tài chính, ngân hàng của Cơ quan phát triển quốc tế Canada (CIDA);
- + 05/2016 – 06/2020: Giám đốc điều hành Khôi tư vấn của Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG;
- + 26/04/2021 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VietBank.
- + 16/10/2021: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VietBank kiêm Quyền Tổng Giám Đốc tại VietBank.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0 % vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 22.167.133 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 600.000.000 đồng
    - Năm 2021: 1.638.383.837 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Nguyễn Hữu Trung và người có liên quan với Vietbank: Không có

♦ **Bà Lương Thị Hương Giang – Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/01/1976
- Nơi sinh: Yên Bái
- CMND/CCCD/HC: 012266399 cấp ngày 26/12/2013 tại Công an TP. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P112C1, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Thành viên HĐQT kiêm Phó Văn phòng KVMB
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 09/1998 – 01/2016: Trưởng Phòng kế toán, Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm;

- + 02/2016 – 08/2016: Trưởng đại diện của Công ty cổ phần đầu tư Kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh;
- + 09/2016 – 25/04/2021: Phó Giám đốc truyền thông Marketing, Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của VietBank;
- + 26/04/2021 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị VietBank kiêm nhiệm Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của VietBank.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 6.840.000 cổ phần (chiếm 1,43% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: 0 đồng.
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 840.000 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 8.400.000.000 đồng.
    - Năm 2021: 450.661.620 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Lương Thị Hương Giang và người có liên quan với Vietbank: Không có

**❖ Bà Quách Tố Dung – Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 30/08/1957
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 020691651 cấp ngày 30/08/2012 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 1416 đường Ba Tháng Hai, P. 02, Quận 11, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Cử nhân Quản lý kinh tế, tài chính;
  - + Cử nhân Quản trị kinh doanh;
  - + Cử nhân Chính trị.
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - + Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH Bệnh viện Quốc Tế City
  - + Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH Vũ Quang Dung
  - + Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Sỹ Phát



- Quá trình công tác:
  - + 05/1975 - 05/1978: Cán bộ - Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh;
  - + 06/1978 - 05/1988: Phó Chủ tịch, Chủ tịch, Bí thư Phường 4 - UBND Phường 4, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh;
  - + 06/1988 - 05/1994: UV Ban thường vụ Quận Ủy Quận 11 - UBND Phường 6, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh;
  - + 06/1994 - 12/1999: UV Ban thường vụ Quận Ủy, Phó Chủ tịch UBND Quận 11 - UBND 11, Thành Phố Hồ Chí Minh;
  - + 01/2000 - 12/2012: Phó Giám đốc Thường trực - Sở Công Nghiệp sau là Sở Công Thương Thành Phố Hồ Chí Minh;
  - + 01/2013 - 03/2018: Nghỉ hưu theo chế độ;
  - + 27/02/2020 - 16/04/2020: Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH BĐS Nguyễn Khang;
  - + 04/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH Bệnh viện Quốc Tế City;
  - + 01/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH Vũ Quang Dung và Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Sỹ Phát;
  - + 25/05/2020 đến nay: Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu tại VietBank (tại ngày 31/03/2022)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Công ty TNHH Vũ Quang Dung	Doanh nghiệp mà bà Quách Tố Dung là Chủ tịch HĐQT	23.666.153	4,95
Công ty TNHH Sỹ Phát	Doanh nghiệp mà bà Quách Tố Dung là Chủ tịch HĐQT	22.715.886	4,76

- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 2.984.609 đồng.
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 482.051.284 đồng
    - Năm 2021: 866.666.671 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Quách Tố Dung và người có liên quan với Vietbank: Vietbank cấp tín dụng cho Công ty TNHH bệnh viện Quốc tế City (bà Quách Tố Dung làm Chủ tịch HĐQT).

♦ **Bà Lê Thị Xuân Lan – Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 10/03/1961
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 079161010113 cấp ngày 06/01/2020 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 164 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 03/1979 – 06/1983: Kế toán của Tổ sản xuất Thành Long;
  - + 07/1983 – 11/1987: Chủ nhiệm Hợp tác xã Thành Long;
  - + 12/1987 – 01/1996: Kế toán trưởng Công ty Đại Hồng Phát;
  - + 02/1996 – 12/1999: Kế toán trưởng Công ty Đại Đông Nguyên;
  - + 01/2000 – 12/2010: Kế toán trưởng Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoa Lâm;
  - + 01/2011 – 07/2014: Quản lý tài chính Cơ sở sản xuất Dây viên Thanh;
  - + 08/2014 – 22/06/2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Chợ Đũi;
  - + 24/6/2015 – 15/10/2015: Thành viên Ban kiểm soát VietBank;
  - + 16/10/2015 – 25/04/2021: Trưởng Ban kiểm soát VietBank;
  - + 26/04/2021 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Vietbank.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 6.485.710 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 630.500.004 đồng
    - Năm 2021: 726.464.652 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Lê Thị Xuân Lan và người có liên quan với Vietbank: Không có



## 10.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

Bảng 33. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát VietBank

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông <b>Hứa Ngọc Nghĩa</b>	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà <b>Nguyễn Đỗ Xuân Dung</b>	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông <b>Mạc Hữu Danh</b>	Thành viên Ban Kiểm soát

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

❖ Ông **Hứa Ngọc Nghĩa** – Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/03/1980
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- CMND/CCCD/HC: 025502987 cấp ngày 24/06/2011 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 114/4 Trần Quốc Toản, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh Tế Tp.Hồ Chí Minh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Trưởng Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 11/2002 – 06/2008: Nhân viên, chuyên viên - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín;
  - + 07/2008 - 07/2018:
    - 07/2008 - 06/2012: Thành viên HĐQT Ngân hàng 100% vốn Việt Nam - Sacombank Cambodia;
    - 08/2012 - 09/2014: Trưởng Ban Kiểm soát công ty Công ty cổ phần chứng khoán Langexang Lào PRD;
    - 06/2012 - 07/2018: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng Khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín;
    - 07/2008 - 06/2018: Phó Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
  - + 08/2018 - 24/05/2020: chuyên viên tư vấn độc lập về chứng khoán, quản lý đầu tư, thu xếp vốn, quản lý tài sản;
  - + 05/2020 – 04/2021: Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
  - + 04/2021 – nay: Trưởng Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
- + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: 0 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 397.692.308 đồng
    - Năm 2021: 726.000.000 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Hứa Ngọc Nghĩa và người có liên quan với Vietbank: Không có

**❖ Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung – Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/01/1987
- Nơi sinh: Thành Phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 079187012422 cấp ngày 26/06/2018 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: số 43 đường số 2, phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Thành viên Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 2011 - 2015: Nhân viên kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
  - + 2015 - nay: Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 33.842.754 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 372.660.079 đồng
    - Năm 2021: 400.152.216 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Nguyễn Đỗ



Xuân Dung và người có liên quan với Vietbank: Không có

❖ Ông Mạc Hữu Danh – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/05/1969
- Nơi sinh: Thành Phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 022018749 cấp ngày 18/05/2010 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 143 Trần Huy Liệu, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngân hàng
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Thành viên Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 1991 - 1995: Phó phòng Đối Ngoại - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Hồ Chí Minh;
  - + 1995 - 2005: Trưởng phòng Thanh toán & Chuyển ngân – Deutsche Bank, CN Hồ Chí Minh;
  - + 2005 – 2006: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín;
  - + 2006 – 2013: Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng Khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín;
  - + 2013 – 2017: Thành viên Ban kiểm soát - Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam;
  - + 09/2019 – 05/2020: Phó Ban kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
  - + 05/2020 – nay: Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 11.338.960 đồng.
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 852.313.513 đồng
    - Năm 2021: 971.835.336 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Mạc Hữu Danh và người có liên quan với Vietbank: Không có

**10.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Điều hành****Bảng 34. Danh sách thành viên Ban Điều hành VietBank**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập kiêm Q.TGD *
2	Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Trọng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Ngô Trần Đoàn Trinh	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Phạm Danh	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Đỗ Khoa Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Đinh Nguyên Hải Linh	Kế toán trưởng

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

*\* HĐQT phân công Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập tạm thời giữ vị trí Quyền TGD. Để đảm bảo tính độc lập của Thành viên HĐQT, ông Nguyễn Hữu Trung không tham gia phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban điều hành, không hưởng lương nào ngoài khoản thù lao của thành viên HĐQT*

❖ **Ông Nguyễn Hữu Trung – Quyền Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/9/1951
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND/CCCD/HC: 025457314 cấp ngày 8/6/2011 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 92 Nguyễn Hữu Cảnh, RI.2107, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập kiêm Quyền Tổng Giám Đốc.
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không



- Quá trình công tác:
  - + 08/1975 – 01/1984: Giám đốc chi nhánh, Giám đốc điều hành Bank of Montreal, Canada;
  - + 02/1984 – 08/2008: Phó Chủ tịch điều hành Caisse Centrale Desjardin, Canada;
  - + 09/2008 – 01/2009: Nghỉ hưu theo chế độ;
  - + 02/2009 – 04/2016: Cố vấn Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long;
  - + 06/2011 – 04/2013: Cố vấn tài chính, ngân hàng của Cơ quan phát triển quốc tế Canada (CIDA);
  - + 05/2016 – 06/2020: Giám đốc điều hành Khối tư vấn của Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG;
  - + 26/04/2021 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VietBank.
  - + 16/10/2021: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VietBank kiêm Quyền Tổng Giám Đốc tại VietBank.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0 % vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 22.167.133 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 600.000.000 đồng
    - Năm 2021: 1.638.383.837 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Nguyễn Hữu Trung và người có liên quan với Vietbank: Không có.

❖ Ông Nguyễn Tiến Sỹ – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/12/1977
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- CMND/CCCD/HC: 025296674 cấp ngày 03/04/2014 tại CA TP HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 12 đường 5 Khu Z756, Phường 12, Quận 10, TP HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Trường ĐH Grigg
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 06/2003 – 10/2018: Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH KYMCO Việt Nam
  - + 06/2010 – 06/2015: Giám đốc – Công ty Ô tô Xe máy Tiến Sỹ;
  - + 11/2018 – 11/2020: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH BDS Thành phố;
  - + 03/2021 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 5.700 cổ phần (chiếm 0,001% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 3.267.956 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 700 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 7.000.000 đồng
    - Năm 2021: 1.624.122.222 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Nguyễn Tiến Sỹ và người có liên quan với Vietbank: Không có.

**❖ Ông Nguyễn Trọng Phúc – Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/09/1976
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 079076001573 cấp ngày 11/05/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh



- Địa chỉ thường trú: 58 Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
  - + Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Viện ĐH Công Nghệ Hoàng Gia Melbourne (RMIT);
  - + Cử nhân Luật – ĐH Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 01/2003 – 08/2004: Chuyên viên Tín dụng Doanh Nghiệp – Ngân hàng TMCP Á Châu;
  - + 09/2003 – 03/2005: Trưởng phòng Phát triển sản phẩm thuộc Khối Khách hàng Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Á Châu;
  - + 04/2005 – 11/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Bình Dương – Ngân hàng TMCP Á Châu;
  - + 11/2005 – 02/2007: Giám đốc Chi nhánh Tân Thuận – Ngân hàng TMCP Á Châu;
  - + 02/2007 – 03/2008: Phó Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Chứng khoán Á Châu (ACBS);
  - + 04/2008 – 08/2010: Phó Tổng Giám đốc/TV HĐQT – Công ty Cổ phần Phúc Sinh;
  - + 12/2010 – 04/2016:
    - Giám đốc TTKD lớn Quận 1 – Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
    - Giám đốc Vùng Tây HCM – Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
    - 07/2016 – 09/2016: Trợ lý HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
    - 09/2016 – 07/2017: Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
  - + 10/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dự nợ thẻ là 46.688.740 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thù lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:

- Năm 2020: 1.769.063.237 đồng
  - Năm 2021: 2.022.934.292 đồng
- + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Nguyễn Trọng Phúc và người có liên quan với Vietbank: Không có.

❖ **Bà Ngô Trần Đoàn Trinh – Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 16/11/1970
- Nơi sinh: Khánh Hòa
- CMND/CCCD/HC: 024623293 cấp ngày 04/10/2011 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 135 đường 19, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, TP HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 01/1992 – 02/1996: Nhân viên Kế toán – Công ty TNHH Khai thác, Chế biến Khoáng sản Khánh Hòa;
  - + 03/1995 – 04/1999: Chuyên viên Kế toán, Bí thư Chi đoàn - Cục Đầu tư phát triển TP.HCM;
  - + 05/1999 – 12/1999: Phó trưởng phòng kế toán – Cục Đầu tư phát triển TP.HCM;
  - + 12/1999 – 02/2001: Phó trưởng phòng Kế toán – Kho bạc nhà nước TP.HCM;
  - + 03/2001 - 06/2006:
    - Chuyên viên phòng Kế toán Tài chính – Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM
    - Phó trưởng phòng Kế toán Tài chính – Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM
    - Phó trưởng phòng Tín dụng TW I – Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM
    - Phó trưởng phòng Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu – Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM (Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Hồ Chí Minh)
  - + 07/2007 – 10/2016:
    - Nhân viên phòng Phân tích và Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương



Tín

- Trưởng phòng Phân tích và Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
- + 11/2016 – 09/2017: Trợ lý Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
- + 09/2017 – 11/2017: Giám đốc Khối Tín dụng kiêm Giám đốc khối Quản lý Rủi ro - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
- + 11/2017 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 22.800 cổ phần (chiếm 0,004% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 8.779.615 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 1.801.395.213 đồng, 2.800 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 28.000.000 đồng
    - Năm 2021: 1.841.192.500 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Ngô Trần Đoàn Trinh và người có liên quan với Vietbank: Không có.

❖ Ông Phạm Danh – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/11/1980
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- CMND/CCCD/HC: 025295449 cấp ngày 23/08/2010 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 38 Đường 3643D Phạm Thế Hiển, Phường 7, Quận 8, TP HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, tiên tệ, tín dụng - Đại học Kinh tế TP. HCM
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc

- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 03/2003 – 02/2007: Cán bộ tín dụng – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
  - + 03/2007 – 02/2009: Phó giám đốc CN Sài Gòn – Pacific Bank;
  - + 03/2009 – 08/2009: Trưởng phòng Tín dụng Doanh Nghiệp – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa;
  - + 09/2009 – 01/2013: Giám đốc Phòng giao dịch Vạn Hạnh – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
  - + 02/2013 – 11/2016: Phó Giám đốc CN TP.HCM kiêm Giám đốc PGD Vạn Hạnh – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
  - + 11/2016 – 11/2017: Giám đốc CN Sài Gòn – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
  - + 11/2017 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 11.400 cổ phần (chiếm 0,002% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 79.824.694 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 1.924.829.812 đồng, 1.400 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 14.000.000 đồng
    - Năm 2021: 2.670.608.538 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Phạm Danh và người có liên quan với Vietbank: Không có.

**♦ Ông Đỗ Khoa Hiệp – Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/03/1978
- Nơi sinh: Bình Định
- CMND/CCCD/HC: 052078013141 cấp ngày 10/08/2021 tại Cục CS QLHC&TTXH



- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 29 Nguyễn Lạc, Quy Nhơn, Bình Định.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 2001-2005: Kỹ sư vận hành – Công ty TNHH Fujikura ;
  - + 2006-2007: Giám đốc nhân sự - ELCA Information Technology;
  - + 2008-2010: Giám đốc đại diện Việt Nam – KXIOP;
  - + 2009-2010: Chuyên viên tư vấn – KPMG Việt Nam;
  - + 2010-2011: Chuyên viên tư vấn – Renoir Consulting;
  - + 02/2012-08/2015: Trưởng phòng quản lý rủi ro vận hành – Ngân hàng TMCP Á Châu;
  - + 08/2015-04/2020: Giám đốc Khối quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Á Châu;
  - + 05/2020-03/2022: Giám đốc Khối vận hành - Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: 0 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thù lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 0 đồng
    - Năm 2021: 0 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Đỗ Khoa Hiệp và người có liên quan với Vietbank: Không có.

❖ **Ông Đinh Nguyên Hải Linh – Kế toán trưởng**

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 04/06/1972
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 022385741 cấp ngày 22/10/2011 tại CA TP HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 518/1 Trần Hưng Đạo, Phường 14, Quận 5, TP HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Điều khiển Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. HCM
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Kế toán trưởng
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
  - + 06/1996 – 06/2001: Nhân viên – Công ty SP Máy tính Fujitsu;
  - + 06/2001 – 07/2007: Giám sát viên phòng Tài chính Kế Toán – Công ty SP máy tính Fujitsu Việt Nam, KCN Biên Hòa 2;
  - + 07/2007 – 09/2007: Trưởng phòng Tài chính – Công ty Cơ khí chính xác Sài Gòn, Khu chế xuất Linh Trung;
  - + 09/2007 – 07/2014:
    - Chuyên viên cấp 2 – EXIMBANK
    - Phó phòng – EXIMBANK
  - + 07/2014 – nay:
    - Phó phòng Kế Toán – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
    - Trưởng phòng Kế toán – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
    - Phó phòng Kế toán – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
    - Giám đốc/ Phó Giám đốc phụ trách phòng Tài chính – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
    - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2022:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2022: Dư nợ thẻ là 515.000 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
  - + Thù lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Ủy ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
    - Năm 2020: 845.331.962 đồng
    - Năm 2021: 825.237.061 đồng
  - + Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Đinh Nguyễn Hải Linh và người có liên quan với Vietbank: Không có.



**11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức**

Việc chi trả cổ tức của VietBank được dựa trên các yếu tố sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và ý kiến của NHNN về tỷ lệ chi trả cổ tức;
- Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.

**Bảng 35. Tình hình chi trả cổ tức của VietBank**

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Ghi chú
2019	14%	Trả cổ tức bằng cổ phiếu, thực chi năm 2021
2020	Không có	
2021	Không có	

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

**12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại**

Các khoản nợ đến hạn được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

**Bảng 36. Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Chi tiêu	2019	2020	2021	Quý I/2022
<b>Dư nợ đầu kỳ</b>	500	500	1.743	3.185
Phát hành thêm trong kỳ	-	1.743	1.442	400
Trả gốc trong kỳ	-	500	0	0
Trả lãi trong kỳ	37,50	37,60	110,14	0
<b>Dư nợ cuối kỳ</b>	500	1.743	3.185	3.485

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

**13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành****+ Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi**

Tính đến 31/03/2022, dư nợ trái phiếu của VietBank là 3.485 tỷ đồng, trong đó:

**a. Trái phiếu phát hành ra công chúng:****Bảng 37. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành ra công chúng**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022

Trái phiếu thường	Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	-	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	-	-	-

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**b. Trái phiếu phát hành riêng lẻ:**

**Bảng 38. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành riêng lẻ**

Đơn vị: tỷ đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Trái phiếu thường	Từ 1 năm đến 5 năm	1.000	1.000	1.000
	Từ 5 năm trở lên	743	2.185	2.585
Trái phiếu chuyển đổi	Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	-	-	-

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**\* Các cam kết đưa ra**

**Bảng 39. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Bảo lãnh vay vốn	2.575	20.869	20.869
Cam kết giao dịch hối đoái	6.404.854	32.610.009	15.598.682
- Cam kết mua ngoại tệ	230.900	1.117.200	1.810.487
- Cam kết bán ngoại tệ	230.900	778.275	964.955
- Cam kết giao dịch hoán đổi	5.943.054	30.714.534	12.823.240
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	150.240	39.922	65.634
Bảo lãnh khác	1.009.503	1.302.138	1.286.034
Cam kết khác	12.614.518	12.323.054	13.237.868
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.181.690</b>	<b>46.295.992</b>	<b>30.209.087</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành



**Bảng 40. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Bảo lãnh vay vốn	2.575	20.869	20.869
Cam kết giao dịch hối đoái	6.404.854	32.610.009	15.598.682
- Cam kết mua ngoại tệ	230.900	1.117.200	1.810.487
- Cam kết bán ngoại tệ	230.900	778.275	964.955
- Cam kết giao dịch hoán đổi	5.943.054	30.714.534	12.823.240
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	150.240	39.922	64.918
Bảo lãnh khác	1.009.503	1.302.138	1.286.034
Cam kết khác	12.614.518	12.323.054	13.237.868
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.181.690</b>	<b>46.295.992</b>	<b>30.208.371</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

+ Các cam kết khác

➢ Cam kết vốn

**Bảng 41. Thông tin về cam kết vốn (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết vốn	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	280.929	495.453	519.817

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 42. Thông tin về cam kết vốn (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết vốn	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	280.929	495.453	519.817

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

➤ Cam kết thuê hoạt động

**Bảng 43. Thông tin về cam kết thuê hoạt động (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Đến hạn trong 1 năm	84.076	104.215	124.560
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	163.465	212.914	245.847
Đến hạn sau 5 năm	36.061	28.151	37.385
<b>Tổng cộng</b>	<b>283.602</b>	<b>345.280</b>	<b>407.792</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 44. Thông tin về cam kết thuê hoạt động của VietBank (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Đến hạn trong 1 năm	84.076	104.215	124.560
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	163.465	212.914	245.847
Đến hạn sau 5 năm	36.061	28.151	37.385
<b>Tổng cộng</b>	<b>283.602</b>	<b>345.280</b>	<b>407.792</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

➤ Cam kết cho thuê hoạt động

**Bảng 45. Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết cho thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Đến hạn trong 1 năm	9.889	4.164	1.122
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	7.798	890	828
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.687</b>	<b>5.054</b>	<b>1.950</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 46. Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết cho thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Đến hạn trong 1 năm	9.999	4.164	1.122



Đến hạn từ 1 đến 5 năm	7.798	890	828
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.797</b>	<b>5.054</b>	<b>1.950</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

- 1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

#### a. Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh

**Bảng 47. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Lũy kế đến quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	91.505.109	103.377.281	12,97%	104.918.430
Thu nhập lãi thuần	569.759	1.486.208	160,85%	364.290
Tổng thu nhập hoạt động	1.680.593	2.257.681	34,34%	493.394
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	428.005	1.115.368	160,60%	187.025
Lợi nhuận trước thuế	380.058	635.782	67,29%	113.191
Lợi nhuận sau thuế	299.545	506.595	69,12%	89.857
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 48. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm	Lũy kế đến quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	91.525.490	103.377.671	12,95%	104.918.325
Thu nhập lãi thuần	569.718	1.486.190	160,86%	364.290
Tổng thu nhập hoạt động	1.676.099	2.252.577	34,39%	493.394
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	427.975	1.114.651	160,45%	187.875
Lợi nhuận trước thuế	380.028	635.065	67,11%	114.041
Lợi nhuận sau thuế	299.515	505.878	68,90%	90.707
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Năm 2021, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của VietBank đạt 635 tỷ đồng, tăng 67,11% so với năm 2020, nguyên nhân chủ yếu do thu nhập hoạt động đạt gần 2.253 tỷ, tăng mạnh 34% tương đương tăng 576 tỷ (đáng chú ý là Thu nhập lãi thuần tăng 160,86%; Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng 54,55%; Thu nhập từ hoạt động khác tăng 19,51%). Bên cạnh đó, Chi phí hoạt động giảm nhẹ 8,83% so năm 2020 (tương đương giảm 110 tỷ) và ghi nhận gần 1.138 tỷ đồng.

**b. Các chỉ tiêu khác****Bảng 49. Cơ cấu thu nhập hoạt động (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Quý I/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Thu nhập lãi thuần	569.759	33,90%	1.486.208	65,83%	364.290	73,83%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	62.505	3,72%	94.808	4,20%	24.939	5,05%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	37.644	2,24%	11.767	0,52%	7.475	1,52%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	852.272	50,71%	475.575	21,06%	55.772	11,30%
Lãi thuần từ hoạt động	158.413	9,43%	189.323	8,39%	40.918	8,29%



khác						
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>1.680.593</b>	<b>100%</b>	<b>2.257.681</b>	<b>100%</b>	<b>493.394</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 50. Cơ cấu thu nhập hoạt động (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Quý I/2022	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Thu nhập lãi thuần	569.718	33,99%	1.486.190	65,98%	364.290	73,83%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	58.052	3,46%	89.722	3,98%	24.939	5,05%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	37.644	2,25%	11.767	0,52%	7.475	1,52%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	852.272	50,85%	475.575	21,11%	55.772	11,30%
Lãi thuần từ hoạt động khác	158.413	9,45%	189.323	8,40%	40.918	8,29%
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>1.676.099</b>	<b>100%</b>	<b>2.252.577</b>	<b>100%</b>	<b>493.394</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Kết thúc năm 2021, Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của VietBank đạt gần 2.253 tỷ đồng tăng 576 tỷ tương đương tăng 34,39% so với năm 2020. Thu nhập lãi thuần năm 2021 đạt 1.486 tỷ đồng, tăng 916 tỷ tương đương tăng 160,86% so năm 2020; Lãi thuần từ dịch vụ đạt gần 90 tỷ đồng, tăng 32 tỷ tương đương tăng 54,55% so năm 2020; Lãi thuần từ hoạt động khác đạt 189,3 tỷ đồng, tăng 31 tỷ tương đương tăng 19,51% so năm 2020. Trong khi đó, Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 11,8 tỷ đồng, Lãi thuần từ Mua bán chứng khoán đầu tư đạt 475,6 tỷ đồng, giảm so với năm 2020 lần lượt là 25,9 tỷ (giảm 68,74%) và 376,7 tỷ (giảm 44,20%).

**c. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có)**

Không có.

**1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành**

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

Năm 2020 và 2021 xảy ra đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không chỉ tới nền kinh tế thế giới mà còn ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của VietBank. Tuy vậy, VietBank vẫn duy trì kết quả kinh doanh khả quan và mở rộng những nguồn doanh thu khác ngoài nguồn thu từ lãi như nguồn thu từ kinh doanh chứng khoán, kinh doanh ngoại hối.

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Do ảnh hưởng dịch Covid-19, Vietbank đã thực hiện cơ cấu nợ và ngưng dự thu lãi theo TT01/NHNN đồng thời ban hành chương trình, sản phẩm ưu đãi lãi suất nhằm hỗ trợ khách hàng giải quyết khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh nên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của VietBank.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### a. Tình hình công nợ

**Bảng 51. Tình hình công nợ (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
<b>Tổng Nợ phải thu</b>	<b>47.746.369</b>	<b>53.771.599</b>	<b>55.415.007</b>
Cho vay các TCTD khác	-	200.000	300.000
Cho vay khách hàng (gồm DP)	44.345.769	49.612.464	50.679.826
Các khoản phải thu	1.566.062	2.396.258	2.691.191
Các khoản lãi, phí phải thu	1.799.931	1.446.957	1.595.131
Tài sản Có khác	142.475	134.956	167.895
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(107.868)	(19.036)	(19.036)
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>86.227.359</b>	<b>97.633.115</b>	<b>99.089.861</b>
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13.730	11.663	11.257
Tiền gửi và vay các TCTD khác	14.643.134	21.353.634	18.177.291
Tiền gửi của khách hàng	64.537.150	66.755.406	69.314.512
Phát hành giấy tờ có giá	4.993.000	7.635.170	9.185.170
Các khoản nợ khác	2.040.345	1.877.242	2.401.631

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

- Theo BCTC Hợp nhất, Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2021 là 53.772 tỷ đồng, tăng 12,62% so với



năm 2020 và tăng 13,06% so với năm 2019, trong đó:

- + Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2021 là 92,27% và duy trì ở mức 49.612 tỷ đồng, tăng 11,88% so với 2020 và tăng 22,28% so với năm 2019.
  - + Các khoản phải thu chiếm 4,46% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 2.396 tỷ đồng, tăng 53,01% so với năm 2020 và giảm mạnh 42,92% so với năm 2019.
  - + Các khoản lãi, phí phải thu khác chiếm 2,69% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 1.447 tỷ đồng, đều giảm lần lượt là 19,61% và 10,10% so với năm 2020, 2019.
  - + Cho vay các TCTD khác chiếm 0,37% và đạt 200 tỷ đồng.
  - + Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác là 19 tỷ đồng so với 2020 và 2019 đều giảm lần lượt là 82,35% và 83,94%.
- **Tổng nợ phải trả** tại ngày 31/12/2021 là 97.633 tỷ đồng, tăng 13,23% so với năm 2020 và tăng mạnh 52,77% so với năm 2019, trong đó:
- + Tiền gửi của khách hàng đạt 66.755 tỷ đồng chiếm 68,37%, tăng 3,44% so với năm 2020 và tăng mạnh 35,01% so với năm 2019.
  - + Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 21.354 tỷ đồng chiếm 21,78% trong Tổng nợ phải trả, tăng 45,38% so với năm 2020 và tăng 105,89% so với năm 2019.
  - + Phát hành giấy tờ có giá đạt 7.635 tỷ đồng chiếm 7,82% trong Tổng nợ phải trả, tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 52,92% và 205,41%.
  - + Các khoản nợ khác ở mức 1.877 tỷ đồng chiếm 1,92% trong Tổng nợ phải trả, giảm so với năm 2020 là 7,99% và tăng so với năm 2019 là 19,09%.
- VietBank luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, VietBank không có khoản nợ quá hạn.

**Bảng 52. Tình hình công nợ (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
<b>Tổng Nợ phải thu</b>	<b>47.766.360</b>	<b>53.771.599</b>	<b>55.414.513</b>
Cho vay các TCTD khác	-	200.000	300.000
Cho vay khách hàng	44.345.769	49.612.464	50.679.826
Các khoản phải thu	1.586.053	2.396.258	2.690.697
Các khoản lãi, phí phải thu	1.799.931	1.446.957	1.595.131
Tài sản Có khác	142.475	134.956	167.895
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(107.868)	(19.036)	(19.036)
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>86.247.770</b>	<b>97.634.252</b>	<b>99.089.653</b>

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13.730	11.663	11.257
Tiền gửi và vay các TCTD khác	14.643.134	21.353.634	18.177.291
Tiền gửi của khách hàng	64.558.047	66.757.140	69.314.635
Phát hành giấy tờ có giá	4.993.000	7.635.170	9.185.170
Các khoản nợ khác	2.039.859	1.876.645	2.401.300

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Theo BCTC riêng lẻ, Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2021 là 53.772 tỷ đồng, tăng 12,57% so với năm 2020 và tăng 13,02% so với năm 2019, trong đó:

- + Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2021 là 92,27% và duy trì ở mức 49.612 tỷ đồng, tăng 11,88% so với 2020 và tăng 22,28% so với năm 2019.
- + Các khoản phải thu chiếm 4,46% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 2.396.258 tỷ đồng, tăng 51,08% so với năm 2020 và giảm mạnh 43,17% so với năm 2019.
- + Các khoản lãi, phí phải thu khác chiếm 2,69% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 1.447 tỷ đồng, đều giảm lần lượt là 19,61% và 10,10% so với năm 2020, 2019.
- + Cho vay các TCTD khác chiếm 0,37% và đạt 200 tỷ đồng.
- + Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác là 19 tỷ đồng so với 2020 và 2019 đều giảm lần lượt là 82,35% và 83,94%.
- **Tổng nợ phải trả** tại ngày 31/12/2021 là 97.634 tỷ đồng, tăng 13,20% so với năm 2020 và tăng mạnh 52,73% so với năm 2019, trong đó:
  - + Tiền gửi của khách hàng đạt 66.757 tỷ đồng chiếm 68,37%, tăng 3,41% so với năm 2020 và tăng mạnh 34,96% so với năm 2019.
  - + Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 21.354 tỷ đồng chiếm 21,78% trong Tổng nợ phải trả, tăng 45,38% so với năm 2020 và tăng 105,89% so với năm 2019.
  - + Phát hành giấy tờ có giá đạt 7.635 tỷ đồng chiếm 7,82% trong Tổng nợ phải trả, tăng so với năm 2020 và 2019 lần lượt là 52,92% và 205,41%.
  - + Các khoản nợ khác ở mức 1.877 tỷ đồng chiếm 1,92% trong Tổng nợ phải trả, giảm 8,00% so với năm 2020 và tăng 19,09% so với 2019.
- VietBank luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, VietBank không có khoản nợ quá hạn.



## b. Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 53. Danh sách Trái phiếu chưa đáo hạn tại 31/03/2022

Mã Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Thời điểm phát hành	Kỳ hạn	Thời hạn chuyển đổi	Điều khoản quan trọng khác
VIETBANK.L.20.27.001	343.000	Lãi suất tham chiếu + 2,20%/năm	28/10/2020	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VIETBANK.L.20.22.002	100.000	5,20%/năm	15/12/2020	2 năm	Không có	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn
VIETBANK.L.20.27.003	400.000	Lãi suất tham chiếu + 1,40%/năm	16/12/2020	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VIETBANK.RL.20.22.004	500.000	5,50%/năm	21/12/2020	2 năm	Không có	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn
VIETBANK.L.20.22.005	400.000	5,50%/năm	25/12/2020	2 năm	Không có	VietBank không có quyền mua lại trái phiếu trước hạn
VBBL2128001	431.000	Lãi suất tham chiếu + 1,82%/năm	30/06/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128002	255.340	05 năm đầu: 7,80%/năm 02 năm cuối: 8,83%/năm	29/09/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128003	224.550	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	29/10/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể

Mã Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Thời điểm phát hành	Kỳ hạn	Thời hạn chuyển đổi	Điều khoản quan trọng khác
						từ ngày phát hành
VBBL2128004	100.000	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	11/11/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128005	140.980	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	26/11/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128006	200.000	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	20/12/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128010	90.300	Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	28/12/2021	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2229001	300.000	02 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm 05 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	09/02/2022	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2229002	100.000	02 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm 05 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	18/02/2022	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**c. Các khoản phải nộp theo luật định**



Tổ Chức Phát Hành luôn hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

**Bảng 54. Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)***Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Quý I/2022
Thuế giá trị gia tăng	2.113	2.487	1.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.085	46.214	24.392
Thuế thu nhập cá nhân	2.350	1.917	2.289
Các loại thuế khác	2.661	-	-
<i>Thuế nhà thầu</i>	<i>2.661</i>	-	-
<i>Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.209</b>	<b>50.618</b>	<b>28.372</b>

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành***Bảng 55. Các khoản phải nộp theo luật định (Riêng lẻ)***Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Quý I/2022
Thuế giá trị gia tăng	1.844	2.282	1.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.085	46.214	24.392
Thuế thu nhập cá nhân	2.356	1.822	2.038
Các loại thuế khác	2.661	-	-
<i>Thuế nhà thầu</i>	<i>2.661</i>	-	-
<i>Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.946</b>	<b>50.318</b>	<b>28.121</b>

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành***d. Trích lập các quỹ**

Tổ Chức Phát Hành luôn thực hiện trích lập các quỹ theo đúng các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Ngân hàng.

**Bảng 56. Số dư các quỹ (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Quý I/2022
Quỹ dự phòng tài chính	161.723	212.311	161.722
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	82.659	107.953	82.660
<b>Tổng cộng</b>	<b>244.382</b>	<b>320.264</b>	<b>244.382</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 57. Số dư các quỹ (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Quý I/2022
Quỹ dự phòng tài chính	161.723	212.311	161.722
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	82.659	107.953	82.660
<b>Tổng cộng</b>	<b>244.382</b>	<b>320.264</b>	<b>244.382</b>

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**e. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Tổ Chức Phát Hành không phát sinh những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

**2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu****a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu****Bảng 58. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về vốn				
- Vốn điều lệ	triệu đồng	4.190.199	4.776.827	
- Vốn tự có	triệu đồng	6.158.725	8.146.985	
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	9,35	10,25	
2. Chất lượng tài sản				
- Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,5	3,65	



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
- Tỷ lệ nợ xấu	%	1,29 Theo TT02	2,25 Theo TT11	
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	48,96	49,07	
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	95,26	95,76	
<b>3. Khả năng thanh khoản</b>				
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,81	17,26	
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,31	33,25	
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	54,98	55,19	
<b>4. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,38	11,54	
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,47	0,65	
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	0,76	1,60	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,37	0,52	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,82	9,19	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	715	1.061	

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	5,08	6,55	
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	16,45	14,91	

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**Bảng 59. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Riêng lẻ)**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về vốn				
- Vốn điều lệ	triệu đồng	4.190.199	4.776.827	
- Vốn tự có	triệu đồng	6.158.695	8.146.239	
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	9,35	10,05	
2. Chất lượng tài sản				
- Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,5	3,65	
- Tỷ lệ nợ xấu	%	1,29 Theo TT02	2,25 Theo TT11	
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	48,95	49,07	
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	95,24	95,76	
3. Khả năng thanh khoản				
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,81	17,26	
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,31	33,25	
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	54,98	55,19	
4. Kết quả hoạt động kinh				



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
doanh				
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,38	11,52	
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,47	0,52	
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	0,76	1,60	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,37	0,52	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,82	9,18	
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	715	1.059	
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	5,11	6,57	
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	15,28	14,13	

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

**b. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có)**

Không có.

**3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành**

**Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng năm 2019, 2020 của VietBank được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán như sau:**

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019*

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."

*Báo cáo tài chính riêng năm 2019*

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía

ạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020*

”Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

*Báo cáo tài chính riêng năm 2020*

”Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

**Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng năm 2021 của VietBank được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn KPMG Việt Nam.** Ý kiến của Tổ chức kiểm toán như sau:

*Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021*

”Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

*Báo cáo tài chính riêng năm 2021*

”Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

#### 4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

Không có.

#### 5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

##### a. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận:

**Bảng 60. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận**



Chi tiêu	Đơn vị	Năm 2022	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với TH 2021
Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	Triệu đồng	1.510.000	+ 1,62%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	872.000	+ 13,04%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	%	58%	+ 23,95%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12%	+ 2,81%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	%	0,00%	0,00%

*Nguồn: Tổ Chức Phát Hành*

**b. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên:**

Thường trực Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông thông qua kế hoạch nêu trên.

**c. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên:**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận VietBank tối thiểu trên theo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2022: 65.200 tỷ đồng.

**d. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn (và Tổ chức kiểm toán độc lập, nếu có) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận**

*Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn*

Là một Tổ Chức Tư Vấn chuyên nghiệp, HDS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của VietBank.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của VietBank, HDS cho rằng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của VietBank dự kiến cho năm 2022 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của VietBank.

*Đánh giá của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có)*

Không có.

**6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo**

VietBank chưa có kế hoạch cụ thể về việc chào bán trái phiếu trong 03 năm tới, các đợt chào bán trái phiếu cụ thể trong các năm tiếp theo sẽ được HĐQT, ĐHĐCĐ Ngân hàng thông qua.

## **VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**

Việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng của VietBank được thông qua tại:

- Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng và phương án niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ.
- Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021.
- Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua việc tiếp tục triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng.

Dưới đây là các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu với một số nội dung chính sẽ được thể hiện trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây).

Trái Phiếu được điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu này ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**"). Với việc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và trở thành chủ sở hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

### **Định nghĩa**

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu sẽ có ý nghĩa như sau:

"**Chuyển Quyền Sở Hữu**" có nghĩa là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.

"**Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký**", "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán HD.

"**Trung Tâm Lưu Ký**" có nghĩa là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (hoặc bất kỳ tổ chức nào khác kế thừa chức năng đăng ký, và/hoặc lưu ký chứng khoán tại Việt Nam theo quy định của pháp luật).

"**Hợp Đồng Đại Diện**" có nghĩa là hợp đồng được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, theo đó Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định là tổ chức đại diện cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

"**Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký**" có nghĩa là hợp đồng được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, theo đó, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký được chỉ định là Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký cho Trái Phiếu.

"**Kỳ Thanh Toán Lãi**" có nghĩa là định kỳ tròn 01 (một) năm/một lần kể từ Ngày Phát Hành.

"**Ngày Làm Việc**" có nghĩa là ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật.

"**Ngày Phát Hành**" là một Ngày Làm Việc theo công bố chính thức của Tổ Chức Phát Hành hoặc Ngày Làm Việc tiếp theo sau ngày kết thúc việc thu tiền chào bán Trái Phiếu trên thực tế theo công bố của Tổ Chức Phát Hành.

"**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại**" có nghĩa là bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào kể từ Ngày Thanh Toán Lãi thứ hai đến khi đáo hạn của Trái Phiếu, tùy thuộc vào quyết định mua lại của Tổ Chức Phát Hành.



"**Ngày Đáo Hạn**" có nghĩa là ngày tròn 07 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành đối với Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1). Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank căn đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.

"**Ngày Đến Hạn Gốc**" có nghĩa là Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện mua lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn.

"**Ngày Thanh Toán Lãi**" có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc Thời Hạn Trái Phiếu.

"**Ngày Chốt Danh Sách**" có nghĩa là:

- (A) Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký:
- (i) Ngày Làm Việc thứ 10 (mười) trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại Trái Phiếu;
  - (ii) Ngày Làm Việc được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện nhằm triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 13.2.
- (B) Trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký:
- (i) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu) mà không phải là trường hợp (ii), (iii) hoặc (iv) dưới đây;
  - (ii) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký nhằm thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại Điều Khoản 12.1(g);
  - (iii) Ngày Làm Việc được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành lựa chọn phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
  - (iv) Ngày Làm Việc được xác định theo quy chế của Trung Tâm Lưu Ký để chốt danh sách đó trong trường hợp nếu Tổ Chức Phát Hành không có quyền ấn định ngày chốt danh sách đó.

"**Người Sở Hữu Trái Phiếu**" là người mua hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, (i) đã được đăng ký và có tên trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quản lý trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (ii) có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Trung Tâm Lưu Ký quản lý và cung cấp tại từng thời điểm sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký.

"**Quyền Mua Lại Trước Hạn**" là quyền của Tổ Chức Phát Hành được mua lại trước hạn toàn bộ, nhưng không được mua lại một phần Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, với giá mua lại bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu, trên cơ sở đảm bảo tuần thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu do mình sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ.

"**Kỳ Hạn Trái Phiếu**" có nghĩa như quy định tại Điều Khoản 7.

"**Tổ Chức Phát Hành**" có nghĩa là Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

"**Vốn cấp 2**" là nguồn thứ cấp của vốn ngân hàng, cung cấp tài chính cho các hoạt động của ngân hàng. Vốn cấp 2 được chỉ định là vốn bổ sung và bao gồm các khoản mục như dự trữ định giá lại, dự trữ chưa công bố, công cụ lai giữa nợ và vốn, và nợ thứ cấp có kì hạn...

### **1. Tên Trái Phiếu**

Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 theo 3 đợt, có các tên gọi như sau (được gọi chung là "**Trái Phiếu**"):

- Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1)
- Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 2)
- Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 3).

### **2. Loại Trái Phiếu**

- (a) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín phát hành là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định hiện hành ("**Trái Phiếu**").
- (b) Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức bút toán ghi sổ.
- (c) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm hoặc không có bảo đảm khác. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- (d) Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.
- (e) Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

### **3. Mệnh giá**

10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu.

### **4. Đối tượng mua trái phiếu**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sở hữu trái phiếu.

### **5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán**

300.000 (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu, trong đó:

Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Đợt phát hành kéo dài tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng.



Trường hợp trong mỗi đợt chào bán, các Trái Phiếu chưa được phân phối hết như dự kiến của từng đợt thì số Trái Phiếu chưa được phân phối hết sẽ được chuyển qua đợt chào bán kế tiếp.

**6. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá**

3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).

**7. Kỳ hạn trái phiếu**

Từ 06 (sáu) đến 10 (mười) năm.

Theo ủy quyền của ĐHQĐ, HĐQT Vietbank cân đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.

Trái phiếu Đợt 1 có kỳ hạn: 07 (Bảy) năm.

**8. Lãi suất:****8.1. Tiền lãi**

- (a) Tiền lãi Trái Phiếu được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc (tùy trường hợp áp dụng), và được thanh toán vào Ngày Thanh Toán Lãi.

Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi của năm đó sẽ là Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi Trái Phiếu của năm tương ứng sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

Nếu Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc. Trong trường hợp đến Ngày Đến Hạn Gốc mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng), thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng) giữ hộ và không được hưởng lãi.

- (b) Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ Ngày Đến Hạn Gốc (áp dụng đối với trường hợp mua lại toàn bộ mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành) và mỗi Trái Phiếu được mua lại sẽ không được hưởng lãi kể từ ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại (áp dụng đối với trường hợp mua lại một phần mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành) trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào các ngày đó do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng).

Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng) tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Đến Hạn thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo mức lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu đó, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán.

- (c) Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, nếu khoản tiền lãi đến hạn của Trái Phiếu bị từ chối thanh toán hoặc được thanh toán không đầy đủ do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì Người Sở Hữu và/hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng) Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi quá hạn đối với số tiền bị chậm trả tính từ và bao gồm ngày quá hạn cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế theo mức lãi suất quy định cụ thể ở điều 8.1(f) ở bên dưới.

- (d) Tiền lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán theo quy định tại Điều Khoản 8.1(b) và (c) nêu trên sẽ do bên gây ra lỗi (tùy từng trường hợp là Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Trung Tâm Lưu Ký) chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (e) Tiền lãi tại các Điều Khoản 8.1(a) và (b) nêu trên sẽ được tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày:

$$\text{Tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho mỗi kỳ thanh toán lãi} = \text{Tổng Mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ thực tế} \times \frac{LS_1 \times N_1}{365}$$

**Trong đó:**

- + **LS<sub>1</sub>**: có nghĩa là Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu (%/năm).
- + **N<sub>1</sub>**: có nghĩa là Số ngày thực tế nắm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó.

- (f) Tiền lãi tại các Điều Khoản 8.1(c) và (d) nêu trên sẽ được tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày:

$$\text{Tiền lãi phạt trên Khoản tiền lãi quá hạn} = \text{Tổng số tiền lãi quá hạn} \times \frac{LS_2 \times N_2}{365}$$

**Trong đó:**

- + **LS<sub>2</sub>**: có nghĩa là Lãi suất tương ứng với mức 150% Lãi suất áp dụng ở mục 8.1 (e) (%/năm) nhưng không quá 10%/năm.
- + **N<sub>2</sub>**: có nghĩa là Số ngày quá hạn tính từ và bao gồm ngày quá hạn cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế.

**8.2. Lãi Suất (gọi tắt là Lãi Suất Trái Phiếu)**

- (a) Lãi Suất Trái Phiếu có thể là: Lãi suất cố định hoặc Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi. Lãi suất thả nổi được xác định bằng Lãi Suất Tham Chiếu cộng Biên độ. Trong đó, Lãi Suất Tham Chiếu được xác định là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND ("Lãi suất tham chiếu") được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái phiếu (Lãi Suất Tham Chiếu, Biên độ) áp dụng phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ.

Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT VietBank cân đối và quyết định lãi suất phát hành Trái phiếu theo từng đợt.

Lãi suất áp dụng cho Trái phiếu Đợt 1 là lãi suất thả nổi được quy định như sau:

- Năm năm đầu: Lãi Suất Tham Chiếu + 2,50%.
- Hai năm cuối: Lãi Suất Tham Chiếu + 3,50%.

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ



hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

- (b) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì (A) nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điều Khoản 8.2 (a) nêu trên thì lãi suất Trái Phiếu sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điều Khoản 8.2 (a) đó; (B) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu và lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điều Khoản 8.2 (a) nêu trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; (C) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu nhưng lãi suất Trái Phiếu được quy định tại Điều Khoản 8.2 (a) nêu trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu là mức lãi suất được xác định như tại Điều Khoản 8.2 (a) nêu trên.

### 8.3. Ngày Xác Định Lãi Suất

- Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Công Bố Thông tin .
- Đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi.

### 8.4. Ngày Thanh Toán Tiền Lãi

Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đến Hạn Gốc, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Chậm Trả**"). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào.

Số Tiền Lãi Chậm Trả sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Chậm Trả và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Chậm Trả).

Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Chậm Trả là lãi suất của Trái Phiếu quy định tại Điều Khoản 8.2 (a) (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian chậm trả lãi của Số Tiền Lãi Chậm Trả tương ứng).

$$\text{Tiền lãi phạt trên Khoản tiền lãi chậm trả} = \text{Tổng số tiền lãi chậm trả} \times \frac{LS_3 \times N_3}{365}$$

#### Trong đó:

- + **LS<sub>3</sub>**: có nghĩa là Lãi suất áp dụng ở mục 8.2 (a) (%/năm) nhưng không quá 10%/năm.
- + **N<sub>3</sub>**: có nghĩa là Số ngày chậm trả tính từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế.

## 9. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

- (a) Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) năm một lần ("**Kỳ Thanh Toán Lãi**"), vào Ngày Thanh Toán Lãi cho đến khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành các nghĩa vụ liên quan tới Trái Phiếu.
- (b) Trừ khi Trái Phiếu được mua lại trước hạn, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá



vào Ngày Đáo Hạn. Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại. Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu khác, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả một lần vào ngày thực hiện mua lại trước hạn tương ứng.

#### 10. Giá chào bán

10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu.

#### 11. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm hoặc không có bảo đảm khác. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

#### 12. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

##### 12.1. Quyền cơ bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu

###### (a) Quyền sở hữu và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu

(i) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký:

Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ lập và duy trì sổ đăng ký ("**Sổ Đăng Ký**") ghi tên, số lượng Trái Phiếu sở hữu, tài khoản nhận gốc, lãi Trái Phiếu và các thông tin khác của những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, thay mặt và theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành, cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu ("**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**") đối với việc đăng ký sở hữu Trái Phiếu. Mỗi Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được đánh số riêng biệt để nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu.

Quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao sau khi Bên chuyển giao và Bên nhận chuyển giao hoàn thành các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu mà Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quy định và hoàn tất việc đăng ký thông tin về bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ cấp, hoặc bảo đảm cấp cho bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu một Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới ghi nhận (i) khoản tiền gốc của Trái Phiếu đã được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu và (ii) quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu (*để tránh nhầm lẫn*, bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu sẽ trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu ngay khi quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đối với Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký, không phụ thuộc vào việc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đã được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hay chưa). Các chi phí liên quan đến việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ấn định khi thực hiện việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, phù hợp với luật Việt Nam và thực tiễn thị trường và sẽ do Bên Chuyển Quyền Sở Hữu và/hoặc Bên Nhận Chuyển Quyền Sở Hữu thanh toán cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký.

Nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc phá hủy thì Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đó có thể được cấp lại tại văn phòng được chỉ định của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành sau khi



người yêu cầu cấp lại thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp lại đó cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký và người yêu cầu cấp lại phải cung cấp chứng cứ liên quan đến việc cấp lại đó. Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách nát, hư hại phải được nộp lại trước khi được cấp lại.

- (ii) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký:

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu sẽ theo các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam, Trung Tâm Lưu Ký và các quy định của Hợp Đồng Đại Diện (trong phạm vi các quy định đó phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của Trung Tâm Lưu Ký).

**(b) Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác**

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này đối với số Trái Phiếu mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

- (i) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, mỗi khoản thanh toán tiền lãi định kỳ vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc khoản thanh toán tiền gốc và lãi vào Ngày Đến Hạn Gốc sẽ được Tổ Chức Phát Hành chuyển trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (là những người có tên trong Sổ Đăng Ký tại Ngày Chốt Danh Sách) vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (ii) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của Trung Tâm Lưu Ký, các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định của Hợp Đồng Đại Diện (trong phạm vi các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và trong Hợp Đồng Đại Diện không xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và Trung Tâm Lưu Ký).

**(c) Quyền giao dịch Trái Phiếu**

- (i) Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- (ii) Tại Ngày chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sở hữu giữa các Bên. Từ sau Ngày chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu, việc chuyển nhượng giữa các Bên sẽ diễn ra bình thường. Tuy nhiên nghĩa vụ đến hạn lãi của kỳ đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Nhà Đầu Tư có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Ngày chốt danh sách Người Sở Hữu.
- (iii) Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm (cầm cố) tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định hiện hành của Tổ Chức Phát Hành.
- (iv) Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Kiện 12.1(c)(iii), Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu trừ trường hợp mua lại trước hạn theo các Điều Kiện Trái Phiếu.
- (v) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, việc giao dịch Trái Phiếu như trên sẽ được thực hiện thông qua đăng ký tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký theo thủ tục quy định tại Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu.



- (vi) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của Trung Tâm Lưu Ký, các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định của Hợp Đồng Đại Diện (trong phạm vi các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu và trong Hợp Đồng Đại Diện không xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và Trung Tâm Lưu Ký).

**(d) Quyền biểu quyết**

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền biểu quyết (tại hội nghị hoặc trong đợt lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu) về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu mà phải xin ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định tại Điều Khoản 13.2 dưới đây.

**(e) Quyền có tổ chức đại diện**

Vì mục đích đăng ký, lưu ký tập trung và niêm yết Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán HD ("**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**") làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhằm giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện.

Vai trò của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được xác lập và phát sinh sau khi Trái Phiếu đã đủ điều kiện để niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc đăng ký, lưu ký tập trung và niêm yết Trái Phiếu theo quy định của pháp luật.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu công nhận và đồng ý không hủy ngang việc chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán HD làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.1(e) này và Hợp Đồng Đại Diện.

**(f) Quyền nhận thông tin**

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông tin mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức gửi qua đường bưu điện, thư điện tử, fax hoặc bất kỳ một hình thức thông báo nào khác được pháp luật cho phép.

**(g) Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành**

- (i) Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ tiền gốc và/hoặc tiền lãi của bất kỳ Trái Phiếu nào đến hạn (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngưng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại Điều Khoản 8.4) và vẫn tiếp tục không thanh toán trong thời gian 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn tương ứng (mỗi trường hợp như vậy được gọi là một "**Sự Kiện Vi Phạm**"), thì để buộc Tổ Chức Phát Hành thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khởi kiện Tổ Chức Phát Hành theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác. Để làm rõ, việc khởi kiện Tổ Chức Phát Hành sẽ không được thực hiện trực tiếp bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu nào mà sẽ được thực hiện thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, trừ trường hợp theo quy định tại Điều 2.4 của Hợp Đồng Đại Diện.
- (ii) Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) (mỗi trường hợp như vậy đều được gọi là một "**Sự Kiện Vi Phạm**"), và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.



- (iii) Ngay khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu: (1) biết có Sự Kiện Vi Phạm xảy ra hoặc (2) nhận được thông báo từ Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại đoạn (ii) trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, sau khi xác minh thông tin, phải gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu khác và các Bên liên quan khác (nếu có) để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn toàn bộ ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) và các khoản tiền khác (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.

Người Sở Hữu Trái Phiếu có các quyền khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

### 12.2. Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thông qua tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

### 12.3. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ khai báo và nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập, các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu và các nghĩa vụ nộp thuế khác (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Đăng Ký, Lưu Ký được quyền thực hiện khấu trừ, nộp thay tiền thuế liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định pháp luật Việt Nam.
- (b) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu khi Tổ Chức Phát Hành quyết định đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu.
- (c) Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, Hợp Đồng Dịch Vụ Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu, và các văn kiện Trái Phiếu khác (nếu có).

## 13. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Tên Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)**

### 13.1. Trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Trách nhiệm cơ bản của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp đồng số **03.112021/HĐNDD/VB-HDBS** ngày 15/11/2021 với Tổ Chức Phát Hành;
- (b) Ký kết và thực hiện Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là một Bên nhân danh và vì lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- (c) Thay mặt Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (d) Giám sát việc thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu, và nhanh chóng thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ cam kết nào theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;
- (e) Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức lấy ý kiến những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc của Tổ Chức Phát Hành hoặc các Bên khác trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu (bao gồm



cả việc quyết định hình thức lấy ý kiến của những Người Sở Hữu Trái Phiếu), và ký biên bản Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh những Người Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/ngợi quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;

- (f) Nhận và thông báo ngay cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSD (tùy trường hợp áp dụng) gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (g) Nhận và gửi ngay cho các Bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (h) Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thực hiện các quyết định/ngợi quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các quyết định/ngợi quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (i) Tạo điều kiện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này, Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng có thể cho phép Nhà Đầu Tư tiềm năng tiếp cận các tài liệu nêu trên hoặc cung cấp bản sao của các tài liệu đó cho Nhà Đầu Tư tiềm năng trên cơ sở tuân thủ nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan;
- (j) Lưu trữ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được hoặc có được (trong vai trò là tổ chức đại diện cho tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu) liên quan đến Trái Phiếu, trừ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải chuyển giao cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác hoặc phải tiêu hủy theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan; và
- (k) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

### **13.2. Nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu**

- (a) Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa được thanh toán tại thời điểm đó triệu tập với thông báo bằng văn bản gửi trước ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc (trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thì phải gửi thông báo cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành (tùy từng trường hợp áp dụng). Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập, như hội nghị qua điện thoại, video, trao đổi qua thư điện tử...
- (b) Phụ thuộc vào Điều Kiện 13.2(c), số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện cho ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa được thanh toán tại thời điểm đó, hoặc đối với bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu với bất kỳ tỷ lệ Trái Phiếu theo mệnh giá nào mà họ nắm giữ hoặc đại diện.



- (c) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung sửa đổi Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi, giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền gốc hoặc thay đổi lãi suất phải trả liên quan đến Trái Phiếu hoặc thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu ("**Vấn Đề Loại Trừ**"), thì số đại biểu cần thiết để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa được thanh toán tại thời điểm đó, hoặc bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) theo tổng mệnh giá Trái Phiếu chưa được thanh toán tại thời điểm triệu tập lại cuộc họp đó.
- (d) Nghị quyết được (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự cuộc họp thông qua và biểu quyết tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp hội nghị hay không) với điều kiện là bất kỳ sự thay đổi nào về Vấn Đề Loại Trừ phải được sự chấp thuận của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành.
- (e) Không phụ thuộc vào các quy định tại Điều Khoản 13.2 (a), (b), (c) và (d) nêu trên, Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua tại một cuộc họp với sự tham dự của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành Hội nghị là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập Hội nghị không đúng quy định.
- (f) Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Điều Khoản 13.2(a) và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến và (2) phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu thông qua (đôi với Vấn Đề Loại Trừ, phải được tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu đang nắm giữ 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua).
- (g) Để tránh hiểu nhầm, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua theo quy định tại Điều Khoản 13.2 này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được chấp thuận bởi Tổ Chức Phát Hành (trừ các nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).
- (h) Không phụ thuộc vào các quy định tại các Điều Khoản 13.2 (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (g) nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản Trái Phiếu bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó, và trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua. Đối với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản Trái Phiếu mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành.

#### 14. Việc Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn



**14.1. Mua Lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại**

- (a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điều Khoản 14.1(c) dưới đây, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu.
- (b) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận được 100% khoản tiền gốc Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành (trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký), hoặc theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và pháp luật Việt Nam có quy định khác (trong trường hợp Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký).
- (c) Ví mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điều Khoản 14.1 này, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành hoặc bảo đảm (1) Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký gửi thông báo cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, trong trường hợp trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký, ít nhất 10 (mười) ngày nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu; hoặc (2) thông báo trên trang thông tin điện tử của Trung Tâm Lưu Ký về Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu như được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký (đối với trường hợp mua lại trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký) hoặc tài khoản được đăng ký là tài khoản để nhận gốc/lãi Trái Phiếu khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung Tâm Lưu Ký) hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó và quy định của pháp luật.

**14.2. Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận**

Không ảnh hưởng tới Điều Khoản 14.1 nêu trên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất cứ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.

**15. Phương Thức Phân Phối**

Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư thông qua các kênh phân phối tại Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.



**16. Đăng Ký Mua Trái Phiếu****(a) Thời hạn:**

Sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về chào bán Trái Phiếu ra công chúng ("**Bản Thông Báo Phát Hành**") theo quy định của pháp luật hiện hành, và thời gian đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến là kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố Bản Thông Báo Phát Hành cho đến ngày kết thúc thời hạn phân phối Trái Phiếu. Tuy nhiên, thời gian đăng ký mua Trái Phiếu có thể kết thúc sớm hơn trước khi kết thúc thời hạn phân phối Trái Phiếu khi số lượng Trái Phiếu mà các Nhà Đầu Tư đăng ký mua bằng số lượng Trái Phiếu được phép chào bán theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng nhưng đảm bảo thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày công bố Bản Thông Báo Phát Hành.

**(b) Số lượng:**

Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán ra công chúng là 300.000 (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu, trong đó:

Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)

Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)

Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)

Trường hợp trong mỗi đợt chào bán, các Trái Phiếu chưa được phân phối hết như dự kiến của từng đợt thì số Trái Phiếu chưa được phân phối hết sẽ được chuyển qua đợt chào bán kế tiếp.

**(c) Đối tượng được đăng ký mua:**

Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

**(d) Phương thức đăng ký mua và thanh toán:**

- (i) Thời gian muộn nhất để Nhà Đầu Tư thực hiện thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu là vào ngày kết thúc đợt chào bán theo công bố của Tổ Chức Phát Hành.
- (ii) Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc công bằng, công khai. Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu được phép phát hành cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà Đầu Tư. Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi Nhà Đầu Tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà Nhà Đầu Tư đó đăng ký mua. Để tránh hiểu nhầm, việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi tiền mua Trái Phiếu được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành nêu tại Điều Khoản 18. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký coi như không còn giá trị.

**(e) Phương thức chuyển giao Trái Phiếu:**

Trong vòng tối đa 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư sẽ nhận Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại Tổ Chức Phát Hành hoặc chi nhánh/phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành.

**(f) Quyền lợi người mua Trái Phiếu:**

Nhà Đầu Tư đã đăng ký và thanh toán thành công tiền mua Trái Phiếu sẽ được ghi tên trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu với tư cách là Người Sở Hữu Trái Phiếu, được Tổ Chức Phát Hành chuyển giao Trái Phiếu theo quy định trên đây và được hưởng các quyền và lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu.

**(g) Số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu:**

05 (Năm) Trái Phiếu, tương đương 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Để tránh nhầm lẫn, Nhà Đầu Tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị.

**(h) Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu:** trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu hoặc tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký đặt mua vượt quá số lượng Trái Phiếu chào bán:

- Thời gian: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc đợt chào bán)
- Cách thức: Chuyển vào tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin tại Giấy Đề Nghị Đăng Ký Mua Trái Phiếu.

**17. Lịch Trình Dự Kiến Phân Phối Trái Phiếu**

Sau khi nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối các Trái Phiếu thành 03 đợt, dự kiến thời gian phát hành từng đợt như sau:

Đợt 1: dự kiến Quý I & Quý II/2022.

Đợt 2: dự kiến Quý II & Quý III/2022.

Đợt 3: dự kiến Quý II & Quý III/2022.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu của mỗi đợt như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Tổ Chức Phát Hành nhận Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	$T_1$
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về đợt chào bán	$T_1 + 1$ đến $T_1 + 5$
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu: Nhà Đầu Tư đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu	$T_1 + 1$ đến $T_1 + 21$
4	Tổ Chức Phát Hành kết thúc nhận đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu	$T_1 + 22$
5	Tổ Chức Phát Hành báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả chào bán	$T_1 + 23$ đến $T_1 + 33$
6	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành công văn chấp thuận kết quả chào bán	$T_1 + 36$
7	Tổ Chức Phát Hành giải tỏa tiền từ Tài Khoản Phong Tỏa	$T_1 + 37$

**Ghi chú:**

- Thời gian phân phối cụ thể của từng đợt chào bán Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chi tiết trong Bản Thông Báo Phát Hành của mỗi đợt chào bán;
- Thời hạn phân phối Trái Phiếu ("**Thời Hạn Phân Phối Trái Phiếu**"): theo quy định của pháp luật



hiện hành và được quy định tại Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Tổ Chức Phát Hành; và

- Đợt chào bán sau chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành kết thúc đợt chào bán trước và gửi hồ sơ báo cáo kết quả đợt chào bán trước cho Ủy ban Chứng khoán theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 (mười hai) tháng.

## **18. Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu**

Số tài khoản: 1021511768.

Tên chủ tài khoản: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây.

## **19. Ý Kiến Của Cơ Quan Có Thẩm Quyền Về Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng Của Tổ Chức Phát Hành**

Ngày 31/03/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 01/2021/TT-NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 17/05/2021. Theo đó, Thông tư số 01/2021/TT-NHNN không quy định phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của Tổ chức tín dụng phải có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

## **20. Các Loại Thuế Có Liên Quan**

### **20.1. Các loại thuế có liên quan**

Phần trình bày về thuế này dựa trên các quy định hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán) phải tuân theo các quy định riêng. Các quy định và mức thuế nêu dưới đây dựa theo pháp luật hiện hành và có thể thay đổi theo từng thời kỳ.

#### **(a) Thuế thu nhập cá nhân**

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%;
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

#### **(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo

hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

### **(c) Thuế Giá trị Gia tăng**

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế Giá trị Gia tăng.

## **20.2. Khấu trừ Thuế**

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào ("**Thuế**") do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền, hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy từng trường hợp áp dụng) ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ thị trường.

## **21. Thông Tin Về Các Cam Kết**

Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Tổ Chức Phát Hành cam kết hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu theo đúng quy định của pháp luật. Khối lượng trái phiếu, thời gian đăng ký, niêm yết và các điều kiện cụ thể khác sẽ được thực hiện theo nghị quyết của HĐQT của Tổ Chức Phát Hành.

## **VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

## **VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

- Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, chi tiết sử dụng như sau:



STT	Mục đích sử dụng	Đợt 1 (tỷ VND)	Đợt 2 (tỷ VND)	Đợt 3 (tỷ VND)
1	<b>Tăng vốn cấp 2</b>			
	+ Hoạt động cho vay trung - dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức	1.000	1.000	1.000
	+ Hoạt động đầu tư	-	-	-
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-
2	<b>Tăng quy mô vốn khác</b>			
	+ Hoạt động cho vay	-	-	-
	+ Hoạt động đầu tư	-	-	-
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-

Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trong từng Đợt Phát Hành phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế.

- Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán:
  - Thanh toán lãi trái phiếu: lãi thu được từ các lĩnh vực mà VietBank dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ hết đi chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của VietBank bị lỗ;
  - Thanh toán gốc trái phiếu: VietBank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) huy động vốn từ nền kinh tế, (ii) lợi nhuận kinh doanh của VietBank và/hoặc (iii) các nguồn khác để thanh toán gốc trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trái phiếu trước hạn.

## IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

### 22. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

**TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH:** Không có

**TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:** Không có

**ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI:** Không có

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

*Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2019, 2020:*

**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

Trụ sở chính : Lầu 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3824 5252

Fax: (028) 3824 5250

Website : <https://www.ev.com/>

**Đôi với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2021:**

**Công ty TNHH KPMG Việt Nam**

Trụ sở chính : Lầu 10, Tòa nhà Sunwah, Số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3821 9266

Fax: (028) 3821 9267

Website : <https://www.kpmg.com/>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)**

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)**

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

**ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)**

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

**23. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán (nếu có) (nếu kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực liên quan).**

Không có

**X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ (nếu có)**

Không có.



XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 06 năm 2022

Đại diện Tổ Chức Phát hành  
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Dương Nhật Nguyên

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đinh Nguyễn Hải Linh

Đại diện Tổ Chức Tư Vấn  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Thế Quang



**PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép Thành lập và Hoạt động của VietBank.
2. Phụ lục II:
  - Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2021 và Phương án niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
  - Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021.
  - Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2022 đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021.
  - Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua việc tiếp tục triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng.
3. Phụ lục III: Điều lệ của VietBank.
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2020, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quyết toán Quý I năm 2022.
5. Phụ lục V: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư và các điều kiện khác.
6. Phụ lục VI: Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu giữa Tổ Chức Phát Hành với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.
7. Các tài liệu khác liên quan đến đợt chào bán (nếu có).



**BỘ TÀI CHÍNH  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9455/UBCK-QLCB  
V/v tài liệu báo cáo chào bán trái phiếu ra  
công chúng Đợt 3 của Ngân hàng TMCP  
Việt Nam Thương Tín

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Về việc chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 3 theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK ngày 12/7/2022 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) có ý kiến như sau:

1. VietBank thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 3 theo nội dung Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK ngày 12/7/2022, phương án được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 và HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 134/2023/NQ-HĐQT ngày 20/9/2023.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày 29/12/2023, VietBank phải công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VietBank, Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP). Bản dự thảo công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu phải được gửi cho UBCKNN trước khi thực hiện việc công bố thông tin ra công chúng.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, VietBank phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCKNN theo quy định tại khoản 7 Điều 41 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

4. VietBank phải thực hiện các nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

UBCKNN thông báo để VietBank được biết và thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBCKNN (để b/c);
- PCT Hoàng Văn Thu (để b/c);
- HNX;
- VSDC;
- CTCP CK HD;
- Lưu: VT, QLCB (08b).

**TL. CHỦ TỊCH  
VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN**



**Bùi Hoàng Hải**